

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

---

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**NGHỆ AN - 2018**

## DANH SÁCH

### Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

(Kèm theo Quyết định số: 1185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017

của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Ngô Đình Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	Phó Chủ tịch	
4	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Thư kí	
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
6	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	Ông Trần Đình Quang	Phó Giám đốc PT TT ĐBCL	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
9	Ông Phạm Công Lý	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
11	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên	
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
13	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Thư viện	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên	
15	Bà Hồ Thị Diệu Ánh	Trưởng Bộ môn, khoa Kinh tế	Thành viên	
16	Bà Thái Thị Kim Oanh	Giảng viên, khoa Kinh tế	Thành viên	
17	Ông Cao Xuân Kỳ	SV K56 QTKD, khoa Kinh tế	Thành viên	

Danh sách này gồm có 17 người.

## MỤC LỤC

	Trang
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT</b> .....	1
1.1. Đặt vấn đề .....	1
1.2. Tổng quan chung .....	4
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ</b> .....	10
Tiêu chuẩn 1 MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	10
Tiêu chuẩn 2 BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	18
Tiêu chuẩn 3 CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC .....	24
Tiêu chuẩn 4 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC .....	31
Tiêu chuẩn 5 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC .....	39
Tiêu chuẩn 6 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN NGHIÊN CỨU VIÊN .....	52
Tiêu chuẩn 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN .....	69
Tiêu chuẩn 8 NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC .....	79
Tiêu chuẩn 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ .....	90
Tiêu chuẩn 10 NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG .....	102
Tiêu chuẩn 11 KẾT QUẢ ĐẦU RA .....	119
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN</b> .....	129
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC</b> .....	135
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT .....	135
Phụ lục 2: Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá .....	157

## BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

<b>Chữ cái viết tắt</b>	<b>Ý nghĩa</b>
BCN	Ban chủ nhiệm
BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo
BGH	Ban giám hiệu
CĐR	Chuẩn đầu ra
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT - HSSV	Công tác chính trị, học sinh sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐH	Đại học
GDĐH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HTSV&QHĐN	Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp
HV	Học viên
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KH&HTQT	Khoa học và hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPGD	Phương pháp giảng dạy
QTKD	Quản trị kinh doanh
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục thể thao
TS	Tiến sĩ
THPT	Trung học phổ thông

## DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 6.1. Số lượng giảng viên giảng dạy tại khoa Kinh tế trong các năm gần đây.....	55
Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học của khoa Kinh tế trong các năm gần đây.....	55
Bảng 6.3. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu khoa Kinh tế từ 2013 đến 2018.....	67
Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh.....	80
Bảng 8.2. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên năm học 2017 - 2018 ngành Quản trị kinh doanh.....	83
Bảng 10.1. Các công trình khoa học đã công bố của Khoa Kinh tế từ 2013 - 2018 ....	111
Bảng 10.2. Một số đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập.....	112
Bảng 11.1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2013 - 2018 ngành Quản trị kinh doanh.....	120
Bảng 11.2. Tỷ lệ thôi học ngành Quản trị kinh doanh.....	120
Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh giai đoạn 2013 - 2018 .....	122
Bảng 11.4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh.	124
Bảng 11.5. Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH và Hoạt động khởi nghiệp.....	126
Bảng 11.6. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên .....	126

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

#### 1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế, Đại học Vinh bao gồm khối kiến thức đại cương, kiến thức khối ngành và kiến thức chuyên ngành. Chương trình giúp sinh viên tiếp cận tất cả các lĩnh vực như Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị sản xuất tác nghiệp, Quản trị thương hiệu, Quản trị Marketing... trong một tổ chức, doanh nghiệp cả góc độ lý thuyết và thực tế. Ngoài ra chương trình ngành Quản trị kinh doanh còn có nhiều học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập. Đồng thời, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh doanh trong điều kiện thị trường. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về cách thức thực hiện các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra và đánh giá trong thực tiễn quản lý hoạt động kinh doanh nói chung cũng như quản trị các lĩnh vực hoạt động khác nhau của một tổ chức kinh doanh.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh bao gồm 5 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng cần mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể;* (2) *Nêu những điểm mạnh của CTĐT;* (3) *Điểm tồn tại;* (4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng* và (5) *Tự đánh giá.*

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 1074, 1075 của Bộ giáo dục đào tạo ngày, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành 1 phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành Quản trị kinh doanh được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

*Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.*

### ***1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá***

#### ***Mục đích tự đánh giá:***

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH*** của BGD&ĐT, ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ng y 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng BGD & ĐT.

Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành Quản trị kinh doanh tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo

ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và thực hành quản trị kinh doanh đứng đầu cả nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Khoa Kinh tế trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành Quản trị kinh doanh theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

**Quy trình tự đánh giá:** quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Quản trị kinh doanh

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Quản trị kinh doanh

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 8 năm 2018. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: 1. Mô tả; 2. Điểm mạnh; 3. Tồn tại; 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng; 5. Tự đánh giá.

Sau khi có quyết định thành lập *Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh*, Nhà trường đã ban hành *Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh*; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

+ Nhóm 1 do TS. Nguyễn Thị Thu Cúc làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10, 11;



- + Nhóm 2 do TS. Nguyễn Hoài Nam làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3,4;
- + Nhóm 3 do TS. Hồ Thị Diệu Ánh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5,8;
- + Nhóm 4 do TS. Hồ Mỹ Hạnh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6,7;
- + Nhóm 5 do TS. Thái Thị Kim Oanh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2;
- + Nhóm 6 do TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT do Nhà trường tổ chức, Khoa Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh, tiến hành họp cán bộ toàn khoa để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng...* Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Khoa giao cho một cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Ban Lãnh đạo Khoa cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa.

**Phương pháp và công cụ tự đánh giá:** Thực hiện đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu... Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

## **1.2. Tổng quan chung**

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã

quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyên giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động: "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Đến ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước".

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất

nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ: “Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trong thời gian vừa qua, Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và trước xã hội.

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khoa Kinh tế được giao nhiệm vụ đào tạo 4 mã ngành Đại học chính quy hệ cử nhân kinh tế:

Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư) và 4 mã ngành đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học gồm Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế. Khoa Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế thực hiện những nhiệm vụ sau:

- + Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

- + Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp.

- + Đào tạo trình độ Thạc sĩ Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- + Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- + Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về Kinh tế và Quản lý kinh tế.

- + Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.

- + Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Kinh tế đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành Quản trị kinh doanh. Ngành Quản trị kinh doanh đã và đang tham gia đào tạo hơn 2.000 cử nhân chính quy, đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ.

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản

phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức chuyên nghiệp và khối kiến thức chuyên ngành). Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân Quản trị kinh doanh, được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan, sinh viên tốt nghiệp chương trình ngành Quản trị kinh doanh có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường hội nhập quốc tế.

Các học phần trong chương trình đào tạo ngành QTKD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành QTKD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Khoa Kinh tế có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lí, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên hiện đang được

trẻ hóa, giảng viên được tuyển mới phần lớn có trình độ thạc sĩ trở lên nên tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt 100%.

Khoa Kinh tế đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành Quản trị kinh doanh có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa Kinh tế.

Bản “Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành QTKD” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), Hội đồng trường, Khoa Kinh tế, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường. “Báo cáo tự đánh giá” đã được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường, đồng thời gửi đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo đến Bộ GD&ĐT và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội trong tháng 10 năm 2018.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

### Tiêu chuẩn 1

#### MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định một cách rõ ràng, có căn cứ và đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, thể hiện được sự cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã triển khai xây dựng và tuyên bố mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT ngành QTKD theo tiếp cận CDIO. Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT được thực hiện định kì có tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

**Tiêu chí 1.1:** *Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.*

#### 1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng và thể hiện rõ trong Bản mô tả chương trình đào tạo [H1.01.01.01]. Mục tiêu CTĐT được xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng [H1.01.01.02] thể hiện rõ qua mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể và được xác định theo cách thức tiếp cận CDIO. Mục tiêu tổng quát của CTĐT xác định: “Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh có kiến thức nền tảng về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản trị kinh doanh; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị kinh doanh trong môi trường hội nhập”. Mục tiêu của CTĐT được ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/04/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh [H1.01.01.03], được công khai trên Cổng thông tin chính thức của Nhà trường [H1.01.01.04].

Sứ mạng hiện nay của Trường: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước". Tầm nhìn hiện nay của Trường là: "Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á, hướng tới sự thành đạt của người học" [H1.01.01.05].

Từ ngày 18/8/2016 đến 12/9/2016 Hội đồng Khoa học Khoa và Bộ môn QTKD đã tiến hành rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT theo tiếp cận CDIO, theo đó mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được điều chỉnh bao gồm toàn bộ nội dung của mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể; bổ sung thêm nội dung vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh các chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên của Khoa luôn bám sát vào các nội dung về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, từ đó đã giúp cho việc xác định mục tiêu của CTĐT ngành QTKD hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT theo tiếp cận CDIO do Hội đồng khoa học của Khoa phụ trách phản biện và thẩm định CTĐT [H1.01.01.06].

Thông qua kết quả khảo sát, đánh giá dự báo nhu cầu của thị trường lao động về mục tiêu giáo dục cho thấy thị trường lao động yêu cầu đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh của Trường là phải có kiến thức nền tảng về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản trị kinh doanh, có thái độ làm việc tích cực, có năng lực ngoại ngữ, có kỹ năng tổ chức, kỹ năng thuyết trình, trình bày ý tưởng,...thích ứng với môi trường hội nhập [H1.01.01.07]. Những yêu cầu này đã được phản ánh trong mục tiêu của CTĐT, thể hiện qua những nội dung cụ thể sau:

+ Mục tiêu tổng quát của CTĐT xác định: “Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh có kiến thức nền tảng về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản trị kinh doanh; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị kinh doanh trong môi trường hội nhập”.

+ **Mục tiêu cụ thể:** Sinh viên tốt nghiệp chương trình Quản trị kinh doanh có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

<b>I</b>	<b>ÁP DỤNG KIẾN THỨC KINH TẾ CƠ SỞ</b>
1.1	<i>Hiểu biết</i> về kiến thức khoa học xã hội, chính trị và pháp luật.
1.2	<i>Sử dụng</i> các kiến thức nền tảng về toán và tin học.
1.3	<i>Áp dụng</i> các kiến thức cơ sở kinh tế cho các loại thị trường, tài chính tiền tệ và quản lý.
1.4	<i>Áp dụng</i> các kiến thức về hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp, khả năng tạo động lực làm việc, kỹ năng trong quản trị kinh doanh.
<b>II</b>	<b>KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN</b>
2.1	<i>Phân tích</i> và giải quyết các vấn đề kinh tế/kinh doanh
2.2	<i>Tiến hành</i> nghiên cứu khám phá kiến thức kinh tế/kinh doanh
2.3	<i>Tư duy</i> theo hệ thống
2.4	<i>Kỹ năng cá nhân:</i> thái độ, tư tưởng và tinh thần học tập tốt
2.5	<i>Kỹ năng chuyên nghiệp:</i> đạo đức, công bằng và trách nhiệm tốt



<b>III</b>	<b>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>
3.1	<i>Kỹ năng làm việc nhóm</i>
3.2	<i>Kỹ năng giao tiếp</i>
3.3	<i>Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ</i>
<b>IV</b>	<b>NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, XÂY DỰNG, THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI</b>
4.1	<i>Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh</i>
4.2	<i>Hiểu bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh</i>
4.3	<i>Hình thành ý tưởng quản trị kinh doanh</i>
4.4	<i>Thiết kế hoạt động quản trị kinh doanh</i>
4.5	<i>Thực hiện hoạt động quản trị kinh doanh</i>
4.6	<i>Đánh giá và cải tiến hoạt động quản trị kinh doanh</i>

**+ Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý, kinh doanh với vai trò quản trị và điều hành kinh doanh. Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc ở các vị trí:

- + Giám đốc; Trợ lý, Chuyên viên tư vấn chiến lược
- + Giám sát bán hàng; Chuyên viên quản lý bán hàng
- + Chuyên viên lập kế hoạch, Chuyên viên Marketing, Chuyên viên kinh doanh, Trưởng nhân hàng
- + Chuyên viên quản lý nhân sự, chuyên viên tuyển dụng
- + Chuyên viên Quản trị hành chính văn phòng, Thư ký
- + Giảng viên, Nghiên cứu viên

**+ Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Có khả năng tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc học tập và nghiên cứu để đạt được các chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp; có đủ năng lực tham gia chương trình đào tạo sau đại học ngành Quản trị kinh doanh và các ngành thuộc khối ngành Kinh tế. [H1.01.01.08].

Sau khi hoàn thiện khung CTĐT và đề cương các học phần theo CĐR, Khoa cũng đã khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của giảng viên và chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng [H1.01.01.09]. Kết quả khảo sát cho thấy, CĐR và khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đó là sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực của Nhà trường cũng như phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động.

Đôi chiếu các nội dung của mục tiêu CTĐT ngành QTKD cho thấy có sự phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học

[H1.01.01.10] số: 08/2012/QH13 ban hành ngày 16/06/2012 (*thể hiện tại mục 1 điều 5 và mục b thuộc mục 2 điều 5*) cũng như Khung trình độ quốc gia Việt Nam tại Quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ [H1.01.01.11] số: 1982/QĐ -TTg ban hành ngày 18/10/2016 về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam (*thể hiện tại nội dung b thuộc mục 4 điều 1 và nội dung e thuộc mục 5 điều 1*)

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu chương trình đào tạo của Trường được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; có khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá và lấy ý kiến của các bên liên quan.

## **3. Điểm tồn tại**

- Việc lấy ý kiến của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên.
- Chưa có Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh làm căn cứ cho việc sửa đổi bổ sung CTĐT theo hướng tiếp cận sát với nhu cầu xã hội.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong tháng 10 hàng năm, Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế, TT dịch vụ, HTSV&QHĐN, Phòng CTCT - HSSV lập danh sách cụ thể các tổ chức/doanh nghiệp và thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá; Trung tâm Kiểm định, Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh làm căn cứ cho việc sửa đổi bổ sung CTĐT theo hướng tiếp cận sát với nhu cầu xã hội;

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.1: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 1.2:** *Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình.*

### **1. Mô tả**

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định rõ, thể hiện trong Bản Mô tả chương trình đào tạo dành cho các khóa học từ năm học 2011-2012 đến năm học 2017-2018. Chuẩn đầu ra đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với người tốt nghiệp. Cụ thể, sau khi tốt nghiệp, người học sẽ nắm được “*những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh của các tổ chức kinh doanh hoạt động trong điều*

*kiện cơ chế thị trường*”; biết về “*cách thức thực hiện các chức năng quản trị như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra, đánh giá trong thực tiễn nói chung cũng như quản trị các lĩnh vực hoạt động khác nhau của một tổ chức kinh doanh*”; đặc biệt là được rèn luyện về các kỹ năng quản trị như “*Khả năng nhận định tình huống, khả năng ra quyết định, khả năng khởi sự doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp, đàm phán và quan hệ với công chúng*”. CTĐT ngành QTKD đã bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình, thể hiện chi tiết trong Bản mô tả, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, ma trận các kỹ năng, được tích hợp với CĐR của từng môn học trong CTĐT ngành QTKD bao gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành [H1.01.02.01; H1.01.02.02]. Chất lượng đầu ra của sinh viên đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nhân lực của khối cơ quan, doanh nghiệp, cụ thể sinh viên tốt nghiệp có thể “*đảm nhận những công việc quản trị như: quản trị sản xuất, quản trị chiến lược, quản trị dự án kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị nhân lực, quản trị bán hàng, quản trị cung ứng hàng hóa và dịch vụ thương mại trong các loại hình doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế - chính trị - xã hội*”; “*Nghiên cứu, giảng dạy (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp*”, điều này là phù hợp với mục tiêu giáo dục của nhà trường và của khoa nhằm xây dựng Trường, khoa Kinh tế trở thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học đa ngành, đa cấp, xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực.

Ngoài ra, CĐR của ngành còn xác định rằng, sinh viên được đào tạo còn có khả năng theo học ở các bậc học cao hơn của ngành Quản trị kinh doanh và các ngành liên quan khác. Những thông tin này được công bố công khai trong Chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh trên Cổng thông tin điện tử chính thức của nhà trường [H1.01.02.03].

CĐR của ngành QTKD được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, được xác định căn cứ vào ma trận kỹ năng và được đánh giá bởi thị trường lao động thông qua việc khảo sát của Khoa và Nhà trường đã tiến hành về nhu cầu của thị trường lao động trong vòng 5 năm tính tới thời điểm đánh giá [H1.01.02.04] và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CĐR [H1.01.02.05].

Với việc tham khảo nhiều luồng ý kiến và thông tin góp ý, Khoa đã tiến hành rà soát, sửa đổi Chương trình đào tạo ngành QTKD và đưa ra bộ CĐR phù hợp [H1.01.02.06], qua đó giúp giáo viên, sinh viên và các doanh nghiệp hiểu rõ hơn, đánh giá đúng chất lượng dạy và học của ngành QTKD.

## **2. Điểm mạnh**

CĐR của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chi rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của sinh viên tốt nghiệp CTĐT; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa Kinh tế và ngành QTKD chưa thường xuyên, định kỳ thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi, nhất là từ phía người học sau khi tốt nghiệp, và các nhà tuyển dụng lao động cũng như của các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành để tiếp nhận ý kiến góp ý, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với nhu cầu biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động và của xã hội.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 - 2019, Trung Tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa và các bộ môn chuyên môn triển khai bộ CĐR và CTĐT mới theo hướng tiếp cận CDIO; Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan tới CĐR của CTĐT. Liên tục cập nhật CĐR đáp ứng yêu cầu xã hội và người học. Định kỳ hàng năm theo kế hoạch sẽ tiến hành đánh giá lại và điều chỉnh nếu cần thiết.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.2: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 1.3:** *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.*

### **1. Mô tả**

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở điều tra, khảo sát yêu cầu nhân lực của thị trường lao động, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các doanh nghiệp bao gồm ba mục tiêu chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với nhu cầu thực tế của Nhà tuyển dụng, nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội đối với Nhà trường, khoa và bộ môn [H1.01.03.01].

Chuẩn đầu ra đồng thời cũng thể hiện sự cam kết về chất lượng đối với người học về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu lao động; yêu cầu sinh viên tích cực, chủ động, tự giác học tập; tăng cường tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo[H1.01.03.02].

Để đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT, tháng 5/2018 khoa, bộ môn cũng đã tiến hành rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các nhóm chuyên môn cùng nhau thảo luận và rà soát bảng ITU của các học phần, đồng thời khẳng định sự phù hợp của chuẩn đầu ra trong CTĐT [H1.01.03.03]. Quá trình rà soát, có sự tham gia của Hội đồng tư vấn chương trình đào tạo (*tư vấn ngành*) bao gồm các cán bộ quản lý, giảng viên bộ môn có kinh nghiệm và có sự trao đổi ý kiến từ các chuyên gia đại diện doanh nghiệp gắn với ngành đào tạo [H1.01.03.04].

Chuẩn đầu ra sau khi đã được xây dựng được công bố công khai trên các trang thông tin điện tử của Trường và Khoa để người học biết được kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp [H1.01.03.05].

Công khai với xã hội về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng của trường để người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng biết và giám sát. Thực hiện những cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo để cán bộ quản lý, giảng viên và người học nỗ lực vươn lên trong giảng dạy và học tập, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học tập. Đồng thời, xác định rõ nghĩa vụ và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy và quản lý nhằm giúp người học vươn lên trong học tập và tự học để đạt chuẩn đầu ra. [H1.01.03.06].

## **2. Điểm mạnh**

Chuẩn đầu ra CTĐT được công bố công khai cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất, và được thể hiện cụ thể trong từng năm học, ở từng học phần cụ thể.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QTKD được định kỳ rà soát, đổi mới theo hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp.

Việc rà soát, điều chỉnh CDR của chương trình đào tạo được xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và việc làm, dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí làm việc của người lao động với sự tham gia của các doanh nghiệp.

### **3. Điểm tồn tại**

Quá trình xây dựng chuẩn đầu ra chưa huy động được nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá kết quả đầu ra.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 - 2019, Khoa và Bộ môn chuyên ngành phối hợp với Trung tâm HTSV - QHDN mời các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của sinh viên. Thực hiện rà soát và hoàn thiện các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO. Khoa Kinh tế tiếp tục hoàn thiện các mục tiêu đào tạo theo chuẩn được rút ra và rà soát lại nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, thi kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.3: Đạt (mức 4/7)**

#### **Kết luận**

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra bao quát được cả các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình; phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. Tuy nhiên cần phải rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan tới CDR của CTĐT và thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT để đối sánh làm căn cứ cho việc sửa đổi bổ sung CTĐT theo hướng tiếp cận sát với nhu cầu xã hội; Tiếp tục thực hiện rà soát và hoàn thiện các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO của Nhà trường.

### **Tự đánh giá Tiêu chuẩn 1: Đạt (mức 4,3/7)**

## **Tiêu chuẩn 2**

### **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường Đại học Vinh ban hành từ năm 2011, điều chỉnh năm 2016, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội, được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD cung cấp các thông tin về Trường/cơ sở cấp bằng, tên chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình, đề cương chi tiết của từng học phần cũng như các thông tin về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

#### **Tiêu chí 2.1: *Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.***

##### **1. Mô tả**

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin về: Trường/cơ sở cấp bằng; Tên gọi của văn bằng; Tên CTĐT; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc chương trình và các yêu cầu bao gồm trình độ, học phần, số tín chỉ; Thời điểm thiết kế và điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Đối với bản mô tả học phần thì cung cấp các thông tin về: Thông tin về giảng viên, thông tin về học phần; Mô tả học phần; Mục tiêu học phần; Chuẩn đầu ra học phần; Đánh giá học phần; Nội dung giảng dạy; Nguồn học liệu; Quy định của môn học; Phụ trách môn học. Bản mô tả học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ chương trình.[H2.02.01.01]

Các thông tin về bản mô tả chương trình đào tạo đều được truyền tải thông qua nhiều hình thức khác nhau như tờ rơi, tài liệu quảng bá tuyển sinh, các bản tin của khoa và Nhà trường [H2.02.01.02]. Các nội dung trong bản mô tả chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng và được xác định theo cách thức tiếp cận CDIO [H2.02.01.03].

Dựa trên nhu cầu thực tế về thị trường lao động, các yêu cầu đổi mới của Nhà trường cũng như quá trình hội nhập trong giáo dục. Việc cập nhật, rà soát, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tiến hành định kỳ hàng năm [H2.02.01.04]. CTĐT theo tiếp cận CDIO được triển khai áp dụng (2017) đã thể hiện tính cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan đến mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT để thay thế cho các CTĐT trước đó.

Trong quá trình rà soát, hình thành Hội đồng tư vấn chương trình đào tạo (*tư vấn ngành*) bao gồm các thành phần như cán bộ quản lý, giảng viên bộ môn có kinh

nghiệm và có sự tham gia trao đổi ý kiến từ các chuyên gia đại diện doanh nghiệp gắn với ngành đào tạo [H2.02.01.05]. Việc thực hiện các nội dung cập nhật, rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh này đều có kế hoạch để xây dựng và báo cáo xây dựng điều hình cụ thể. [H2.02.01.06]. Tất cả các thông tin về những hoạt động này đều được thông báo trên hệ thống trang thông tin của Khoa và Nhà Trường. [H2.02.01.07]

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; thời gian đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa học; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; thang điểm; nội dung chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kế hoạch giảng dạy dự kiến.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới về lĩnh vực kinh tế theo định kỳ hàng năm.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong quá trình xây dựng Bản mô tả chương trình đào tạo thì sự tham gia trao đổi ý kiến từ các chuyên gia đại diện doanh nghiệp gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên và số lượng các chuyên gia đại diện doanh nghiệp tham gia còn ít.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 - 2019 trở đi, Phòng đào tạo và Khoa Kinh tế sẽ chuyển tải các nội dung và thông tin của CTĐT đến các bên liên quan và tiếp tục cập nhật, tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Trong quá trình xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo, Khoa Kinh tế lập kế hoạch chi tiết phối hợp với Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Dịch vụ sinh viên mời 10 chuyên gia đại diện các doanh nghiệp tham gia góp ý cho chương trình đào tạo.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.1: Đạt (mức 4/7)**

### **Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.**

#### **1. Mô tả**

Đề cương các học phần gồm 43 học phần, được thể hiện trong Bản đề cương môn học/học phần với đầy đủ các thông tin về Giảng viên (Họ tên/ chức danh/học



hàm, học vị/ Hướng nghiên cứu chính/ địa chỉ/email), tên môn học, mã môn học, số tín chỉ, loại môn học, giờ tín chỉ đối với các hoạt động, mục tiêu môn học, mô tả vắn tắt nội dung môn học, nội dung chi tiết môn học, học liệu, hình thức tổ chức dạy học, Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên, Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học, ngày phê duyệt, cấp phê duyệt [H2.02.02.01].

Đề cương các môn học được cung cấp cho các người học thông qua quá trình học, qua trang thông tin điện tử của khoa [H2.02.02.02]. Các nội dung thông tin của đề cương các học phần đều có sự tham gia ý kiến đóng góp của các bên liên quan như người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng [H2.02.02.03]. Từ khóa 52 đến khóa 58 đề cương các học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật 2 năm 1 lần (đối với các khóa 52 - 55) và 1 năm 1 lần đối với khóa 56, 57, 58 [H2.02.02.04], cụ thể việc tiến hành điều chỉnh đề cương chi tiết học phần được tiến hành như sau:

- Năm 2010: Xây dựng đề cương chi tiết cho khóa 52, 53
- Năm 2012: Xây dựng đề cương chi tiết cho khóa 54, 55
- Năm 2014: Xây dựng đề cương chi tiết cho khóa 56
- Năm 2015: Xây dựng đề cương chi tiết cho khóa 57
- Năm 2016: Xây dựng đề cương chi tiết cho khóa 58

Quá trình rà soát, điều chỉnh được tiến hành tuần tự theo từng bước:

- Rà soát ở bộ môn về kết cấu khung chương trình và phân bố các môn học trong chương trình đào tạo
  - Rà soát ở các nhóm chuyên môn về các học phần được sửa đổi/xây dựng mới
  - Trình hội đồng khoa học Khoa Kinh tế xem xét và phê duyệt (tiến hành hiệu chỉnh nếu cần)
  - Trình hội đồng khoa học Nhà trường xem xét và phê duyệt (tiến hành hiệu chỉnh nếu cần)
  - Trình Hiệu trưởng Trường đại học Vinh phê duyệt và ra quyết định Công bố Chương trình đào tạo mới.

Riêng đối với đề cương từ khóa 58 trở đi, trong quy trình rà soát, thực hiện được bổ sung thêm 1 bước ở điểm bắt đầu của quy trình, đó là lấy ý kiến của các bên liên quan về yêu cầu đầu ra đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, làm căn cứ, cơ sở để tiến hành sửa chữa/bổ sung/cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Đề cương được cập nhật trên cơ sở xây dựng ma trận phát triển kiến thức kỹ năng [H2.02.02.05]. Có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến các nội dung thông tin trong đề cương học phần [H2.02.02.06]. Đặc biệt từ khóa 58 trở đi đề cương học phần được thiết kế theo tiếp cận CDIO, các nội dung thông tin học phần được đổi mới đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố và phù hợp với nhu cầu xã hội, đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá học phần hướng tới năng lực của người học [H2.02.02.07], cụ thể, có những điểm khác biệt so với đề cương học phần của các khóa trước là:

- Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn đầu ra, xây dựng ma trận ITU phù hợp với năng lực của người học
- Các nội dung trong đề cương học phần tuân thủ chặt chẽ các chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo
- Việc đánh giá học phần (xây dựng ma trận đề thi, câu hỏi thi) phù hợp với năng lực và các chuẩn đầu ra của học phần đã được xây dựng .
- Giữa các học phần trong cùng chương trình đào tạo, thực hiện phân nhiệm các nhiệm vụ giảng dạy một cách logic, tránh trùng lặp nội dung.
- Các học phần chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: kiến thức, thái độ, kỹ năng, tùy thuộc vào vị trí môn học trong khung chương trình đào tạo.

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương các học phần được thể hiện trong Bản đề cương môn học/học phần với đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh nên đề cương các học phần chưa có sự đối sánh chất lượng môn học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2019 Trung tâm Đảm bảo chất lượng của Nhà trường cung cấp kết quả KĐCLGD đối sánh chất lượng môn học/học phần. Từ năm học 2018-2019 trở đi Khoa Kinh tế tiếp tục định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu hàng năm.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.2: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.**

### **1. Mô tả**

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai cho các sinh viên, Nhà trường và xã hội thông qua nhiều kênh thức khác nhau như đăng tải trên trang Web của Nhà trường, hệ thống phần mềm CMC dành cho cả giảng viên, sinh viên, quá trình giảng dạy các học phần...[H2.02.03.01]. Với việc ứng dụng công nghệ thông tin để công bố thông tin liên quan đến chương trình đào tạo, đề cương các học phần, giúp cho các sinh viên, giảng viên, nhà quản lý có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập... [H2.02.03.02].

Thông qua quá trình trao đổi trực tuyến và trực tiếp với sinh viên và xã hội [H2.02.03.03], các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng có thể hiểu rõ hơn về yêu cầu chất lượng sinh viên của ngành khi tốt nghiệp, các kỹ năng thu nhận, từ đó có được những đánh giá khách quan, cần thiết [H2.02.03.04].

### **2. Điểm mạnh**

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình lưu trữ và truyền tải các dữ liệu cần thiết liên quan đến CTĐT trên trang web của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC giúp sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà quản lý, doanh nghiệp vẫn chưa thực sự được họ chú ý và quan tâm để góp ý cho chương trình đào tạo.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018-2019, Trung tâm công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào của Nhà trường tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin, phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý.

Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp lập kế hoạch vào tháng 6 hàng năm mời các chuyên gia, doanh nghiệp,

nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của sinh viên.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.3: Đạt (mức 4/7)**

##### **Kết luận:**

Bản mô tả chương trình đào tạo và bản mô tả học phần đầy đủ thông tin và cập nhật được chuẩn hóa trong toàn bộ chương trình. Đề cương các học phần được thể hiện trong Bản đề cương môn học/học phần với đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nhà trường cần thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh để làm căn cứ cho sửa đổi bổ sung bản mô tả chương trình đào tạo. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin và mời các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo, kết quả đầu ra của sinh viên.

#### **Tự đánh giá Tiêu chuẩn 2: Đạt (mức 4.0/7)**

### Tiêu chuẩn 3

## CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### Mở đầu

Chương trình dạy học ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát chuẩn đầu ra, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ.

### **Tiêu chí 3.1: *Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.***

#### **1. Mô tả**

Trước khi xây dựng chương trình đào tạo, nhà trường đã xây dựng phiếu điều tra, khảo sát ý kiến và phản hồi của các bên liên quan: Quyết định ban hành quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động Trường Đại học Vinh ban hành số 1307/QĐ- ĐHV ngày 01/11/2016; Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2016-2017 ngày 12/6/2017 theo số 25/BC- ĐHV; Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2017-2018 số 10/BC- ĐHV ngày 29/03/2018; Phiếu xin ý kiến sinh viên; Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học kỳ 1(2017-2018) [H3.03.01.01]; [H3.03.01.02].

Chương trình dạy học (CTDH) hệ chính quy ngành Quản trị kinh doanh xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO, ban hành theo quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR. Đề cương các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế dựa trên ma trận kỹ năng [H3.03.01.03]. Thiết kế chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được dựa trên mục tiêu ngành học, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, từ đó thiết kế ma trận năng lực ITU, ma trận điểm và xây dựng chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết môn học [H3.03.01.04]. Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức chuyên nghiệp và khối kiến thức chuyên ngành). Các môn học thuộc khối kiến thức chung (các môn lịch sử các học thuyết kinh tế; kinh tế quốc tế, toán kinh tế, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam...)

trang bị cho sinh viên được kiến thức nền tảng cơ bản nhất của ngành học, cái nhìn tổng quan về kinh tế, nguồn gốc cơ bản của kinh tế và định hướng kinh tế hiện nay tại Việt Nam. Các môn học thuộc kiến thức cơ sở nhóm ngành (các môn luật kinh tế, kinh tế vi mô, vĩ mô, nguyên lý kế toán, marketing cơ bản... trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng, cơ sở cho sinh viên hiểu, vận dụng được kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất các hiện tượng kinh tế và vận dụng quy luật của kinh tế thị trường; hình thành cho sinh viên phát triển các năng lực thu thập thông tin, các kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, bình luận được sự thay đổi kinh tế thực tế. Khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 75%, làm tiền đề cho khối kiến thức chuyên ngành QTKD (Quản trị nhân lực; quản trị chất lượng, quản trị chiến lược, kỹ năng quản trị, kỹ năng kinh doanh) giúp sinh viên những kiến thức cơ bản trong kinh doanh, quản trị, điều hành các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; Bổ trợ các kỹ năng về kinh doanh, nghệ thuật, chiến lược kinh doanh, kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo, quản trị thời gian... ứng dụng vào thực tiễn kinh doanh thương mại trên thị trường một cách hiệu quả. Và đặc biệt từ kiến thức chuyên ngành, các bạn sinh viên sẽ hiểu được các vị trí công việc trên thực tế để có những lựa chọn công việc thích hợp với bản thân sau khi ra trường. Vì vậy, chương trình đào tạo đáp ứng được nhu cầu xã hội. Các môn học trong chương trình đào tạo ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định.... cần thiết cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh khi ra trường được thể hiện thông qua ma trận kỹ năng [H3.03.01.05].

Định kỳ hằng năm, căn cứ trên phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo,

Hội đồng khoa học và đào tạo khoa tổ chức họp và đề xuất những thay đổi, chỉnh sửa về chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu người học và thị trường lao động [H3.03.01.06].

## **2. Điểm mạnh**

Trường Đại học Vinh triển khai xây dựng và phát triển CTĐT một cách khoa học, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, đưa ra các văn bản hướng dẫn cụ thể và thay đổi chương trình học thích hợp: tín chỉ, tiếp cận CDIO để đáp ứng chuẩn đầu ra của từng ngành học, đặc biệt là ngành QTKD. Khoa Kinh tế và ngành QTKD đã cập nhật kịp thời và có những thay đổi chương trình học phù hợp với chuẩn đầu ra.

### **3. Điểm tồn tại**

Một số chuẩn đầu ra môn học chưa tương thích hoặc chông chéo với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Từ năm học 2018-2019 khoa Kinh tế sẽ rà soát qui định về tổ chức đào tạo của chương trình đào tạo hệ chính quy, tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung chuẩn đầu ra môn học cho tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Trường Đại học Vinh và Khoa kinh tế trang bị, sắp xếp lại CSVC phục vụ cho đào tạo và tăng cường tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Khoa Kinh tế xây dựng chương trình các môn học ngành Quản trị kinh doanh tiếp cận CDIO một cách khoa học, tuân thủ chuẩn đầu ra của ngành, của môn học.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 3.2: *Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.***

#### **1. Mô tả**

Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT với khối lượng 125 tín chỉ các học phần được phân nhiệm vào: Kiến thức lập luận ngành (Nhập môn ngành kinh tế, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Tiếng Anh, Tin học ứng dụng, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô...); Kỹ năng phẩm chất cá nhân (Nhập môn ngành kinh tế, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Toán cho các nhà kinh tế, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô...); Kỹ năng làm việc nhóm (Nhập môn ngành kinh tế, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Văn hóa kinh doanh, Marketing căn bản, Quản trị học, Quản trị tài chính...); Năng lực CDIE (Marketing căn bản, Văn hóa kinh doanh, Lập dự án đầu tư, Quản trị học, Quản trị tài chính, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị chất lượng, Quản trị hành chính văn phòng...), mỗi học phần được xây dựng căn cứ vào mục tiêu của CTĐT về cả kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ với người học sau khi hoàn thành chương trình [H3.03.02.01]. Khối kiến thức chung tập trung giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về kinh tế, tập trung các kỹ năng cơ bản như kỹ năng làm việc nhóm, làm slide, kỹ năng thuyết trình như môn Lịch sử các học thuyết kinh tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, nguồn gốc và sự phát triển của kinh tế chung. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp sinh viên nhận biết, quy luật và phân tích được sự biến động kinh tế hiện nay và trang bị cho sinh viên các

kỹ năng chuyên sâu như kỹ năng phân tích, tổng hợp, ứng xử, giải quyết tình huống... Ví dụ, môn quản lý nhà nước về kinh tế cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong quản lý nhà nước về kinh tế như sự cần thiết khách quan và mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế; các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm soát của nhà nước; nguyên tắc và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế. Môn văn hóa kinh doanh cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, cách thức xây dựng và phát triển văn hóa của các tổ chức trong hoạt động kinh tế; trang bị và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng ứng dụng công cụ văn hóa kinh doanh trong quản lý điều hành, đạo đức nghề nghiệp kinh doanh, xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn để đánh giá văn hóa cá nhân người lãnh đạo, tạo được bản sắc riêng về các giá trị văn hóa của doanh nghiệp; nắm được hệ thống các quy tắc ứng xử, giao tiếp trong doanh nghiệp và cuộc sống. Đến khối kiến thức chuyên ngành tập trung trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp như môn quản trị doanh nghiệp hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết các bài toán và ra quyết định về những vấn đề cốt lõi trong sản xuất, kỹ năng ứng dụng thực tiễn quản trị bộ máy sản xuất; kỹ năng phân tích tổng hợp...

Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và được xây dựng chi tiết đảm bảo các phân nhiệm ITU trong CTĐT công bố thông qua bản mô tả CTĐH và bản mô tả môn học/học phần [H3.03.02.02].

Trường Đại học Vinh đã xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho ngành Quản trị kinh doanh, chuẩn đầu ra này được xây dựng dựa trên chuẩn nghề nghiệp, trên cơ sở khảo sát các bên liên quan và các chương trình đào tạo được thông báo trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, tuyển sinh đầy đủ [ H3.03.02.03].

Đề cương chi tiết các học phần đều dựa trên phân nhiệm ITU trong chương trình đào tạo ngành QTKD. Định kỳ căn cứ trên sự phản hồi của người học, các bên liên quan, hội đồng khoa học và đào tạo khoa đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học [H3.03.02.04], [H3.03.02.05].

## **2. Điểm mạnh**

Các học phần trong CTĐT ngành QTKD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong CTĐH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.



### **3. Điểm tồn tại**

Còn có sự chông chéo về kiến thức giữa các môn học để đáp ứng chuẩn đầu ra.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Cần rà soát lại phân nhiệm ITU cho các môn học, đảm bảo không bị chông chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng 01 chuẩn đầu ra. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào phân nhiệm ITU chung của ngành để tránh trường hợp trùng hoặc bỏ sót các yêu cầu của chuẩn đầu ra của ngành QTKD.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.2: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 3.3: *Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.***

#### **1. Mô tả**

Ngày 29/09/2014 trường Đại học Vinh ban hành quyết định số 3242/QĐ-ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và đến năm 2017, chương trình đào tạo ngành QTKD có 125 tín chỉ, trong đó có 09 tín chỉ tự chọn, tỉ lệ khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 75%, kiến thức chuyên ngành chiếm 25% khối lượng chương trình thông qua quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ số 747/QĐ - ĐHV ngày 27/04/2017 [H3.03.03.01]. Để có xây dựng được chuẩn đầu ra CTĐT tiếp cận CDIO, Bộ môn QTKD đã họp, thảo luận vào ngày 19/8/2016 và được xây dựng, góp ý từ hội đồng khoa học và đào tạo vào ngày 26/8/2016. Khi xây dựng chương trình khoa đã có sự phân tích đối sánh với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của các trường đại học trong nước và quốc tế [H3.03.01.02]. Trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ 4: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực hành. Sinh viên có thời gian hợp lý trong việc học tập trên giảng đường và thực hiện các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu. CTĐT cũng chỉ rõ loại học phần bắt buộc hay tự chọn, tiên quyết hay ràng buộc và thời gian kế hoạch học tập cụ thể [H3.03.03.03].

Chương trình dạy học ngành QTKD của khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý tỉ lệ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành. CTĐT của ngành QTKD đã được xây dựng trên cơ sở tăng cường kỹ năng nghề nghiệp

nhu tăng thời lượng thực hành, thực tập và có sự tham gia giảng dạy của các cán bộ có kinh nghiệm trong và ngoài Trường [H3.03.03.04].

CTĐT ngành QTKD được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm với 8 học kì, khối lượng là 125 tín chỉ, trung bình 15,6 tín chỉ/1 học kì. Ngoài ra, chương trình có tính liên thông giữa các ngành, các khóa để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập; tạo điều kiện cho sinh viên học cùng lúc 2 chương trình đào tạo; mỗi học kì sinh viên có thể đăng kí học từ 14 đến 30 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian của mình. Thông qua các cuộc họp hội đồng khoa học và đóng góp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi các thứ tự học phần trong chương trình đào tạo; các học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp, các điều kiện tiêu quyết, điều chỉnh CTĐT ...[H3.03.03.05]; [H3.03.03.06].

## **2. Điểm mạnh**

Các học phần trong CTDH ngành QTKD được cấu trúc đảm bảo logic các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần.

## **3. Điểm tồn tại**

Chương trình đào tạo từ khóa 57 trở về trước còn mang nặng tính lý thuyết, chưa có nhiều tiết thực hành, kỹ năng. Chương trình đào tạo đại học ngành QTKD theo hướng tiếp cận CDIO mới được thực hiện 1 năm nên đang còn tồn tại nhiều bất cập và chưa thống nhất.

Chương trình đào tạo ngành QTKD còn có ít các học phần và tín chỉ tự chọn, các tự chọn chưa lột tả hết bản chất của các chuyên môn sâu của cử nhân QTKD khi ra trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018-2019, nhà trường thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan.

Khoa Kinh tế sẽ tăng cường số môn học và tín chỉ mang tính thực hành, kỹ năng, cũng như số tín chỉ/môn học trong các học phần tự chọn.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.3: Đạt (mức 5/7)**

**Kết luận:**

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo hướng tiên tiến, có tham khảo đối sánh với các chương trình đào tạo của các trường đại học trong nước và quốc tế, bám sát chuẩn đầu ra. Chương trình được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành QTKD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

**Tự đánh giá Tiêu chuẩn 3: Đạt (mức 5/7)**

## Tiêu chuẩn 4

### PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC

#### **Mở đầu**

Phương pháp tiếp cận dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp giảng dạy đa dạng và sáng tạo đáp ứng chuẩn đầu ra đã được trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Cũng như các chương trình khác, chương trình dạy học ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát chuẩn đầu ra, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Đặc biệt, kể từ năm học 2016-2017, nhà trường áp dụng việc đào tạo định hướng theo cách tiếp cận CDIO thì khoa Kinh tế và ngành QTKD đã chú trọng hơn đến phương pháp dạy học mới, nhấn mạnh các chuẩn đầu ra với 4 cấp độ: (1) biết, nhớ ; (2) hiểu; (3) phân tích, tổng hợp;(4) vận dụng.

**Tiêu chí 4.1: *Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan.***

#### **1. Mô tả**

Hiểu rõ được tầm quan trọng về chương trình học và phương pháp tiếp cận dạy học, trường Đại học Vinh đã đưa ra thông báo số 506/ĐHV- CTCTHSSV ngày 11/5/2018 về kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học kỳ 1 (2017-2018). Từ các kết quả thu thập được, Trường đã đưa ra báo cáo số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017 và báo cáo số 10/BC- ĐHV ngày 29/3/2018 về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Vinh học kỳ 1 năm 2016-2017 và 2017-2018; Báo cáo kết quả lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh học kỳ 2 năm học 2017-2018 số 44/BC-ĐHV ban hành ngày 29/8/2018. [H4.04.01.01]. Ngoài sự đóng góp ý kiến của người học về chương trình đào tạo và giảng viên, nhà trường cũng đã thu thập ý kiến của người sử dụng lao động và các bên liên quan về vấn đề này thông qua phiếu xin ý kiến doanh nghiệp, tổng hợp ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên [H4.04.01.02]

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được ghi rõ trong đề án Quy hoạch xây dựng Trường đại học Vinh (đến năm 2020) và được trình bày lại trong báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Vinh tháng 12 năm 2016 là đào tạo trình độ và bồi dưỡng cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường học, cơ sở trong khu vực; nghiên cứu, triển khai chuyên giao khoa học công nghệ gắn với đào tạo, triển khai kết quả nghiên

cứu vào sản xuất và đời sống. [H4.04.01.03]. Giảng viên củng cố và bồi dưỡng kiến thức thông qua viết các bài báo nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế; cùng các thành viên của khoa nghiên cứu các seminar, các đề tài khoa học cấp trường, cấp bộ; tham gia các cuộc thi giảng viên giỏi, giảng viên chính... Trường Đại học Vinh và khoa Kinh tế giao lưu, hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức, công ty để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, khoa học công nghệ, cải thiện chất lượng giáo dục.

Từ khi thành lập khoa Kinh tế (năm 2003) đến nay, chương trình đào tạo ngành QTKD là ngành đầu tiên và chủ chốt của khoa với mục tiêu nhằm trang bị cho người học sự phát triển toàn diện về kiến thức, có phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế - xã hội. Chuẩn đầu ra của ngành QTKD cần đạt được các yêu cầu: (1) Người học có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp, vận dụng thành thạo các kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh để phân tích đánh giá giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành; (2) Phương pháp học tập của sinh viên ngành quản trị kinh doanh nhấn mạnh vào khả năng hiểu chứ không phải học thuộc, giúp người học nhớ lâu hơn và từ đó người học có thể tham gia đề xuất, xây dựng và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh, marketing, nhân sự, tài chính doanh nghiệp; (3) Người học có thể sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp; (4) Người học có kỹ năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, có khả năng giao tiếp tốt, tự tin, năng động trong công việc, chủ động giải quyết vấn đề một cách mạch lạc và rõ ràng. Những mục tiêu giáo dục hay chương trình học, chuẩn đầu ra đều được công khai, phổ biến trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường [H4.04.01.04]

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu giáo dục rõ ràng được phổ biến rộng rãi qua các văn bản ban hành, hướng dẫn, kế hoạch cho các ban ngành, khoa viện, toàn thể cán bộ, giảng viên và người học nắm rõ. Nhờ vậy, môi trường học tập ngày càng đa dạng, hình thức giảng dạy của giảng viên trên lớp, trong trường cũng như hoạt động ngoại khóa ngoài trường học đang đáp ứng yêu cầu của người học. Phương pháp giảng dạy và học tập hiện hành tương thích với chuẩn đầu ra môn học.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục đôi khi chưa được phổ biến rộng rãi hết tới các bên liên quan.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 - 2019 trở đi, Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và khoa Kinh tế tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu đến trường một cách dễ dàng.

Khoa Kinh tế có chương trình, hoạt động ở nhiều địa phương, xã nhiều hơn nữa để truyền bá được các chuyên ngành đào tạo của khoa, đặc biệt là các kênh thông tin cho những chuyên ngành mới.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.**

##### **1. Mô tả**

Các chương trình dạy học được thiết kế để tương thích và đạt được các chuẩn đầu ra. Khi thay đổi chương trình đào tạo, Trường Đại học Vinh sẽ ban hành những quy định về chương trình đào tạo và những chuẩn đầu ra tương ứng: ngày 29/9/2014, Trường ban hành quyết định số 3242//QĐ-ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Ngày 27/4/2017 ban hành quyết định số 747/QĐ-ĐHV về chương trình đào tạo đại học hệ chính qui tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ. Các chương trình dạy học và phương pháp giảng dạy đều được thể hiện trong các đề cương chi tiết các học phần của các khóa như đề cương chi tiết các học phần khóa K55 ngành QTKD. Hoạt động dạy học được thiết kế theo hướng người học có khả năng nghiên cứu phân tích và tổng hợp tài liệu; hiểu được các chiến lược học tập khác nhau và lựa chọn được chiến lược thích hợp cho bản thân; Chương trình dạy học ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế nhấn mạnh vào khả năng hiểu, tư duy, từ đó giúp người học có thể nhớ lâu [H4.04.02.01].

Trường Đại học Vinh và Khoa Kinh tế đã có những cuộc hội thảo liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để trau dồi kiến thức, cải thiện các vấn đề bất cập. Năm 2010, Trường đã có cuộc hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo khối ngành Kinh tế; Năm 2018, khoa Kinh tế đã có cuộc hội thảo trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy tiếp cận CDIO khối ngành Kinh tế để đánh giá những kết quả đạt được, đề xuất những giải

pháp và nhấn mạnh nhiệm vụ, tiếp tục triển khai chương trình đào tạo tiếp cận CDIO đạt hiệu quả cao. Hàng năm, Trường Đại học Vinh tổ chức hội thi: “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp” cho từng khoa và toàn trường để đánh giá được sự chuyển biến trong đổi mới phương pháp dạy học theo hệ thống mới, khả năng và trình độ, kỹ năng, nhận thức nghề nghiệp của sinh viên để điều chỉnh nội dung, chương trình và phương pháp dạy học; bổ sung những kỹ năng nghiệp vụ cần trang bị cho sinh viên; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường. Bản báo cáo kết quả của hội thi đánh giá được những mặt thành tựu và hạn chế trong từng khoa, từ đó đưa ra được những đề xuất để cải tiến cho giảng viên và sinh viên như Báo cáo tổng kết tháng rèn nghề, Hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp” và thực tập cuối khóa học [H4.04.02.02]. Ngoài ra, trường Đại học Vinh còn phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức các chương trình tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên như phối hợp với Công ty Unilever Việt Nam và Ngân hàng kỹ thương Việt Nam Techcombank tổ chức các chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp và tuyển dụng cho sinh viên: tư vấn cho sinh viên các thức lựa chọn công việc sau khi tốt nghiệp; kỹ năng tìm việc, viết CV, trả lời phỏng vấn.... [H4.04.02.03]. Bên cạnh đó, việc dạy học theo hướng mở, tư duy khám phá tri thức, đã giúp cho người học biết khám phá tri thức, kiến thức của người khác và gắn với kinh nghiệm và kiến thức đã học được của bản thân để phát triển và vận dụng vào cuộc sống [H4.04.02.04].

Các phương pháp, hình thức, tài liệu, tác phong ... của người giảng dạy đều được sinh viên đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên của trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Trường sẽ tổng kết các đánh giá của sinh viên, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho giảng viên qua email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các khoa, viện để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường như Quyết định số 1307/QĐ- ĐHV ngày 01 tháng 11 năm 2016 [H4.04.02.05]

Khoa Kinh tế và BM QTKD đã quan tâm và sát sao hoạt động học tập của sinh viên. Khoa đã cử giáo viên chủ nhiệm các lớp, định kỳ họp và phổ biến các nội dung liên quan đến việc nâng cao chất lượng học tập. Bên cạnh đó, hàng năm khoa tổ chức hội nghị học tốt để sinh viên có thể trau dồi kinh nghiệm của các bạn sinh viên với

nhau (đặc biệt là kinh nghiệm của các sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập). Ngoài việc học trên lớp, giảng viên giảng dạy thường xuyên giao các chủ đề, bài tập cho sinh viên tự học, trước khi sinh viên tốt nghiệp tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trong thời gian 8 tuần và có báo cáo kết quả thực tập cho giáo viên phụ trách [H4.04.02.06]. Nhờ vậy, mà sinh viên ngành QTKD có khả năng hình thành và diễn đạt suy nghĩ hành động của mình một cách độc lập; Người học học tập chất lượng và tinh thần học tập suốt đời.

Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa, Trường Đại học Vinh để các bạn sinh viên được kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp, hoặc có vấn đề vướng mắc về chương trình học có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin này [H4.04.02.07]

## **2. Điểm mạnh**

Khoa Kinh tế đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của sinh viên cũng như việc thực tập, thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp bên ngoài. Đã xây dựng các PPGD ( phương pháp giáo dục) đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới PPGD, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc cho sinh viên có môi trường tiếp xúc với thực tế các doanh nghiệp thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn cuối của khóa học; vận dụng các chiến lược quản lý tài chính để phục vụ có hiệu quả cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp; hay việc đánh giá thị trường, hoạch định và xây dựng được chương trình marketing áp dụng được thực tế là đang hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Năm học 2018 - 2019 trở về sau, Ban chủ nhiệm khoa Kinh tế chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn thể cán bộ, giảng viên của Khoa cần tăng thêm thực hành thực tế cho sinh viên; đặc biệt là khóa K58 khóa mới cho chương trình dạy học theo hướng tiếp cận CDIO, cần có sinh viên có nhiều thời gian tiếp xúc với doanh nghiệp từ năm 1,2,3. Mời các chuyên gia về chia sẻ những vấn đề liên quan đến chuyên môn, tình hình biến động kinh tế các năm. Tổ chức các chương trình thực tế tham quan các doanh nghiệp, nhà máy để sinh viên có tầm nhìn sát thực về công việc tương lai;

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.2: Đạt (mức 5/7)**



**Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.**

**1. Mô tả**

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành ở người học các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như các bài tập nhóm, bài thảo luận giúp các bạn tăng được kỹ năng làm việc theo tập thể, kỹ năng ứng xử; những bài tập thực tế giúp sinh viên hiểu, phân tích được tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo. Trường đã ban hành thông báo số 145/TB- ĐHV ngày 18/09/2017 về việc triển khai khóa đào tạo và cấp chứng chỉ các chức danh thực hành nghiệp vụ Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng; Thông báo số 4656//TB-ĐHV ngày 07/12/2015 về kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm; Quyết định về việc thành lập ban chỉ đạo tháng Rèn nghề và hội thi "Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp"; Hàng năm đều tổ chức các chương trình công tác đoàn viên, thanh niên, sinh viên các năm học của khoa Kinh tế; Kế hoạch số 2/KH/LCĐKKT ban hành ngày 31/8/2017 về việc tổ chức cuộc thi "Sinh viên kinh tế khởi nghiệp"; Công văn số 09/CV.DNT ngày 06//05/2013 của Hội doanh nhân trẻ Nghệ An về việc mời tham dự khóa đào tạo Quản trị doanh nghiệp [H4.04.03.01].

Các hoạt động dạy và học của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh nhằm giúp sinh viên hình thành các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cá nhân: (1) *Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý*: phát hiện và xác định vấn đề, tổng quát hóa vấn đề, tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến; (2) *Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*: hình thành giả thuyết, tìm kiếm và tổng hợp tài liệu, khảo sát thực tế, kiểm định giả thuyết, khả năng ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn; (3) *Có khả năng tư duy hệ thống*: phác thảo tổng thể vấn đề; lựa chọn những vấn đề phát sinh và tương tác trong hệ thống; chọn lọc, sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm; phân tích ưu, nhược điểm và đề xuất giải pháp hợp lý; (4) *Phẩm chất cá nhân*: sẵn sàng chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, có khả năng đặc điểm và tính cách của chính mình; quản lý thời gian và nguồn lực; thích ứng với sự phức tạp của thực tế; học tập suốt đời; (5) *Kỹ năng nghề nghiệp*: đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm; thái độ, hành xử chuyên nghiệp; lập kế hoạch nghề nghiệp; thể hiện tính công bằng và trách nhiệm xã hội .*Bên*

*ạnh kỹ năng và phẩm chất cá nhân, các hoạt động dạy và học của sinh viên ngành QTKD còn giúp sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả: (1) Khả năng làm việc nhóm hiệu quả: thực hiện thành lập nhóm; tổ chức hoạt động nhóm; phát triển và lãnh đạo nhóm; làm việc trong các nhóm khác nhau; (2) Khả năng giao tiếp hiệu quả: chọn lựa và xây dựng chiến lược giao tiếp; áp dụng giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện; thuyết trình hiệu quả và phát triển các mối quan hệ xã hội; (3) Khả năng sử dụng tiếng Anh: đọc tài liệu; viết báo cáo và trình bày một vấn đề đơn giản, giao tiếp đơn giản. Các chương trình đào tạo đều có các quy định ban hành quy trình hướng dẫn riêng, chương trình đào tạo được thay đổi liên tục theo hướng tích cực, ngày càng được cải tiến trình độ và kỹ năng của sinh viên thích hợp với cuộc sống xã hội. Ngày 29/9/2014 trường ban hành quyết định số 3242//QĐ\_ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thông tín chỉ; ngày 27/04/2017 ban hành quyết định số 747/QĐ-ĐHV về chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thông tín chỉ [H4.04.03.02].*

Thông qua các thông tin thu thập từ các cuộc phỏng vấn như phiếu xin ý kiến doanh nghiệp hay tổng hợp ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên [H4.04.03.03] để sinh viên nhận thấy khả năng việc học của mình, những ý kiến, yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp thực tế, những kinh nghiệm truyền đạt của các doanh nhân để thay đổi và học hỏi cho phù hợp với đầu ra của xã hội.

Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến [H4.04.03.04] các bài giảng, bài tập, các chia sẻ của cựu sinh viên, sinh viên khóa trước cho khóa sau giúp sinh viên có những kênh học tập, những chia sẻ kinh nghiệm học tập, tăng khả năng hiểu biết của mình ngoài sách vở.

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng, giúp họ có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho họ tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống cho mình.

Các kênh thông tin từ doanh nghiệp, trang mạng về chia sẻ học tập và kinh nghiệm làm việc cũng làm gia tăng tinh thần tự học của sinh viên, ham hiểu biết, khát khao vươn tới những đỉnh cao của khoa học, sống có hoài bão, ước mơ, là nhân tố quan trọng trong việc lĩnh hội tri thức và hình thành nhân cách cá nhân.

### **3. Điểm tồn tại**

Sinh viên chưa có nhiều cơ hội thực hành những kiến thức đã học vào thực tế; Chưa có các giáo án điện tử trên các trang mạng khoa, trường để sinh viên chủ động học tập; Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học đang chưa thật sự được chú trọng.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018-2019, đối với khóa K58, tập trung xây dựng các phương thức dạy và học theo hướng đào tạo tiếp cận CDIO; Bộ môn tham gia giám sát chặt chẽ việc triển khai các hình thức dạy học mới; Khoa và Nhà trường tạo thêm nhiều chương trình, môi trường học tập, hoạt động nhóm và nâng cao các kỹ năng ra thực tế xã hội cho sinh viên.

Bắt đầu năm học 2019- 2020, Bộ môn Quản trị kinh doanh soạn bài giảng điện tử E-learning và cập nhật đổi mới trên trang web của khoa Kinh tế.

Trường Đại học Vinh và Khoa tăng cường hơn các cuộc hội nghị, hội thảo, trao đổi với sinh viên về những bất cập và cải cách, đổi mới các phương pháp giảng dạy; Mở các hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của sinh viên và giải đáp

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.3: Đạt (mức 4/7)**

#### **Kết luận:**

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Khoa Kinh tế, ngành QTKD đã đưa ra những phương pháp giảng dạy đúng đắn, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết sinh viên và rèn các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của sinh viên. Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế cần tạo các môi trường giúp sinh viên có thể đi tìm hiểu các doanh nghiệp, có cái nhìn thực tế về các công ty, doanh nghiệp hoạt động; những cuộc hội nghị, hội thảo về cải tiến chương trình đào tạo cho sinh viên và cách dạy học cho giảng viên nhiều hơn.

### **Tự đánh giá Tiêu chuẩn 4: Đạt (mức 5.0/7)**

## Tiêu chuẩn 5

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

#### Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của người học đối với ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế ban hành một cách có hệ thống. Cấu trúc hệ thống đánh giá được làm rõ trong phương pháp, trọng số và tiêu chí đánh giá. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Ngành Quản trị kinh doanh đã xây dựng được cơ chế thu thập thông tin phản hồi, khiếu nại liên quan đối với người học.

**Tiêu chí 5.1:** *Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.*

#### 1. Mô tả

Trên cơ sở qui định của Bộ GD - ĐT về kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã ban hành các văn bản qui định cụ thể nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu học tập, chuẩn đầu ra [H5.05.01.01]. Chuẩn đầu ra được thể hiện thông qua 3 yếu tố: kiến thức, kỹ năng và phẩm chất thái độ [H5.05.01.02]. Đồng thời, đã ban hành các quy định đào tạo đối với các loại hình đại học chính quy trong đó làm rõ nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá [H5.05.01.03]. Trung tâm ĐBCL là đơn vị chuyên trách thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.01.04].

Thông qua Trung tâm Đảm bảo chất lượng tiến hành thực hiện ban hành các văn bản quy định về ngân hàng đề thi [H5.05.01.05]. Hằng năm trong mỗi kỳ học đều ban hành các công văn hướng dẫn về việc điều chỉnh chỉnh sửa ngân hàng đề thi phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra. Đồng thời ban hành quy trình kiểm tra điểm của sinh viên [H5.05.01.06].

Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 70%. Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay

đổi, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần và hồ sơ học phần) chiếm tỷ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50%. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có qui định về trọng số điểm. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần [H5.05.01.07].

Các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học được đa dạng hoá gồm: Thi tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, tiểu luận, bài thu hoạch, báo cáo thực tế. Người học được phổ biến cụ thể, chi tiết các hình thức thi cho từng môn học. Đề thi được xây dựng trên cơ sở ma trận đề thi, đảm bảo nội dung đề đúng trọng tâm, đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần. Đề thi được tổ chức biên soạn, nghiệm thu theo qui định của nhà trường và được phê duyệt trước khi thi [H5.05.01.08].

Bộ môn thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm giảng viên căn cứ vào chuyên môn giảng dạy [H5.05.01.09]. Việc nghiệm thu nội dung ngân hàng đề thi được Bộ môn chú trọng, ngân hàng đề thi phải bao quát toàn bộ đề cương học phần và chuẩn đầu ra [H5.05.01.10]

Từ khóa đào tạo 58, thực hiện chủ trương xây dựng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO của nhà trường, Khoa Kinh tế đã thực hiện các đề tài khoa học về đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của các học phần thuộc ngành Quản trị kinh doanh. Hiện nay đã có 13 học phần thuộc khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đã hoàn thành toàn bộ; việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra đánh giá bám sát mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra cần đạt được [H5.05.01.11]

Năm 2018 tiến hành thực hiện việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra đánh giá bám sát mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra cần đạt được cho 23 học phần còn lại của khung chương trình, dự kiến sẽ nghiệm thu vào tháng 12/2018. [H5.05.01.12]

Việc xây dựng cách thức kiểm tra đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra. Các học phần đều được quy định về phân nhiệm (PLO)

chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, và xây dựng quy trình cách thực đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và chương trình đào tạo. [H5.05.01.13]

Cụ thể học phần Marketing căn bản đã xây dựng đề cương chi tiết có kèm theo các hình thức đánh giá, xây dựng bản đặc tả ma trận bám sát các mục tiêu học phần. Chuẩn đầu ra chương trình ngành Quản trị kinh doanh phân nhiệm cho học phần Marketing được thể hiện trong ma trận đề thi học phần. Cách thực đánh giá bám sát theo các mục tiêu của thang đo Bloom được phân nhiệm trong học phần. Đối với kiểm tra đánh giá giữa kỳ thực hiện việc đánh giá theo trắc nghiệm khách quan mới 3 mức của thang đo Bloom (Biết(Nhớ); Hiểu; Vận dụng), đánh giá cuối kỳ thực hiện cả 5 mức của thang đo Bloom( Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo). Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát chuẩn đầu ra của học phần. [H5.05.01.14]

## **2. Điểm mạnh**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Có các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR. Việc quy định về tỷ trọng của các đánh giá phù hợp với các yêu cầu đã được công bố trong chuẩn đầu ra.

## **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống chuẩn đầu ra từ Khóa 57 trở về trước còn được xây dựng chung chung chưa cụ thể vì vậy gây khó khăn trong việc xây dựng ngân hàng đề thi; Việc đánh giá các học phần của ngành Quản trị kinh doanh tập trung chủ yếu vào hình thức tự luận;

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 -2019, Khoa Kinh tế và Bộ môn chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn thể cán bộ, giảng viên: (1) tập trung xây dựng ngân hàng đề thi theo hướng đào tạo tiếp cận CDIO; (2) Bộ môn tham gia giám sát chặt chẽ quá trình phân công biên soạn ngân hàng đề thi bám sát chuẩn đầu ra; (3) Khoa và Nhà trường tiến hành nghiệm thu và so sánh với các chuẩn đầu ra sau khi hoàn thiện các ngân hàng đề thi. (4) Thực hiện xây dựng đa dạng các hình thức đánh giá kết thúc học phần như: tự luận, trắc nghiệm, đồ án...

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.1: Đạt (mức 6/7)**

**Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.**

### **1. Mô tả**

Việc đánh giá và công nhận kết quả học tập của người học được Nhà trường áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43) và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung Quy chế 43 của Bộ GD - ĐT [H5.05.02.01]. Công thức tính điểm đánh giá kết quả học tập của sinh viên được áp dụng như sau:

$$a = a_1 \times 0,1 + a_2 \times 0,2 + \left( \frac{a_3 \times m + a'_3 \times n}{m + n} \right) \times 0,7$$

(các con điểm thành phần và điểm học phần đều làm tròn đến một chữ số thập phân)

Trong đó:

*a*: điểm học phần;

*a*<sub>1</sub>: điểm chuyên cần;

*a*<sub>2</sub>: điểm đánh giá giữa học phần (kiểm tra thường kì);

*a*<sub>3</sub>: điểm thi kết thúc học phần phần lí thuyết (gồm cả bài tập, xêmina);

*a*'<sub>3</sub>: điểm phần thực hành, thí nghiệm;

*m*: số giờ lí thuyết (gồm cả bài tập, xêmina);

*n*: số tiết thực hành, thí nghiệm.

Việc quản lí kết quả của người học được Nhà trường qui định cụ thể Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.02], trong đó qui định cụ thể sau 2 tuần kể từ khi thi kết thúc học phần, Nhà trường phải tổ chức dọn túi, cắt phách, chấm bài và công bố kết quả cho sinh viên [H5.05.02.03]. Kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: thông tin trên bảng tin của Trung tâm ĐBCL, khoa đào tạo và trang web của Trường (qua tài khoản sinh viên) [H5.05.02.04].

Trong mỗi kỳ thi học phần Trợ lý đào tạo chuyên trách sẽ lập kế hoạch phân công cán bộ coi thi, cắt phách đánh phách, Phó trưởng khoa phụ trách công tác chính quy chịu trách nhiệm quản lí toàn bộ hoạt động. Công tác này được tiến hành khẩn trương theo đúng quy định của Nhà Trường [H5.05.02.05] [H5.05.02.06]. Trưởng Bộ môn chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch chấm thi đảm bảo mỗi học phần ít nhất có 2

người chấm, kiểm tra đáp án, theo dõi hoạt động chấm thi của Bộ môn [H5.05.02.07]. Tại các buổi chấm thi Trưởng Bộ môn trực tiếp nhận bài từ Trợ lý đào tạo và giao bài cho giảng viên, giám sát buổi chấm. Sau khi hoàn thiện giảng viên lên điểm trên mẫu 4 và trực tiếp đọc điểm nhập vào phần mềm tại văn phòng Khoa [H5.05.02.08].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các khoa đào tạo, Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường [H5.05.02.09].

Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp Nhà trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.02.10].

Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng qui chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ do Bộ GD - ĐT ban hành [H5.05.02.11]; Nhà trường công bố công khai các thông tin về xét công nhận tốt nghiệp, xét cấp chứng chỉ cho người học trên trang web của Trường. Việc xét công nhận tốt nghiệp, xét cấp chứng chỉ cho người học được Nhà trường tuân thủ đúng qui định theo qui trình. Xét duyệt cấp khoa, cấp trường, ra quyết định công nhận, lưu trữ tại các đơn vị quản lý [H5.05.02.12].

Bộ môn thực hiện triển khai các nội dung hợp từ đầu mỗi học kỳ đều yêu cầu giảng viên công khai cách đánh giá cho sinh viên từ tiết học mở đầu. Các giảng viên đều có hệ thống slide tóm tắt bài giảng, giới thiệu học phần trong đó có quy định rõ cách đánh giá, trọng số hệ thống điểm. Trong quá trình học tập, sinh viên có cơ chế phản hồi trực tiếp cho giảng viên về cách đánh giá của học phần. Giảng viên có nhiệm vụ công bố cách thức đánh giá học phần công khai cho tất cả sinh viên. [H5.05.02.13]

## **2. Điểm mạnh**

Trường có các qui định cụ thể, rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học. kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời đến các bên liên quan, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Các giảng viên của Bộ môn đều thực hiện công khai việc công bố cách thức đánh giá trong từng học phần cho sinh viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Tuy nhiên, đôi khi việc công bố kết quả học tập ở một vài học phần cho người học còn chưa đúng qui định (chậm sau 2 tuần). Một vài học phần còn chậm công bố kết quả học tập cho sinh viên.



#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018-2019, Trường sẽ tiếp tục cải tiến phần mềm quản lý, có chế tài xử lý những cán bộ làm chậm việc công bố kết quả học tập của người học. Khoa kinh tế sẽ thường xuyên giám sát công tác coi thi chấm thi nghiêm túc, đúng tiến độ, giám sát và kiểm tra thường xuyên công tác lưu trữ hệ thống bảng điểm tại Văn phòng Khoa.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.2: Đạt (mức 6/7)**

**Tiêu chí 5.3: *Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

##### **1. Mô tả**

Trường đã thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD - ĐT từ năm học 2007- 2008 và Trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá thường kỳ và thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H5.05.03.01]. Đặc biệt, trong hai năm học 2014 - 2015 và 2015 - 2016, Nhà trường đã thí điểm triển khai đánh giá kết quả học tập giữa kỳ của sinh viên theo hình thức thi trực tuyến (online tests), sinh viên được làm bài thi trực tiếp trên máy tính dựa trên ngân hàng câu hỏi do Nhà trường xây dựng [H5.05.03.02]. Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên khách quan, chính xác, công bằng, Nhà trường còn chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.03].

Đối với chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhà trường đưa ra quy chế đào tạo đào tạo theo CDIO trong đó có quy định về cách thức đánh giá sinh viên bám sát vào năng lực, đảm bảo chính xác đúng độ tin cậy [H5.05.03.04]. Đối với việc xây dựng ngân hàng đề thi các học phần theo hướng tiếp cận CDIO, Nhà trường ban hành quy định về việc xây dựng ngân hàng đề trong đó có bản đặc tả ngân hàng đề thi đảm bảo độ bảo phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực sinh viên [H5.05.03.05].

Bộ môn Quản trị kinh doanh - Khoa Kinh tế đã thực hiện cụ thể các quy định của Nhà trường, các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng giảng viên trong các phiên họp Bộ môn [H5.05.03.06]. Giảng viên tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ chuyên cần, và công bố công khai cho sinh viên trước khi kết thúc học phần, trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm các giảng viên báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận [H5.05.03.07]. Đối với Khoa Kinh tế còn quy định trong quá trình giảng dạy giảng viên phải bám sát quá trình học tập của sinh viên, đối với những sinh viên thuộc diện cảnh báo giảng viên phải theo dõi và nhắc nhở sinh viên. Khi kết thúc học phần trước nếu giảng viên cảm thấy trường hợp sinh viên nào phải làm rõ việc đã nhắc nhở cảnh báo sinh viên với Trưởng Bộ môn, nếu trong quá trình giảng dạy giảng viên không nhắc nhở cảnh báo sinh viên, thì giảng viên phải chịu trách nhiệm [H5.05.03.08].

Đối với ngành Quản trị kinh doanh thực hiện các quy định về công tác kiểm tra đánh giá, Bộ môn luôn chú trọng việc xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, Bộ môn thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm giảng viên căn cứ vào chuyên môn giảng dạy [H5.05.03.09]. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành sẽ báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu [H5.05.03.10].

Bên cạnh việc cải tiến qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, Nhà trường còn nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên như đã mời chuyên gia tổ chức các khóa nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.11].

Từ khóa đào tạo K58 đề thi giữa kỳ và cuối kỳ của các học phần được xây dựng và thực hiện theo chương trình đào tạo tiếp cận CDIO mà Nhà trường đã ban hành theo quyết định số 1262. Quy trình xây dựng đề thi được thực hiện theo các bước sau:

- 1) Nghiên cứu các căn cứ cho quá trình xây dựng đề thi:
  - + Căn cứ vào các văn bản và quy định về cách ra đề thi (Văn bản số 1262) của Hiệu trưởng Nhà trường
  - + Căn cứ vào Bảng mô tả danh mục các CDR học phần đáp ứng CDR của CTĐT
  - + Căn cứ vào đề cương chi tiết học phần (trong đó có Bảng Đánh giá môn học *(các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)*)

2) Tiến hành xây dựng Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần (chỉ rõ mối tương ứng giữa nội dung môn học với trình độ năng lực, mục tiêu đánh giá và số lượng câu hỏi cho từng mục tiêu - minh chứng kèm theo)

3) Xây dựng ma trận câu hỏi thi (chỉ rõ mối tương quan giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của sinh viên đáp ứng với CDR của môn học và CTĐT; tỷ lệ câu hỏi theo từng nội dung môn học và theo từng trình độ năng lực đáp ứng với CDR của môn học và CTĐT) - Minh chứng kèm theo

4) Tiến hành xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trên cơ sở Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần và Ma trận câu hỏi thi đã thực hiện ở bước 2 và 3

5) Xây dựng Bảng chỉ dẫn cách thức bốc đề thi tương thích giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của sinh viên đáp ứng CDR của môn học và CTĐT (Minh chứng)

Để đánh giá độ tin cậy của đề thi thì Khoa dựa vào các công cụ và cách thức sau:- Các văn bản của Nhà Trường liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO và xây dựng đề thi; - Mục tiêu, CDR môn học;- Đề cương chi tiết môn học; - Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi; - Ma trận câu hỏi thi;- Ngân hàng câu hỏi thi- Bảng chỉ dẫn cách thức bốc đề thi;- Kết quả thi của sinh viên. [H5.05.03.12].

## **2. Điểm mạnh**

Phương pháp và qui trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học

## **3. Điểm tồn tại**

Chương trình ngành QTKD chưa tổ chức khảo sát và đánh giá về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học; việc đánh giá năng lực phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên chưa được chú trọng đúng mức.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018-2019, Khoa và Bộ môn sẽ tổ chức khảo sát và đánh giá việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với tính đặc thù của ngành học; chú trọng đến những yêu cầu đánh giá năng lực phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề của người học. Việc

xây dựng ngân hàng đề thi các học phần theo hướng tiếp cận CDIO sẽ bám sát chuẩn đầu ra môn học và ngành học. Để thực hiện tốt điều này Bộ môn sẽ bám sát quá trình xây dựng ngân hàng đề thi, kiểm tra giám sát và nghiệm thu một cách nghiêm túc phù hợp.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.3: Đạt (mức 6/7)**

**Tiêu chí 5.4: *Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.***

#### **1. Mô tả**

Việc đánh giá kết quả của người học được Nhà trường quy định cụ thể bằng văn bản theo đúng qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.04.01]. Theo quy định, giảng viên của Bộ môn Quản trị kinh doanh phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình (điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa học phần) cuối mỗi môn học [H5.05.04.02], Đối với điểm thi kết thúc học phần qui định cụ thể sau hai tuần kể từ khi thi kết thúc học phần, trợ lý đào tạo của Khoa phải tổ chức dọn túi, cất phách, và chuyển giao bài cho tổ bộ môn để các giảng viên tiến hành chấm bài và công bố kết quả cho sinh viên [H5.05.04.03]. Kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: thông tin trên bảng tin của Trung tâm ĐBCL, khoa đào tạo và trang web của Trường (qua tài khoản sinh viên) [H5.05.04.04]. Thông qua hệ thống phần mềm quản lý (CMC) các hệ đào tạo người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi.

Để kết quả đánh giá của người học được phản ánh nhanh chóng và chính xác, Bộ môn Quản trị kinh doanh đã xây dựng hình thức đánh giá trắc nghiệm trên máy vi tính [H5.05.04.05]. Kết thúc môn thi người học nhận ngay kết quả đánh giá. Bên cạnh đó cuối mỗi kỳ học, Khoa có gửi giấy thông báo kết quả học tập và rèn luyện về gia đình (giấy thông báo này có ký nháy của trợ lý đào tạo và chữ ký của Ban chủ nhiệm Khoa) [H5.05.04.06] để gia đình nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của người học. Từ đó người học có kế hoạch cải thiện việc học tập cho phù hợp với tiến độ đã đề ra.

Đối với Khoa Kinh tế (ngành Quản trị kinh doanh) để nắm bắt sâu sát hơn tình hình học tập của người học sau mỗi kỳ, Khoa yêu cầu các cố vấn học tập hỗ trợ người học đăng ký học đúng tiến độ và rà soát điểm tổng kết của các sinh viên, lập danh sách

sinh viên thuộc diện cảnh báo và tồn đọng [H5.05.04.07]. Sau khi có kết quả rà soát Khoa kinh tế (ngành Quản trị kinh doanh) ra thông báo mời tất cả các sinh viên thuộc diện trên tham dự cuộc họp có đại diện Ban chủ nhiệm, Trưởng Bộ môn, Cố vấn học tập. Tại cuộc họp đó sinh viên được tư vấn và hướng dẫn lập kế hoạch học tập. Các cuộc họp này được thực hiện thường xuyên trong mỗi học kỳ [H5.05.04.08]. Công tác rà soát này được Trợ ký đào tạo thực hiện cụ thể nghiêm túc đúng quy trình, Hội đồng Khoa học Khoa tiến hành họp các phiên họp và đề xuất các phương án hỗ trợ sinh viên để cải thiện việc học tập thông qua cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm [H5.05.04.09] [H5.05.04.10], [H5.05.04.11].

## **2. Điểm mạnh**

- Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn.

- Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường.

- Cố vấn học tập của bộ môn Quản trị kinh doanh đã tích cực làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình để giúp sinh viên hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt.

- Giáo viên chủ nhiệm đã sát sao tình hình học tập của người học để từ đó người học nắm bắt được kết quả học tập của mình và có kế hoạch cải thiện việc học tập.

## **3. Điểm tồn tại**

- Một vài học phần còn chậm công bố kết quả học tập cho sinh viên;

- Số lượng môn học tổ chức thi trên máy còn hạn chế;

- Phần mềm còn chưa hoàn thiện.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018-2019, Khoa kiến nghị với Nhà trường cải tiến phần mềm quản lý, cương quyết xử lý những cán bộ làm chậm việc công bố kết quả học tập của người học.

Khoa Kinh tế yêu cầu các tổ bộ môn xây dựng hình thức đánh giá môn học theo hình thức trắc nghiệm khách quan trên máy để người học nhận được kết quả đánh giá nhanh chóng, từ đó có những kế hoạch cải thiện kịp thời.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.4: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.**

**1. Mô tả**

Để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, Nhà trường đã ra quyết định 868 và 911 quy định về quy trình kiểm tra, điều chỉnh kết quả của người học [H5.05.05.01]. Cụ thể:

Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng cả 2 loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Công thức tính điểm đánh giá kết quả học tập của sinh viên được áp dụng theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với điểm chuyên cần và điểm thi giữa học phần giảng viên phải công bố trước lớp vào buổi học cuối cùng của môn học [H5.05.05.02]. Nếu người học có khiếu nại thì giảng viên dạy môn học đó phải kiểm tra lại và thông tin kịp thời tới người học. Sau đó kết quả của điểm thi giữa kỳ và điểm chuyên cần sẽ được giảng viên nộp cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận, chuyển cho văn phòng khoa và cùng với cán bộ văn phòng Khoa nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo. Giảng viên và cán bộ văn phòng Khoa cùng ký xác nhận vào bảng điểm in sau khi nhập xong dữ liệu [H5.05.05.03].

Người học sẽ nhận được kết quả điểm chuyên cần và giữa kỳ trên tài khoản cá nhân của mình [H5.05.05.04]. Nếu phát hiện sai lệch người học sẽ có quyền khiếu nại. Nếu sai sót trong khâu nhập điểm thì cán bộ văn phòng khoa có thể đề nghị sửa lại điểm cho người học theo quy định [H5.05.05.05].

Sau khi có kết quả thi kết thúc học phần, người học có quyền làm thủ tục kiểm tra điểm nếu không thỏa mãn [H5.5.05.06]. Đơn đề nghị kiểm tra lại điểm thi của người học sẽ được xem xét giải quyết kịp thời, đúng quy định [H5.05.05.07] [H5.5.05.08].

Thời hạn sinh viên phản ánh sai lệch điểm thi muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, sau thời gian trên nhà Trường sẽ không giải quyết.

Kết quả điều chỉnh, sửa điểm học phần muộn nhất 30 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị, Trung tâm ĐBCL chuyển kết quả bằng văn bản gửi về Khoa để thông báo cho sinh viên biết.

Trung tâm ĐBCL cử cán bộ đảm nhận việc sửa điểm, cập nhật điểm trên hệ thống [H5.5.05.09].

Để giúp người học nắm vững quy định, quy trình khiếu nại kết quả học tập Nhà trường và Khoa có tổ chức tuần học Chính trị đầu khóa, tại các buổi học này Phòng Đào Tạo và Trợ lý QLSV của Khoa đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập để người học nắm bắt và thực hiện [H5.5.05.10] đồng thời những quy định này được Nhà trường thông báo cụ thể chi tiết trên cổng thông tin của Bộ phận một cửa và trong sổ tay của người học giúp cho người học có thể tra cứu bất cứ khi nào [H5.5.05.11] [H5.5.05.12].

Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học, hằng năm được Phòng KĐCL thống kê, cụ thể năm 2016- 2018 Khoa có 159 trường hợp khiếu nại về kết quả học tập, trong đó 09 trường hợp có sự điều chỉnh sau khi xem xét và cũng đã chỉ ra nguyên nhân của sự sai sót này (cán bộ đánh sai phách, cán bộ cộng sai cơ học, cán bộ cộng điểm sót, cán bộ vào sai mẫu số 4...). Thông qua việc thống kê trường hợp người học khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Khoa và Bộ môn nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục [H5.5.05.13].

## **2. Điểm mạnh**

- Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.
- Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại một cách nhanh chóng và thuận lợi.
- Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập.

## **3. Điểm tồn tại**

- Thời gian giải quyết khiếu nại còn chậm trễ (theo quy định là muộn nhất 30 ngày)
- Quy định về đề nghị xem lại điểm từ phía người học chỉ được xem xét trong quy trình vào điểm, cộng điểm bài thi, không tổ chức chấm phúc khảo lại bài thi, trừ trường hợp thanh tra lại bài thi theo yêu cầu của Nhà Trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Cải tiến quy trình giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học để thời gian giải quyết nhanh chóng và gọn nhẹ hơn.
- Đề ra chế tài cụ thể đối với cán bộ vào điểm, đọc điểm và chấm thi để giảm sai lệch kết quả của người học.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.5: Đạt (mức 4/7)**

### **Kết luận:**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Có các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Phương pháp và qui trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

### **Tự đánh giá Tiêu chuẩn 5: Đạt (mức 5.5/7)**



## **Tiêu chuẩn 6**

### **ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN NGHIÊN CỨU VIÊN**

#### **Mở đầu**

Trường Đại học Vinh có 733 GV trong đó có 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 259 tiến sĩ, 411 thạc sĩ, không có chức danh nghiên cứu viên, trong đó Khoa Kinh tế có 57 giảng viên gồm 1 phó giáo sư, 19 tiến sĩ, 37 thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường nói chung và Khoa Kinh tế nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, sử dụng, đề bạt cán bộ thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

**Tiêu chí 6.1: *Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả**

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, trong đó có kế hoạch hành động về xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường Đại học Vinh trong giai đoạn này [H6.06.01.01].

Với nhiệm vụ đào tạo hàng năm từ 150-200 sinh viên chính quy và đảm nhận nhiệm vụ đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học, ngành Quản trị kinh doanh Khoa Kinh tế căn cứ vào khối lượng công việc, cân đối với thực trạng đội ngũ hiện có, từ đó xác định nhu cầu của đơn vị, yêu cầu tiêu chuẩn đặc thù và xây dựng kế hoạch nhân sự hàng năm trình Hiệu trưởng xem xét quyết định [H6.06.01.02]. Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch về tuyển dụng và bổ nhiệm giảng viên. Hàng năm, nhà trường ra thông báo tuyển dụng và kết quả tuyển dụng được công bố rõ ràng, công khai trên website của trường và trên các phương

tiện thông tin đại chúng [H6.06.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách thu hút đối với sinh viên giỏi bằng cách ký các cam kết tạo nguồn, sẽ tiếp nhận sau khi tiếp tục đi học nâng cao trình độ sau đại học đối với sinh viên giỏi và tuyển dụng đặc cách không qua thi tuyển đối với những ứng viên có bằng Tiến sĩ những ngành nhà trường đang cần [H6.06.01.04].

Để tạo sự chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ, chuẩn bị từ xa và tạo nguồn cán bộ đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển Nhà trường thì hàng năm trường ĐH Vinh đều thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý. Từ đó những cán bộ trong quy hoạch được cử đi học tập nâng cao trình độ chính trị, năng lực chuyên môn và trình độ ngoại ngữ và trong nhiều năm qua, các cán bộ giảng viên được bổ nhiệm đều từ nguồn cán bộ đã được quy hoạch [H6.06.01.05]. Với mục tiêu sử dụng được cán bộ có năng lực, mặt khác nhằm tạo động lực cho những cán bộ giảng viên khác tiếp tục kế hoạch học tập nâng cao trình độ, nhiều giảng viên sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ được nhà trường bổ trí những vị trí quan trọng trong bộ môn và khoa. [H6.06.01.06].

Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế và ngành QTKD được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà trường. Hiện nay đội ngũ giảng viên Khoa Kinh tế tham gia giảng dạy ngành QTKD có 57 giảng viên trong đó có 9 nam (16%), 48 nữ (74%), trên 35 tuổi chiếm 40% (23 người), dưới 35 tuổi chiếm 60% (34 người), 36,3% giảng viên có trình độ tiến sĩ [H6.06.01.07]. Giai đoạn 2013-2017, đội ngũ giảng viên của khoa Kinh tế đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Số lượng cán bộ, giảng viên của Khoa được nhà trường cử đi học NCS trong và ngoài nước là 35 người. Tính đến tháng 11/2018, khoa có 1 PGS, 19 tiến sĩ nâng tỷ lệ giảng viên của Khoa có trình độ tiến sĩ lên 36,3%. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại khoa được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của khoa.

Nhà trường có nhiều chính sách quan tâm đến sự phát triển đội ngũ như tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các cán bộ giảng viên hoàn thành việc bảo vệ luận án Tiến sĩ, thưởng cho các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế, tạp chí ISI, Scopus [H6.06.01.08]. Trường đã chọn và cử 50 giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên, có khả năng nghiên cứu tốt lên làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu, khởi nghiệp, sáng tạo nhằm nâng cao năng lực công bố các bài báo trên các tạp chí nước ngoài và thực hiện

các nghiên cứu về đổi mới phương thức đào tạo theo tiếp cận CDIO Nhà trường đang xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh và các nhóm nghiên cứu riêng theo chuyên ngành ở các đơn vị đào tạo. Khoa Kinh tế hiện có 2 nhóm nghiên cứu riêng theo chuyên ngành là nhóm nghiên cứu Kinh tế chính trị và nhóm nghiên cứu Quản lý kinh tế gồm 12 tiến sĩ . [H6.06.01.09].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của Giảng viên được thực hiện nghiêm túc đúng kế hoạch. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch cụ thể về kéo dài thời gian hoặc chấm dứt hợp đồng với giảng viên nghỉ hưu. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.10].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Giảng viên Khoa Kinh tế nói chung và ngành Quản trị kinh doanh nói riêng đều có năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ.

## **3. Điểm tồn tại**

Giảng viên khoa Kinh tế có độ tuổi bình quân thấp, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh phải được tiếp tục thực hiện để có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đảm bảo cho chất lượng đào tạo và NCKH cho Nhà trường

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.1: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 6.2: *Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.***

### **1. Mô tả**

Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa Kinh tế tính đến cuối năm 2018 có 57 giảng viên. Trong đó có 12 giảng viên thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh.

Hiện tại, độ tuổi bình quân của cán bộ của Khoa là 34 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Phó giáo sư 1 (chiếm 1,8%) Tiến sĩ là 19 (chiếm 33,3%) trong đó có 4 TS ngành Kinh doanh và quản lý; Thạc sỹ 37 (chiếm 64,9%), số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh trong nước là 22 (chiếm 38,6%), 3 Nghiên cứu sinh chuyên ngành quản trị kinh doanh [H6.06.02.01] [H6.06.02.02].

**Bảng 6.1. Số lượng giảng viên giảng dạy tại khoa Kinh tế trong các năm gần đây**

Năm học	Cử nhân		Thạc sỹ		Tiến sỹ		Phó Giáo sư		Tổng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
2013-2014	1	6	3	29	2	7	1	0	49
2014-2015	1	7	3	29	2	8	1	0	51
2015-2016	0	0	4	35	2	9	1	0	52
2016-2017	0	0	5	28	4	16	1	0	54
2017-2018	0	0	4	32	4	16	1	0	57

*Nguồn: Tổng hợp báo cáo giảng viên giảng dạy tại khoa Kinh tế*

Tỷ lệ giảng viên/người học được tính như sau:

**Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học của khoa Kinh tế trong các năm gần đây**

Năm học	Tổng số giảng viên	Tổng số người học	Tỷ lệ giảng viên/ người học
2015-2016	56	3.528	0.015
2016-2017	56	3.523	0.015
2017-2018	57	3.363	0.016

*(Nguồn: Tổng hợp báo cáo giảng viên giảng dạy và sinh viên tại khoa Kinh tế)*

Vào cuối mỗi năm học, các giảng viên ngành Quản trị kinh doanh và Khoa Kinh tế đều thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đầu năm học [H6.06.02.03]. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá chung của lãnh đạo Khoa [H6.06.02.04] [H6.06.02.05] [H6.06.02.06]. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao của ngành quản trị kinh doanh, cá nhân tự đánh giá khối lượng,

chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.07], [H6.06.02.08] mặc dù khối lượng công việc nhiều nhưng qua đánh giá khối lượng công việc của cả năm các giảng viên đều hoàn thành vượt định mức được giao. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng giảng viên ngành quản trị kinh doanh đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp.

## **2. Điểm mạnh**

Ngành quản trị kinh doanh có 4 Tiến sĩ Kinh doanh và quản lý, ngoài ra Khoa còn có đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho học viên, sinh viên khối ngành quản trị kinh doanh. Hơn nữa, đội ngũ giảng viên của Khoa còn đảm nhận việc giảng dạy cho sinh viên thuộc các ngành khác như Luật, Nông nghiệp, Việt Nam học... Đội ngũ giảng viên của Khoa nhìn chung đạt trình độ chuyên môn cao, có tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm công tác.

## **3. Điểm tồn tại**

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến từ các tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp, Viện nghiên cứu, đối tác nước ngoài còn ít, do vậy đã hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn tại các tổ chức kinh doanh và hợp tác quốc tế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học (2019 - 2020) đề nghị nhà Trường cho phép ngành quản trị kinh doanh tuyển dụng thêm 1 cán bộ giảng dạy để bổ sung nguồn nhân lực, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của ngành, ưu tiên các ứng viên có bằng tiến sĩ, thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh học ở nước ngoài. Các năm học tới bộ môn cần nguồn cán bộ dồi dào hơn để đáp ứng nhu cầu dạy và học cho lượng sinh viên đông đảo của khối ngành nên việc tuyển dụng thêm cán bộ giảng dạy là hết sức cần thiết.

Tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm chuyên gia từ các tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần chuyên ngành, học phần kỹ năng dự kiến sẽ thực hiện triển khai từ học kỳ II năm học (2018 - 2019)

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.2: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### **1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, qui hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Phòng Tổ chức - Cán bộ là đơn vị chuyên trách việc quản lý và nắm bắt tình hình nhân sự, tham mưu cho Lãnh đạo nhà trường về công tác tổ chức và cán bộ [H6.06.03.01].

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đạt loại giỏi trở lên của các Trường chuyên ngành đạt chất lượng cao trở lên; Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng [H6.06.03.02]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên từ kế hoạch tuyển chọn, danh sách thí sinh, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.03.03]. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng với xu thế phát triển chung của Đại học Vinh. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giảng viên cho các đơn vị. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của ngành; kế hoạch tuyển dụng được ngành Quản trị kinh doanh đề xuất, thông qua Chi bộ, Đảng bộ, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt [H6.06.03.04]. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng (đối với cán bộ giảng dạy) [H6.06.03.05].

Trong 5 năm qua, Khoa đã thực hiện kế hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ hiệu quả; đã tiếp nhận và tuyển dụng mới 8 viên chức trong đó ngành Quản trị kinh

doanh tuyển dụng mới 2 cán bộ, đảm bảo về chất lượng và cân đối về ngạch, bậc giảng viên đáp ứng được nhu cầu của Khoa và Nhà trường; vì vậy đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH [H6.06.03.06]. Sau khi trúng tuyển, các giảng viên đều phải thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng của Bộ môn và giảng thử tại Bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức [H6.06.03.07]. Hàng năm Nhà trường và khoa cũng ban hành tiêu chí đánh giá kết quả thực thi công việc, kết quả đánh giá cụ thể đối với từng giảng viên là cơ sở để đánh giá xếp loại và nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo; Công tác đánh giá cán bộ giảng viên được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, minh bạch, chính xác. Kết quả đánh giá là một trong những căn cứ để Nhà trường xếp loại thi đua các tập thể và cá nhân cấp khoa nên đã có tác dụng mạnh mẽ trong việc triển khai, tổ chức thực hiện.

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Trường thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo thuộc các lĩnh vực công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H6.06.03.08].

Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Qui định tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý tại Khoa. Bộ môn sẽ lấy phiếu tín nhiệm thông qua cuộc họp Bộ môn [H6.06.03.09]. Từ đó Khoa sẽ tổ chức họp để lấy phiếu tín nhiệm và trình lên Đảng ủy Trường để xét duyệt; Qui định này đảm bảo cho quy trình bổ nhiệm được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai theo tinh thần cải cách hành chính, tránh được phiền hà, tiêu cực.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý giữa Khoa và Nhà trường. [H6.06.03.10].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa tuyển được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ sư phạm. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, đạo đức nhà giáo. Do đó,

Khoa và Ngành QTKD đang có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ số lượng với cơ cấu hợp lý, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH.

### **3. Điểm tồn tại**

Số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vào ngành QTKD vẫn còn chưa nhiều. Nhà trường chưa có nhiều chính sách thu hút và sử dụng nhân tài về công tác tại khoa.

Vẫn còn tình trạng mất cân đối về tỉ lệ cán bộ giữa các độ tuổi và cán bộ có học hàm, học vị cao đối với ngành QTKD.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Có các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành QTKD bằng việc đa dạng hóa các nguồn nhân lực, trong đó tập trung nguồn là các sinh viên ưu tú của Trường Đại học Vinh và các sinh viên tốt nghiệp đại học, sau đại học từ các trường đại học xuất sắc của nước ngoài.

- Chính sách trọng dụng và sử dụng nhân tài, tạo động lực để khuyến khích cán bộ quản lý và giảng viên giỏi gắn bó với trường

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.3: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 6.4: *Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được tuyển dụng được xác định và đánh giá.***

#### **1. Mô tả**

Trên cơ sở quy định của nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng viên [H6.06.04.01], nhà trường có quy định rõ ràng về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên [H6.06.04.02]; Đặc biệt, về công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên luôn được Nhà trường quan tâm và khuyến khích nhằm thực hiện tốt mục tiêu của Nhà trường [H6.06.04.03]; Trường có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ở hầu hết các chuyên ngành. Các giảng viên không chỉ thực hiện tốt công tác đào tạo mà còn tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, từ đó công nhận danh hiệu thi đua vào cuối mỗi năm học [H6.06.03.04].

Nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ giảng viên của Nhà trường. Đến năm 2018, 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ tin học. Hàng năm, Trường tổ chức đánh giá năng lực



ngoại ngữ cho cán bộ và là 1 trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại cán bộ cuối năm [H6.06.04.05].

Nhà trường có quy định rõ ràng về quy định đánh giá xếp loại cán bộ viên chức [H6.06.04.06]. Trên cơ sở đó, Nhà trường căn cứ xếp loại của Khoa hàng tháng để chi trả lương tăng thêm [H6.06.04.07]. Vào cuối mỗi năm học, các giảng viên đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới. 100% giảng viên hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH theo định mức của Nhà trường. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Bộ môn và Lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Từ đó Nhà Trường quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học [H6.06.04.08].

Đồng thời, Nhà trường có quy định rõ ràng về công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động Nhà trường. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ giảng viên và các hoạt động Nhà Trường. Vào cuối mỗi kỳ học, các sinh viên đều thực hiện việc đánh giá công tác giảng dạy thông qua Phiếu lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy thông qua thông báo của Nhà trường [H6.06.04.09]. Từ đó Nhà Trường có báo cáo về việc phản hồi người học đối với giảng viên. Việc đánh giá giúp giảng viên cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng giảng dạy tốt hơn [H6.06.04.10].

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## **2. Điểm mạnh**

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động hợp tác quốc tế, trao đổi học thuật trong đào tạo và NCKH với nước ngoài trong lĩnh vực kinh tế, QTKD chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế ngành kinh tế nói chung và ngành QTKD nói riêng để tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên được đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở nước ngoài.

Xây dựng cơ chế cử giảng viên đi nghiên cứu thực tế hàng năm

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.4: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 6.5: *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

##### **1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để GV hoàn thành công việc của mình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ GV trẻ, GV tập sự trong giảng dạy và NCKH đặc biệt được quan tâm. Trên cơ sở kế hoạch bồi dưỡng cán bộ trung hạn của các khoa, đơn vị trực thuộc, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên. Cụ thể, về phía nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên giai đoạn 2016-2020, về phía khoa có kế hoạch Bồi dưỡng đào tạo cán bộ giai đoạn 2015 - 2020. Các kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã quy hoạch cụ thể từng cán bộ giảng viên kế hoạch đào tạo bồi dưỡng về thời gian, trình độ, chuyên ngành, đào tạo trong nước hay nước ngoài. Ngoài ra, kế hoạch trung hạn về bồi dưỡng đào tạo cán bộ của Khoa Kinh tế còn chỉ rõ lộ trình bồi dưỡng cán bộ về ngoại ngữ và mục tiêu cụ thể để các giảng viên phấn đấu thực hiện [H6.06.05.01]. Việc ban hành và thực hiện kế hoạch này là điều kiện quan trọng để khoa Kinh tế tiến tới mục tiêu đào tạo ngành Quản trị kinh doanh chất lượng cao; mở rộng đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế; đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

Căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên [H6.06.05.02], theo từng năm học khoa Kinh tế đều rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học chung của đơn vị trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Cụ thể, năm học 2013 - 2014, Khoa Kinh tế có 16 giảng viên học NCS trong

nước, 02 giảng viên học NCS nước ngoài, 20 giảng viên học cao học và 05 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; kinh phí hỗ trợ dành cho việc đi học thạc sĩ, tiến sĩ, đào tạo ngắn hạn khoảng 262,32 triệu đồng. Năm học 2014-2015, toàn khoa có 31 cán bộ, giảng viên đi học, trong đó có 10 cán bộ đi học thạc sĩ, 19 cán bộ đi học tiến sĩ và 02 cán bộ đang đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn với chi phí hỗ trợ khoảng 93 triệu đồng. Năm học 2015-2016, toàn khoa có 29 cán bộ, giảng viên đi học, trong đó có 02 cán bộ đi học thạc sĩ, 25 cán bộ đi học tiến sĩ và 02 người đang đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn với chi phí hỗ trợ khoảng 458,4 triệu đồng [H6.06.05.03].

Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên [H6.06.05.04], đặc biệt nhà trường chú trọng xây dựng nhu cầu đào tạo giảng viên có trình độ cao [H6.06.05.05], [H6.06.05.06], [H6.06.05.07]. Nhờ đó, các bộ môn và từng giảng viên đã chủ động trong việc chuẩn bị kế hoạch học tập nâng cao trình độ của mình.

Nhà trường đã mở nhiều khóa tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, quản lý hành chính, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên trong Trường. Nhiều hoạt động đào tạo của Nhà trường thu hút sự tham gia đông đảo đội ngũ giảng viên của Khoa như: bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy, quản lý nhà nước, sử dụng công nghệ thông tin cán bộ, kỹ năng tin học và ngoại ngữ [H6.06.05.08], [H6.06.05.09], [H6.06.05.10], [H6.06.05.11] [H6.06.05.12], [H6.06.05.13].

Nhà trường và Ban Chủ nhiệm Khoa còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ giảng viên tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, giảng viên tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.14]. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng nước ngoài, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ giảng viên trẻ tham gia [H6.06.05.15]. Khoa cũng đã đề xuất với nhà trường cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài [H6.06.05.16]. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ của nhà trường, Khoa Kinh tế cũng ban hành quy chế chi tiêu nội bộ trong đó khen thưởng cho các NCS khi đổ đầu vào 5.000.000 đồng và khi bảo vệ thành công luận án 5.000.000 đồng [H6.06.05.17].

Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích cán bộ giảng viên phối hợp, liên kết

nghiên cứu với các giảng viên từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy. Giảng viên trong khoa đã có sự phối hợp với các giảng viên, nhà khoa học từ các trường đại học trong các hoạt động giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn [H6.06.05.18]. Nhìn chung, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, tập huấn, tự học ngoại ngữ, phát triển kỹ năng giảng dạy,...

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng, Nhà trường hàng năm đều tổ chức các cuộc thi “Giảng viên trẻ dạy giỏi”, “Hội thi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp”, “Hội thi nghiệp vụ sư phạm”... tạo cơ hội giúp giảng viên nâng cao trình độ [H6.06.05.19]. Khoa Kinh tế đã chú trọng các hình thức sinh hoạt chuyên môn ở các bộ môn, tạo cơ hội cho giảng viên phát huy sức sáng tạo, trao đổi, rèn luyện nghiệp vụ, phương pháp sư phạm một cách thường xuyên, sôi động. Trong đó, Bộ môn Quản trị kinh doanh đã xây dựng kế hoạch cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên trẻ tham gia các cuộc thi, tổ chức dự giờ thăm lớp, bồi dưỡng kỹ năng sư phạm, phát huy kỹ năng mềm trong hoạt động giảng dạy [H6.06.05.20]. Các hoạt động này đều được xem xét để đánh giá thi đua vào cuối năm học, tạo động lực tốt cho các giảng viên tham gia đầy đủ và hiệu quả [H6.06.05.21].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn.

Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành giảng dạy, cơ cấu cán bộ của đơn vị và nhu cầu của Nhà trường. Giảng viên được tham gia các hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước để học tập, nâng cao trình độ.

Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên nhanh chóng, hiệu quả. Đội ngũ tập huấn viên là những người trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực đảm nhiệm, nhiều khóa tập huấn có sự tham gia giảng dạy của giảng viên nước ngoài. Các hội thi nghiệp vụ sư phạm, giảng viên trẻ dạy giỏi được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả cao.

## **3. Điểm tồn tại**

Hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của các giảng viên.

Khoa chưa thực sự chủ động trong việc đề xuất các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chủ yếu dựa trên kế hoạch của nhà trường và đề xuất của cá nhân cán bộ.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2018, Khoa và Nhà trường sẽ:

Có kế hoạch khảo sát định kỳ nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, từ đó tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Tạo điều kiện về thời gian và công việc để cán bộ, giảng viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực.

Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng ngoại ngữ, trong đó thay đổi hình thức tổ chức các lớp học ngoại ngữ thành đào tạo theo nhu cầu riêng của từng giảng viên. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của giảng viên sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.5: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 6.6: *Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

##### **1. Mô tả**

Nhà trường có quy trình, tiêu chí để đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên trong công tác giảng dạy, NCKH. Quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các giảng viên trong nhà trường. Giờ chuẩn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, Trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Hàng năm Trường có hướng dẫn cụ thể về công tác tổng kết năm học, kê khai các hoạt động của giảng viên, đánh giá giảng viên và bình xét danh hiệu thi đua, theo đó việc đánh giá kết quả công việc phải được thực hiện công khai [H6.06.06.01].

Vào đầu năm học, trên cơ sở kế hoạch năm học của khoa được nhà trường phê duyệt, mỗi giảng viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ đối tượng, tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát lao động [H6.06.06.02]. Việc đánh giá giảng viên được tiến hành một cách công khai theo từng bộ môn. Mỗi cán bộ giảng viên trong khoa đều được đánh giá hiệu quả làm việc thông qua việc xếp loại lao động (A,B,C) hàng tháng. Cuối năm học, Bộ môn tổng hợp khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công tác khác để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng

dạy cũng như thống kê nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công tác khác của giảng viên [H6.06.06.03]. Hàng năm, Khoa tiến hành tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên được thực hiện một cách công khai minh bạch từ bộ môn lên đến Khoa [H6.06.06.04]. Trong những năm qua, khoa đã thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học [H6.06.06.05]. Căn cứ trên kết quả đánh giá từ khoa, Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đối với cán bộ viên chức và có các quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Thu nhập tăng thêm hàng năm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Bên cạnh đó, những cá nhân có thành tích cao, đột xuất, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc được tặng thưởng. [H6.06.06.06]. Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp giảng viên của Khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa có sự tăng trưởng vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, từ 4 tiến sĩ năm 2013 đến nay khoa đã có 1 PGS và 21 tiến sĩ. Đội ngũ này đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong các năm qua, giảng viên của khoa luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy (vượt trên 200%), bình quân mỗi năm công bố trên 80 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, biên soạn 2-4 giáo trình, sách tham khảo, thực hiện đề tài NCKH các cấp, hoàn thành kế hoạch 1semina/1 cán bộ/năm [H6.06.06.07].

Định kì, Nhà trường tổ chức các đợt lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Người học tham gia phản hồi về giảng viên giảng dạy kỳ trước trước khi đăng ký học cho học kỳ tiếp theo bằng một phiếu hỏi của Trường Đại học Vinh xây dựng. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và sự quan tâm của giảng viên đến người học. Cuối mỗi đợt đều có báo cáo kết quả thông báo đến từng giảng viên và từng đơn vị... [H6.06.06.08]. Mỗi cán bộ, giảng viên đều có bộ hồ sơ năng lực được bổ sung tích lũy hàng năm [H6.06.06.09].

## **2. Điểm mạnh**

- Nhà trường có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá, xếp loại cán bộ.
- Trường có chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích giảng viên giảng dạy và NCKH; chú trọng việc qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ có năng lực đảm nhận các vị trí quản lí, lãnh đạo chủ chốt.

### **3. Điểm tồn tại**

- Chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của giảng viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của nhà trường.

- Nhà trường cần có hệ thống theo dõi sự cải tiến của giảng viên sau đánh giá.

- Nguồn kinh phí bồi dưỡng giảng viên của Trường còn hạn chế, chưa có cơ chế đặc thù trong việc bồi dưỡng đội ngũ giảng viên cho các khoa mới, ngành mới.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Tiến hành khảo sát sự hài lòng của giảng viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của nhà trường.

- Tăng cường chính sách đánh giá công khai, rõ ràng, cụ thể và có theo dõi sự cải tiến của giảng viên sau đánh giá.

- Trường cần có cơ chế hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ đảm bảo mỗi ngành đào tạo phải có ít nhất một phó giáo sư đầu ngành.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.6: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### **1. Mô tả**

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Nhà trường coi là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao.. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Hầu hết giảng viên chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng khá và tốt [H6.06.07.01]

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo ngành quản trị kinh doanh, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ giảng viên ngành quản trị kinh doanh cũng như toàn Khoa. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các giảng viên ngành quản trị kinh doanh luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định. Kết thúc năm

học, ngành quản trị kinh doanh, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên [H6.06.07.02]. Trong giai đoạn 2013 đến 2018, các giảng viên ngành quản trị kinh doanh đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học có liên quan đến nội dung chương trình đào tạo, hướng dẫn nhiều sinh viên đạt giải cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường và toàn quốc [H6.06.07.03].

**Bảng 6.3. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu khoa Kinh tế từ 2013 đến 2018**

Năm học	Đề tài các cấp		Bài báo		Sách	
	Cấp trường	Cấp bộ	Trong nước	Nước ngoài	Giáo trình	Tham khảo
2013 - 2014	3	0	66	3	2	1
2014 - 2015	6	0	77	1	3	0
2015 - 2016	6	1	100	4	0	2
2016 - 2017	13	1	47	2	3	0
2017 - 2018	4	1	58	9	0	0

*Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học 2013-2018*

Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học của giảng viên ngành quản trị kinh doanh được đăng nhiều trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành [H6.06.07.04] [H6.06.07.05] [H6.06.07.06]. Số lượng và các loại nghiên cứu của giảng viên của Khoa trong 5 năm học vừa qua, thống kê cụ thể (bảng 6.3). Khoa cũng có hình thức khen thưởng đối với các giảng viên có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các giảng viên [H6.06.07.07].

## **2. Điểm mạnh**

Tất cả giảng viên ngành quản trị kinh doanh và Khoa luôn vượt định mức số giờ nghiên cứu khoa học hàng năm do Nhà trường đề ra. Đội ngũ giảng viên ngành quản trị kinh doanh tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.



### **3. Điểm tồn tại**

Chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn ít. Các công trình nghiên cứu mang tính đóng góp cho phát triển địa phương chưa nhiều, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn hạn chế, chưa có bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISSN và Scopus.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong học kỳ II năm học (2018 - 2019) và thời gian sắp tới, Khoa và Bộ môn Quản trị kinh doanh cần phải thúc đẩy giảng viên tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài về lĩnh vực quản trị kinh doanh có chất lượng. Khoa tích cực tham gia đầu thầu chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.7: Đạt (mức 4/7)**

#### **Kết luận:**

Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Đội ngũ giảng viên của Khoa đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ sư phạm, có tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm công tác. Nhà trường có nhiều cách thức đánh giá năng lực giảng viên ở nhiều cấp độ khác nhau đồng thời có các chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích giảng viên giảng dạy và NCKH. Hệ thống đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ hợp lý có tác động tốt đến tinh thần và sự tích cực trong công việc của cán bộ, giảng viên.

### **Tự đánh giá Tiêu chuẩn 6: Đạt (mức 4.14/7)**

## **Tiêu chuẩn 7**

### **ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN**

#### **Mở đầu**

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đóng một vai trò quan trọng và khẳng định được chỗ vị trí của mình trong nhiều hoạt động của Trường. Trường có 302 chuyên viên, kỹ thuật viên, cán bộ hành chính, phục vụ có 13 chuyên viên chính và 110 thạc sĩ, trong đó tại khoa Kinh tế có 3 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo, 1 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập ngành QTKD và 11 giảng viên kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm lớp cho sinh viên ngành QTKD. Các hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng được thực hiện hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và học tập của giảng viên, sinh viên. Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, nhà trường và khoa có chiến lược trong quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo để phát triển đội ngũ nhân viên.

***Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả**

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, trong đó có kế hoạch hành động về xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường Đại học Vinh trong giai đoạn này. Trong đó có giải pháp nêu rõ nhà trường cần có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường; xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch [H7.07.01.01].

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như phòng Công tác chính trị và HSSV, phòng Đào tạo, trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, trung tâm Đảm bảo chất lượng, trung tâm Công nghệ thông tin; trung tâm Đào tạo liên tục,... Tại Khoa Kinh tế, bên cạnh 3 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo còn có 1 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập ngành QTKD và 11 giảng viên kiêm nhiệm công tác

chủ nhiệm lớp cho sinh viên ngành QTKD. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện khoa học đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ tại khoa Kinh tế có trình độ đại học trở lên (100%), có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Có đến 13 người (86,7%) có trình độ từ Thạc sĩ trở lên [H7.07.01.02].

Nhà trường đã tiến hành quy hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn thành đề án việc làm cho các đơn vị hành chính trực thuộc Trường [H7.07.01.03]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, đối chiếu với đề án vị trí việc làm, trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.01.04]. Các phòng ban, trung tâm căn cứ vào nhiệm vụ được giao về hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trưởng đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc [H7.07.01.05].

Nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên. Mỗi nhân viên sẽ công tác tại một đơn vị không quá 05 năm. Sau 05 năm mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù). Vì vậy, đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt, tươi mới trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [H7.07.01.06].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có đề án vị trí việc làm quy hoạch chuẩn hoá số vị trí việc làm và số lượng người làm việc ở mỗi vị trí.

Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ có nhiều cải thiện nhờ công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên và quá trình học tập nâng cao trình độ.

## **3. Điểm tồn tại**

Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

Vẫn còn nhân viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là các hoạt động phục vụ cộng đồng.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2019, Trường tiếp tục rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của khối nhân viên từng đơn vị và trong toàn trường.

Trường cần có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm trong lĩnh vực hỗ trợ phục vụ cộng đồng cho đội ngũ nhân viên.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.1: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

##### **1. Mô tả**

Trường có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra. Nhờ đó, Trường có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác [H7.07.02.01].

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của Khoa; các Phòng ban, Trung tâm. Kế hoạch tuyển chọn, danh sách thí sinh, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang Web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.02]. Qui trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường [H7.07.02.03]. Đội ngũ nhân viên hành chính của các đơn vị định kỳ được luân chuyển đến các đơn vị khác nhau trong trường [H7.07.02.04]

Đội ngũ cán bộ quản lý các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng giảng viên, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ kỹ thuật viên, cán bộ nhân viên chủ yếu có trình độ đại học các ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Trường có một môi trường dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia

góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, đúng qui định.

Hiện nay toàn Trường có 20 đơn vị hành chính gồm: Tổ chuyên trách, Tổ chức Cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp, Đào tạo, Đào tạo sau đại học, Khoa học và Hợp tác quốc tế, Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Quản trị và Đầu tư, Thanh tra Giáo dục, Bảo vệ, Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên, Trung tâm Đào tạo liên tục và chuyển giao khoa học công nghệ dịch vụ giáo dục, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Thực hành thí nghiệm, Trung tâm Nội trú, Trung tâm Công nghệ thông tin, Nhà xuất bản, Trạm Y tế. Cơ cấu đơn vị hành chính như hiện tại quá cồng kềnh, nhỏ lẻ, khó có sự phối kết hợp trong công tác. Để khắc phục những tình trạng trên Nhà trường đang triển khai tái cấu trúc lại bộ máy để góp phần tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính [H7.07.02.05],

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lí, Trường thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo thuộc các lĩnh vực công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H7.07.02.06]. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lí xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của các Phòng ban và năng lực của mỗi cán bộ, được thực hiện theo đúng qui định của Chính phủ, của Bộ GD - ĐT; do đó, đội ngũ cán bộ quản lí luôn hoàn thành tốt công việc đảm nhiệm.

## **2. Điểm mạnh**

Trường đang có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lí, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: hành chính và phục vụ đào tạo.

Phần lớn nhân viên hỗ trợ đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

## **3. Điểm tồn tại**

Ở một số đơn vị vẫn còn dư thừa nhân viên theo đề án vị trí việc làm.

Hiệu quả công việc ở một số bộ phận chưa đáp ứng yêu cầu.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Thực hiện triệt để đề án vị trí việc làm tại các đơn vị hành chính

Tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.2: Đạt (mức 4/7)**

### **Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.**

#### **1. Mô tả**

Xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực sẽ là yếu tố then chốt để thực hiện cải cách, đổi mới giáo dục. Chính vì vậy khoa Kinh tế luôn đề cao vai trò của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Hiện tại, bên cạnh đội ngũ hỗ trợ đông đảo từ Nhà trường phục vụ sinh viên của Khoa Kinh tế nói chung và ngành QTKD nói riêng, Khoa Kinh tế có 3 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo còn, 1 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập ngành QTKD và 11 giảng viên kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm lớp cho sinh viên ngành QTKD [H7.07.03.01], [H7.07.03.02]. 100% nhân viên hỗ trợ tại khoa Kinh tế có trình độ đại học trở lên (100%), có đến 13 người (86,7%) có trình độ từ Thạc sĩ trở lên. Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: kỹ năng tin học, tiếng Anh... [H7.07.03.03]. Hàng năm, đội ngũ cán bộ hỗ trợ đều được tham gia các khóa bồi dưỡng cán bộ về Nghiệp vụ sư phạm, Tin học, Ngoại ngữ, quản lí hành chính nhà nước, Quốc phòng - An ninh, được tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ, có nhiều người được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, được tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ở nước ngoài, được tham gia thực hiện các đề tài NCKH... đáp ứng được chức năng nhiệm vụ đảm nhận [H7.07.03.04].

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về quy định đánh giá xếp loại cán bộ viên chức [H7.07.03.05]. Vào cuối mỗi năm học, các nhân viên hỗ trợ đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới. Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa luôn được sự công nhận của Khoa và Nhà trường. Nhiều cán bộ đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với đóng góp thành tích của đội ngũ hỗ trợ [H7.07.03.06].

Nhà trường có quy định rõ ràng về công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động Nhà trường. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động Nhà Trường. Từ đó Nhà Trường có báo cáo về việc phản hồi người học đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng phục vụ tốt hơn [H7.07.03.07].

## **2. Điểm mạnh**

- Khoa luôn quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển chuyên môn và bồi dưỡng cho cán bộ hỗ trợ. Hiện 02 cán bộ hỗ trợ của Khoa đang được tạo điều kiện thuận lợi để học Cao học thạc sĩ.

- Đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ trẻ, năng động, nhiệt tình.

## **3. Điểm tồn tại**

Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn và thỏa mãn nhu cầu của các cán bộ.

Giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác trợ lý chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Cần có những hoạt động hỗ trợ tăng kỹ năng cũng như nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên

- Có kế hoạch phân công hợp lý giúp cho cán bộ kiêm nhiệm ổn định lịch làm việc

- Bổ trợ kỹ năng tin học để giúp nhân viên tăng năng suất cũng như hiệu quả làm việc

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.3: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 7.4: *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

### **1. Mô tả**

Khoa Kinh tế hiện có đội ngũ cán bộ hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên. Cụ thể, khoa có 01 cán bộ văn phòng, 01 cán bộ quản lý sinh viên, 01 cán bộ trợ lý đào tạo. Bên cạnh các cán bộ chuyên trách, khoa còn có một số giảng viên kiêm nhiệm làm các công tác hỗ trợ sinh viên như: cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, bí thư liên chi đoàn, bí thư chi bộ sinh viên. Các cán bộ hỗ trợ của khoa đã được BCN Khoa định hướng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc trong tương lai. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, khoa còn có sự hỗ trợ, phối hợp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh

nghiệm. Đây là các cán bộ kỹ thuật viên, nhân viên làm việc ở các Trung tâm, Phòng ban, Viện, Trạm, Nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường [H7.07.04.01].

Trong dài hạn, Nhà trường đã xây dựng chiến lược hoạt động, trong đó nhu cầu phát triển đội ngũ nhân viên đã được xác định rõ. Bên cạnh đó, hằng năm, với việc xây dựng kế hoạch năm học, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, cụ thể, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và thực tiễn hoạt động của từng đơn vị [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên còn được nhà trường khuyến khích thi thăng hạng, tạo điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, quản lí hành chính nhà nước, quốc phòng-an ninh,... [H7.07.04.04], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06] , [H7.07.04.07] , [H7.07.04.08]. Các cán bộ hỗ trợ của Khoa Kinh tế đã được tham gia các khóa bồi dưỡng này, nhờ đó hiệu quả công việc được cải thiện rõ rệt.

Trường đã có các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên, nhân viên, hỗ trợ họ về chế độ chính sách thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.04.09], kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Trường.

Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt yêu cầu công việc. Hiện tại, trong số 3 cán bộ hỗ trợ của Khoa thì một cán bộ đã đạt học vị thạc sĩ, còn 2 cán bộ đang tham gia học cao học tại trường [H7.07.04.10].

## **2. Điểm mạnh**

Hằng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này.

Bên cạnh cán bộ hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa cụ thể, chi tiết, đang lồng ghép vào kế hoạch chung của



khoa, chưa có sự chủ động từ phía khoa mà chủ yếu từ phía nhà trường và đề xuất của cá nhân.

Còn ít các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ hỗ trợ của khoa.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 - 2019, Khoa sẽ tiến hành khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.4: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 7.5: *Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

##### **1. Mô tả**

Để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng cho tất cả các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành Quản trị kinh doanh, đội ngũ nhân viên được bố trí tại các phòng ban, trung tâm như Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Đảm bảo chất lượng, Công nghệ thông tin; Trung tâm Đào tạo liên tục. Tại Khoa Kinh tế có 3 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên và trợ lý đào tạo. Ngoài ra, khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm 04 cố vấn học tập [H7.07.05.01].

Với từng chức danh công việc, Trường có qui định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên. Bên cạnh đó, Trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H7.07.05.02]. Đội ngũ nhân viên của Trường hầu hết có trình độ đại học trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được qui định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành [H7.07.05.03]

Khoa Kinh tế luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ tại khoa nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng

đồng. Các nhân viên hành chính tại khoa luôn hoàn thành công việc được giao. Hàng tháng, Trường đã đánh giá hiệu quả làm việc của đội ngũ nhân viên thông qua việc xếp loại cán bộ A,B,C. Kết quả đánh giá cho thấy phần lớn nhân viên hỗ trợ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H7.07.05.05]. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét các danh hiệu thi đua. Việc bình xét được thực hiện công khai từ cấp tổ, bộ môn trở lên. Nhiều cán bộ được nhận danh hiệu Lao động tiên tiến [H7.07.05.04]. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng [H7.07.05.06]. Định kì, Nhà trường tổ chức các đợt lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ người học của các phòng ban chức năng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Cuối mỗi đợt đều có báo cáo kết quả thông báo đến từng đơn vị [H7.07.05.07]. Sự đánh giá đúng đắn và khen thưởng hàng năm được triển khai chính là động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có các quy định về khối lượng công việc cụ thể cho từng vị trí công việc. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ tại khoa.

Nhân viên được tham gia trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá.

## **3. Điểm tồn tại**

- Chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của nhà trường.

- Đội ngũ nhân viên chưa có kế hoạch cụ thể về khối lượng công việc, thời gian và nguồn lực thực hiện công việc.

- Nhà trường cần có hệ thống theo dõi sự cải tiến của nhân viên sau đánh giá.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của nhà trường.

- Hướng dẫn đội ngũ nhân viên lập kế hoạch cá nhân hàng năm làm cơ sở giám sát cũng như động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.4: Đạt (mức 4/7)**

**Kết luận:**

Trường đang có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lí, có năng lực chuyên môn phù hợp và được định kì bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện khoa học, bài bản từ cấp đơn vị đến cấp Trường. Trường đã có nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên.

**Tự đánh giá Tiêu chuẩn 7: Đạt (mức 4.0/7)**

## Tiêu chuẩn 8

### NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

#### Mở đầu

Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh trường Đại học Vinh được học tập và rèn luyện trong môi trường tốt. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Sinh viên ngành QTKD được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm đến hệ thống giảng viên, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý và cán bộ của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan trong Nhà trường.

**Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.**

#### 1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh ngành QTKD được xác định rõ ràng, được xây dựng và ban hành dựa trên Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề án tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01]. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối tổ chức tuyển sinh đại học hệ chính quy của Nhà trường nói chung và ngành QTKD nói riêng. Phương thức tuyển sinh ngành QTKD gồm: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT và (2) Xét tuyển học bạ THPT với tổng số 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành QTKD được xác định rõ ràng hằng năm, các mã tổ hợp môn xét tuyển theo các khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh). Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành QTKD (như điểm, đối tượng ưu tiên...) được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chính sách tuyển sinh ngành QTKD được công bố công khai và được cập nhật hàng năm. Các thông tin về tuyển sinh được Nhà trường và Khoa công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh đại học”, trên website của Nhà trường, của khoa Kinh tế và trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.02]. Hàng năm, dựa trên

cơ sở dữ liệu phân tích tuyển sinh, đánh giá tình hình thực tiễn, Nhà trường xây dựng và điều chỉnh đề án, kế hoạch tuyển sinh, đồng thời thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng tuyển sinh [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Với chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật. Ngành QTKD đã tuyển sinh được số lượng người học như bảng 8.1 sau:

**Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh**

Năm tuyển sinh	Số lượng thí sinh trúng tuyển	Số lượng nhập học	Điểm trúng tuyển	Điểm trung bình của thí sinh được tuyển	Tỷ lệ trúng tuyển so với năm trước	Tỷ lệ nhập học/trúng tuyển
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2013	359	224	15.0	16,50	98.2%	62.4%
2014	344	171	15.0	16,25	95.8%	49.7%
2015	272	201	16.0	17,50	79.1%	73.9%
2016	232	105	15.0	17,25	85.3%	45.3%
2017	310	159	15.5	16,75	133.6%	51.3%
2018	411	166	14.0	16,50	132.6%	40.4%

*Nguồn: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Vinh*

Trong giai đoạn 2013 - 2018, Số lượng sinh viên trúng tuyển nhập học ngành QTKD được duy trì bình quân khoảng từ 171 sinh viên/năm và có xu hướng giảm. Tỷ lệ sinh viên nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển không cao, bình quân đạt khoảng 53,8%/năm. Chủ yếu vẫn từ các nguyên nhân khách quan như nhu cầu xã hội khu vực Bắc Trung Bộ đối với ngành QTKD thấp và có xu hướng giảm...

## **2. Điểm mạnh**

Chính sách tuyển sinh ngành QTKD được xác định rõ ràng là cơ sở đảm bảo số lượng thí sinh và tăng cường chất lượng tuyển sinh;

Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác quảng bá tuyển sinh chưa tạo ra sự hấp dẫn, thu hút thí sinh dự tuyển;

Phương thức tuyển sinh chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 -2019, khoa Kinh tế và Nhà trường tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành QTKD; mỗi giảng viên là một tuyên truyền viên cho ngành Quản trị kinh doanh;

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp;

Từ năm 2018, xây dựng và công bố phương thức tuyển sinh cho chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị kinh doanh.

#### **5. Tự đánh giá tiêu chí 8.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.**

##### **1. Mô tả**

Tiêu chí tuyển chọn người học ngành QTKD được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng thể hiện trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh [H8.08.02.01]. Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định và công bố chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh [H8.08.02.02]. Trước năm 2017, ngành QTKD thực hiện tuyển sinh theo ngành dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, tổ hợp các môn thi của ngành, lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành. Từ năm 2017, Nhà trường thực hiện tuyển sinh cho ngành QTKD theo nhóm ngành kinh tế. Xác định rõ ràng, công bố chỉ tiêu xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển (theo kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia và dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT) [H8.08.02.03].

Phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, quy định trong đề án và kế hoạch tuyển sinh hàng năm. Hiện nay, ngành QTKD tuyển chọn người học theo các phương pháp gồm xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kể từ năm 2018, ngành QTKD xét tuyển người học cho CTĐT chất lượng cao dựa trên kết quả học tập và khả năng ngoại ngữ. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường xác định, đánh giá hàng năm [H8.08.02.04].

## **2. Điểm mạnh**

Với chính sách tuyển chọn người học như trên là cơ sở để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan;

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

## **3. Điểm tồn tại**

Tiêu chí và phương thức tuyển sinh chưa dựa trên đánh giá năng lực người học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hàng năm, Khoa kết hợp với các đơn vị liên quan theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/trên số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời;

Từ năm 2019, Khoa đề xuất với nhà trường thực hiện tuyển sinh theo phương thức đánh giá năng lực người học.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 8.2: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 8.3: *Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.***

### **1. Mô tả**

Khoa và Nhà trường có một hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học ngành QTKD một cách chặt chẽ và hiệu quả. Hệ thống giám sát này được thực hiện thông qua hệ thống cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, các đơn vị, tổ chức đoàn thể liên quan và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC. Hệ thống này bao gồm hồ sơ của người học, các thông báo từ Nhà trường, thời khóa biểu, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện... Đây là một hệ thống giám sát rất hữu ích giúp Nhà trường, Khoa và giảng viên theo dõi quá trình học tập của người học [H8.08.03.01].

Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong CTĐT khung của ngành, quy chế học sinh, sinh viên của Nhà trường [H8.08.03.02]. Hệ thống thực hiện việc giám sát trên các nội dung về quá trình đăng ký học và học tập, giám sát phẩm chất, thái độ và các hoạt động ngoại khóa. Sau khi đăng ký học thành công, sinh viên sẽ có kế hoạch học tập rõ ràng. Giảng viên phụ trách môn học có danh sách sinh viên

tham dự lớp của mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức và trung tâm của Nhà trường như Hội sinh viên, Đoàn thanh niên, Trung tâm HTSV&QHĐN [H8.03.03.03].

Giảng viên giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đối với môn học phụ trách. Trong đề cương chi tiết các học phần của ngành QTKD quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng môn học như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho người học vào đầu học kỳ [H8.08.03.04].

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Khoa thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những sinh viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Hàng năm, phòng CT CTHSSV gửi kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cho gia đình để đôn đốc sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện [H8.08.03.05]. Vào đầu các năm học, Khoa tổ chức đại hội các lớp/chi đoàn, thông qua đó thực hiện cơ chế báo cáo và phản hồi về kết quả của người học, đánh giá sự tiến bộ của người học, phân tích xu hướng và nguyên nhân. Đây cũng là một trong các kênh theo dõi sự tiến bộ của người học được Khoa tổ chức hiệu quả, thông qua đó để thực hiện các biện pháp nhằm cải tiến kết quả học tập và rèn luyện của người học [H8.08.03.06].

**Bảng 8.2. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên năm học 2017 - 2018  
ngành Quản trị kinh doanh**

Lớp/ khóa	SL SV	Kết quả học tập					Kết quả rèn luyện				
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu, kém
56B1	41	-	12,2%	43,9%	39,0%	4,9%	9,8%	48,8%	36,6%	4,9%	-
56B2	49	2,0%	12,2%	57,1%	28,6%	-	10,2%	42,9%	42,9%	4,1%	-
56B3	39	10,3%	12,8%	56,4%	12,8%	7,7%	12,8%	64,1%	15,4%	7,7%	-
56B4	29	10,3%	13,8%	55,2%	20,7%	-	10,3%	65,5%	20,7%	3,4%	-
57B1	56	5,4%	3,6%	48,2%	41,1%	1,8%	8,9%	42,9%	33,9%	14,3%	-
57B2	50	-	4,0%	16,0%	66,0%	14,0%	6,0%	34,0%	38,0%	22,0%	-
58B1	59	-	3,4%	27,1%	62,7%	6,8%	-	28,8%	50,8%	20,3%	-
58B2	55	-	-	12,7%	81,8%	5,5%	-	5,5%	56,4%	38,2%	-
58CLC	24	-	16,7%	62,5%	20,8%	-	16,7%	41,7%	41,7%	-	-

Nguồn: Khoa Kinh tế - Trường Đại học Vinh



## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về học tập và rèn luyện được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo CMC, dưới nhiều hình thức khác nhau.

Sự tiến bộ của người học được giám sát bởi một hệ thống gồm giảng viên, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo, quản lý sinh viên, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học;

Giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên dựa trên hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập chưa được phát huy đúng mực.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 - 2019, Khoa tiếp tục đẩy mạnh vai trò của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và trợ lý quản lý sinh viên trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên; tổ chức hệ thống này một cách hiệu quả;

Năm 2019 sẽ đề xuất với nhà trường nâng cấp phần mềm CMC theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với người học trong học tập và rèn luyện.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 8.3: Đạt (mức 5/7)**

***Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học***

### **1. Mô tả**

Với số lượng sinh viên đông và nhiều chuyên ngành, đặc biệt sinh viên ngành QTKD, Khoa đã cử cố vấn học tập phụ trách ngành QTKD và Trợ lý đào tạo chuyên trách với chức năng, nhiệm vụ được phân công rõ ràng, chi tiết. Hàng năm nhà trường đã có các quyết định về việc cử cố vấn học tập ngành; quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ của Trợ lý đào tạo và cố vấn học tập của ngành QTKD [H8.08.04.01]. Nhà trường và khoa luôn có quy trình/kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học thông qua các văn bản về việc tổ chức tư vấn

chương trình đào tạo, lập kế hoạch học tập và xử lý học vụ cho sinh viên ngành QTKD. Mỗi đợt thực tập Khoa có thành lập đoàn kiểm tra thực tập sinh viên đi thực tập tốt nghiệp cuối khoá tại các cơ sở. [H8.08.04.02].

Khoa Kinh tế luôn có các hoạt động và chính sách hỗ trợ sinh viên ngành QTKD: sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên dân tộc thiểu số. Các chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, cấp học bổng cho sinh viên ngành QTKD luôn được phổ biến kịp thời cho sinh viên trong từng năm học. Nhà trường có quyết định về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy bao gồm sinh viên Ngành QTKD, cụ thể năm học 2013-2014 miễn học phí cho 16 sinh viên; giảm 50% học phí cho 1 sinh viên, tổng số tiền miễn giảm: 48.795.000 đồng; miễn giảm học phí cho 31 sinh viên đào tạo theo nhu cầu xã hội hệ chính quy năm học 2013-2014 với tổng số tiền: 86.437.500 đồng. Các quyết định cấp học bổng tài trợ cho học sinh, sinh viên năm học 2015-2016 cho 30 sinh viên, mỗi suất 500.000 đồng [H8.08.04.03]. Bên cạnh đó, Khoa luôn có các kế hoạch phân công cán bộ quản lý các địa bàn có HSSV và HV ngành QTKD tạm trú. [H8.08.04.04]. Kết quả đánh giá công tác HSSV của khoa Kinh tế được đánh giá Xuất sắc với tổng điểm đánh giá xấp xỉ trên 90 điểm.

Các hoạt động ngoại khoá, các hoạt động thi đua luôn được sinh viên ngành QTKD hưởng ứng và tham gia nhiệt tình. Các sinh viên năm thứ nhất được tham gia tuần sinh học công dân nâng cao nhận thức của sinh viên về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Trang bị đầy đủ, kịp thời một số thông tin cơ bản và cần thiết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. Đặc biệt, hàng năm sinh viên ngành QTKD được tham các hoạt động thi đua trong tháng rèn nghề với hội thi "Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp"; tham gia các chương trình giáo dục pháp luật về an toàn giao thông. Cụ thể, năm học 2012-2013 có 2 sinh viên ngành QTKD được khen thưởng về cá nhân có thành tích xuất sắc trong tháng rèn nghề và Hội thi “ Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp” [H8.08.04.05].

Liên chi đoàn Khoa Kinh tế đã thành lập rất nhiều câu lạc bộ, đội, nhóm với nhiều hoạt động sôi nổi phù hợp với chuyên ngành cũng như tính cách của sinh viên ngành QTKD. Khoa Kinh tế có tổng số 9 câu lạc bộ đội nhóm được thành lập, trong đó sinh viên ngành QTKD có thể tham gia được toàn bộ các câu lạc bộ: Đội văn nghệ; Đội tình nguyện; Đội xung kích; Đội lễ tân; Câu lạc bộ hoa Chăm pa; Câu lạc bộ tiếng

Anh; Câu lạc bộ Du ca; Câu lạc bộ Khởi nghiệp sáng tạo; Câu lạc bộ Kế toán [H8.08.04.06]. Sinh viên ngành QTKD được tham gia các khoá học ngắn hạn đào tạo và cấp chứng chỉ các chức danh thực hành nghiệp vụ, kỹ năng mềm. Sinh viên ngành QTKD còn tham gia chương trình giao lưu văn hoá giữa Trường Đại học Vinh và Trường ĐH South Florida, Mỹ. Ngành QTKD cũng là ngành có nhiều cơ sở đào tạo liên kết với trường như trường ĐH Leeds; trường ĐH Bristol: cụ thể 1 sinh viên ngành QTKD được tham gia chương trình giao lưu văn hoá giữa trường Đại học Vinh và trường Đại học South Florida [H8.08.04.07]

Ngành QTKD thường xuyên tổ chức dự giờ các giảng viên trẻ và các giảng viên có nhiều kinh nghiệm, thảo luận phương pháp đánh giá theo hướng phù hợp, lấy người học làm trung tâm (dạy học và phân công bài tập theo nhóm, thuyết trình, bài tập lớn). Chiến lược dạy học này giúp người học tiếp thu và biết cách áp dụng các kiến thức; giảng viên ngành QTKD luôn hướng dẫn cho sinh viên hình thức tự học ở nhà; cách thức nghiên cứu và tìm hiểu tài liệu liên quan chương trình học. Ngoài ra trong chương trình đào tạo có học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận các kiến thức kỹ năng trong thực tế giúp cải thiện quá trình học tập của sinh viên. [H8.08.04.08].

Đồng thời, ngoài việc học tập trên lớp, sinh viên QTKD còn học ở nhà, học ở thư viện, học theo cá nhân, học từ giảng viên và doanh nhân... đó là những điều kiện để sinh viên có cơ hội học hỏi nhiều hơn những kiến thức được đưa vào sách vở, giúp sinh viên đam mê học hỏi, tìm tòi thêm những kiến thức cần thiết. Chính vì vậy, chiến lược dạy học của Bộ môn QTKD hướng đến người học và khuyến khích các phương pháp học tập tích cực, giúp hình thành cách học phù hợp từ đó kích thích việc học tập có chất lượng hơn. Ngoài ra, ngành QTKD thường xuyên cập nhật các ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên để ngày càng nâng cao chất lượng dạy học cho sinh viên. Năm học 2017, Nhà trường khảo sát 4.808 sinh viên lấy ý kiến phản hồi về hoạt động của Khoa và Nhà trường. Theo báo cáo sơ kết học kỳ 1 năm học 2016 -2017; tổng số 49 giảng viên được đánh giá có tỷ lệ từ 66- 87% ở mức độ Tốt.[H8.08.04.09].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động tư vấn học tập được Bộ môn QTKD triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của sinh viên; bên cạnh đó các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại

khoá được sinh viên ngành QTKD hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù có hệ thống cố vấn học tập và trợ lý đào tạo chuyên trách nhưng một số sinh viên ngành QTKD vẫn gặp khó khăn trong việc đăng ký học. Thông tin về các hoạt động của Khoa đến với sinh viên còn chưa kịp thời; nhanh chóng và đầy đủ.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 -2019, Khoa Kinh tế và Bộ môn chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn thể cán bộ, giảng viên: (1) hoàn thiện hệ thống văn bản, quy trình hoạt động cố vấn học tập, xây dựng đề cương chi tiết môn học để làm cơ sở hoàn thiện chương trình và kế hoạch đào tạo giúp cho công tác CVHT ngành QTKD được triển khai theo đúng mục tiêu, kế hoạch; (2) bố trí phòng phục vụ cho công tác thường xuyên của đội ngũ cố vấn học tập: tư vấn, chia sẻ, trao đổi, lưu trữ hồ sơ, công nghệ thông tin; (3) tăng cường chăm lo, hỗ trợ các điều kiện vật chất và tinh thần cho các cố vấn học tập thông qua việc ghi nhận, biểu dương kịp thời để đội ngũ cố vấn học tập có thêm niềm say mê, nhiệt huyết làm cho hiệu quả và chất lượng công tác ngày một nâng cao.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.4: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 8.5: *Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

#### **1. Mô tả**

Mỗi năm, Nhà trường đều ban hành các bảng/biên phổ biến nội quy/quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục cho tất cả sinh viên của trường. [H8.08.05.01]. Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên trường và phát động phong trào bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường. Nhà trường có 25 phòng ban, trung tâm, trạm; có các ban, trung tâm chuyên môn, nghiên cứu, ứng dụng phục vụ cho các hoạt động giảng dạy cũng như học tập của giảng viên và sinh viên ngành QTKD. Sinh viên ngành QTKD được hỗ trợ bởi các cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập như hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO. Khoa luôn tạo dựng môi trường học tập và NCKH cho sinh viên ngành QTKD và hoạt động sinh viên

NCKH có sự chuyển biến rõ rệt; cụ thể nhóm sinh viên ngành QTKD đã đạt giải nhất trong cuộc thi Sinh viên NCKH cấp trường năm học 2017-2018 với đề tài “Ứng dụng Marketing online trong hoạt động quảng bá trường Đại học Vinh” [H8.08.05.02]. Hàng năm nhà trường luôn kiểm tra cơ sở y tế, đảm bảo cho công tác kiểm tra sức khoẻ kịp thời cho sinh viên. [H8.08.05.03]. Công tác vệ sinh môi trường do một công ty ký hợp đồng với Nhà trường thực hiện dưới sự chỉ đạo, kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị. Ngoài ra hàng tuần Nhà trường còn điều động sinh viên của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động. [H8.08.05.04]. Sinh viên ngành QTKD được học tập trong môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa,... ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo. Cảnh quan sư phạm của trường và khoa luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các sinh viên. [H8.08.05.05]. Ngoài ra hàng năm nhà trường; khoa; bộ môn QTKD có khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan khuôn viên trường; khoa. [H8.08.05.06].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo. Sinh viên ngành QTKD luôn có ý thức giữ gìn cơ sở vật chất; tuân thủ các quy định về ứng xử trong cơ sở giáo dục; có ý thức bảo vệ môi trường, PCCC; tuân thủ mọi quy định của Pháp luật.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số phòng học chưa có máy chiếu, bàn ghế và tường nhà còn bị vết bẩn và hư hỏng chứng tỏ ý thức của một số sinh viên còn chưa tốt

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến cho sinh viên ngành QTKD duy trì công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội và thực hiện tốt nếp sống văn hoá trong Nhà trường.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.5: Đạt (mức 4/7)**

### **Kết luận:**

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hàng năm, đảm bảo tuyển được số lượng sinh viên có kết quả và năng lực tốt, thu hút được người học tham gia dự tuyển ngành Quản trị kinh doanh. Các hoạt động tư vấn học tập được Bộ môn QTKD triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của sinh viên Hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

**Tự đánh giá Tiêu chuẩn 8: Đạt (4.4/7)**

## **Tiêu chuẩn 9**

### **CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ**

#### **Mở đầu**

Nhà trường và Khoa Kinh tế luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh đảm bảo các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Khoa Kinh tế luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh.

**Tiêu chí 9.1: *Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### **1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh có đầy đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo qui định. Hiện tại, Nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864m<sup>2</sup> cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của tổ bộ môn. Hàng năm, nhà trường ban hành biểu quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành Quản trị kinh doanh [H9.09.01.01] [H9.09.01.02].

Khoa Kinh tế có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay khoa đang sử dụng tầng 2 tòa nhà A0 của trường gồm 3 phòng làm việc gồm 1 phòng của cán bộ quản lý, 1 văn phòng khoa và 1 phòng sinh hoạt chuyên môn. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế... [H9.09.01.03].

Về phòng học, ngành Quản trị kinh doanh phải đảm nhận một số học phần chung của khoa Kinh tế như: Quản trị học, Marketing căn bản, Quản trị tài chính, Văn hóa kinh doanh,... Đây là những học phần có số lượng sinh viên đông (từ 80 đến 100 sinh viên). Việc bố trí các lớp học phần này sẽ ở những giảng đường lớn ở nhà A4, nhà B2, B3 để đảm bảo có đủ số ghế ngồi và trang thiết bị phù hợp cho sinh viên [H9.09.01.04]. Ngoài ra, bộ môn cũng đảm nhận việc giảng dạy các học phần chuyên ngành Quản trị kinh doanh như: Kỹ năng kinh doanh, kỹ năng quản trị, Quản trị chất lượng, Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực, Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương, Quản trị thương hiệu, Tâm lý kinh doanh, Khởi sự kinh doanh, Quản trị hành chính văn phòng, Quản trị marketing,... Những học phần này có yêu cầu riêng về phòng học do số lượng sinh viên chuyên ngành thường ít hơn so với các học phần chung nên các phòng học được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy của từng học phần.

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của ngành Quản trị kinh doanh. Hiện tại, Trường có 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m<sup>2</sup>, 8 phòng học tiếng nước ngoài với tổng diện tích 1225 m<sup>2</sup>, 18 phòng học máy tính với tổng diện tích 3.531 m<sup>2</sup> [H9.09.01.05]. Đến năm học 2016-2017, với số lượng 19.456 sinh viên chính qui trong đó bao gồm 721 sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, diện tích phòng học bình quân đạt 2,63 m<sup>2</sup>/người học đối với tất cả các ngành học trong toàn trường [H9.09.01.06].

Hệ thống phòng học được Phòng Quản trị - Đầu tư quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lí, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [H9.09.01.07].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành Quản trị kinh doanh, trường trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị tại các phòng học như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến. Hiện nay, Nhà trường có 142 phòng học trang bị hệ thống máy chiếu, trong đó có 57 phòng kết nối trực tuyến, 16 phòng học online (không thống kê các điểm có thể kết nối online như Hội trường A, các phòng hội nghị nhà Điều hành, phòng hội nghị tầng 7 Thư viện...) [H9.09.01.08]. Hệ thống máy tính có nối mạng, loa máy độc lập, máy chiếu Projector phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Quản trị kinh doanh được cung cấp, bổ sung, sửa chữa hàng năm [H9.09.01.09].



Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho giảng viên và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Một số thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo [H9.09.01.10]. Ngoài ra, sinh viên ngành Quản trị kinh doanh còn sử dụng hệ thống phòng học Online, phòng học có trang thiết bị hiện đại đối với những học phần có số sinh viên đông, hệ thống phòng học này được sử dụng liên tục trong năm với tần suất cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về dạy học và nghiên cứu [H9.09.01.11]. Phần lớn các trang thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Nhà trường nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập hiệu quả ở sinh viên [H9.09.01.12].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Quản trị kinh doanh. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Quản trị kinh doanh của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 63,6% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 27,5% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%)... [H9.09.01.13].

## **2. Điểm mạnh**

Giảng viên và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh được cung cấp đủ số phòng học, giảng đường lớn phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

Cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh được đáp ứng đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và thực hiện các đề tài, dự án; bên cạnh đó, các trang thiết bị được kịp thời sửa chữa, thay thế khi có yêu cầu.

## **3. Điểm tồn tại**

Sinh hoạt riêng bộ môn Quản trị kinh doanh (họp, semina,...) hiện tại sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2018, Khoa Kinh tế đề xuất với Nhà trường mở rộng phòng làm việc,

cung cấp đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn, seminar phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH cho ngành Quản trị kinh doanh; tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và ngành Quản trị kinh doanh nói riêng.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### **1. Mô tả**

Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh được thụ hưởng nguồn tư liệu, giáo trình, nguồn tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài từ Thư viện Trường. Thư viện Trường được thành lập năm 1959, hiện nay, Thư viện Trường có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào”. Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào được sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 29.000m<sup>2</sup> bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi [H9.09.02.01]. Thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác.

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm bàn ghế, tủ sách và hệ thống trang thiết bị máy móc như đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống chiếu, máy photocopy, máy tính, ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.02.02].

Thư viện trường cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học ngành Quản trị kinh doanh. Có thư viện điện tử kết nối Internet, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả. Tính đến tháng 8/2016, về tài liệu truyền thống, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào có khoảng 1230 sách, 129 loại báo và tạp chí, 455 luận án và luận văn và 121 giáo trình ngành Quản trị kinh doanh [H9.09.02.03]. Dựa trên yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [H9.09.02.04]. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành Quản trị kinh doanh [H9.09.02.05]. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý

bằng phần mềm quản lí thư viện (phần mềm Kipos) [H9.09.02.06] thay cho giải pháp sử dụng thư viện số ILIb [H9.09.02.07].

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh... Thư viện đã có hướng dẫn sử dụng thư viện, các qui định liên quan đến hoạt động của thư viện và thời gian sử dụng thư viện hai buổi mỗi ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật). Tháng 8/2016, Thư viện đã đưa vào sử dụng hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian. Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm TTTV đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Trung tâm TTTV đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ... Trong 5 năm 2011 - 8/2016, số lượt người học và giảng viên mượn tài liệu đạt 332.533 lượt, bình quân 73.896 lượt/năm, không tính lượt download tài liệu [H9.09.02.08].

Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành QTKD cho thấy giảng viên và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Có 90% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; 84% người học đánh giá mức độ phù hợp và rất phù hợp của việc tổ chức các phòng đọc, kho sách hiện tại của Thư viện...[H9.09.02.09].

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện của Trường hiện nay có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng nhu cầu cho người học và giảng viên ngành Quản trị kinh doanh. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

### **3. Điểm tồn tại**

Số đầu sách phục vụ hoạt động dạy và học của ngành Quản trị kinh doanh chưa đa dạng; các tài liệu cho các ngành mới mở còn hạn chế.

Giáo trình, tài liệu ngành Quản trị kinh doanh chưa đa dạng; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc truy cập và mua sách lý thuyết của ngành do các tác giả nước ngoài viết vẫn còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2018-2019, Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục đầu tư mua thêm sách chuyên ngành Quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu Chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.2: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

#### **1. Mô tả**

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ phòng học máy tính đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH cho ngành Quản trị kinh doanh. Hiện tại, Trường có 18 phòng học máy tính với tổng diện tích 3.531 m<sup>2</sup> [H9.09.03.01].

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu củangành Quản trị kinh doanh. Hệ thống phòng học được quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lí, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [H9.09.03.02]. Bên cạnh đó, các thiết bị của trung tâm thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của nhà trường. Giảng viên, người học ngành Quản trị kinh doanh cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học máy tính của Nhà trường [H9.09.03.03].

Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm [H9.09.03.04].

Kể từ năm học 2015-2016, để trang bị thêm các kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Nhà trường đã cho phép cán bộ và sinh viên khoa Kinh tế nói chung và ngành Quản trị kinh doanh nói riêng được khai thác Trung tâm đào tạo thực hành Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 tòa nhà điều hành

của trường. Hệ thống cơ sở vật chất hiện đại gồm: Khu vực lễ tân, Quầy làm việc cho giao dịch viên, các phòng: Kinh doanh, Kế toán, Hành chính - Nhân sự, Dịch vụ khách hàng, Thanh toán quốc tế, Chứng khoán. Tham gia thực hành, sinh viên sẽ được tác nghiệp trên Hệ thống ngân hàng lõi Core-Banking, Phần mềm thực hành chứng khoán Core-Securities, Phần mềm quản lý doanh nghiệp ERP và thực hiện trên hồ sơ thực tế.

Hàng năm, nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống cơ sở vật chất của Phòng thí nghiệm, thực hành và công tác phục vụ. Người học và các bên liên quan đều cho rằng Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, cập nhật. Sự phục vụ của kỹ thuật viên đảm bảo hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học [H9.09.03.05].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống phòng học máy tính đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh.

Trung tâm đào tạo thực hành: Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty môi giới đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc sử dụng phòng thực hành phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

Kỹ năng khai thác sử dụng các trang thiết bị thực hành của một số giảng viên và sinh viên chưa thành thạo.

Trung tâm đào tạo thực hành: Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty môi giới chưa được khai thác hiệu quả.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đẩy mạnh khai thác phòng thực hành phục vụ học tập, đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên ngành Quản trị kinh doanh.

Khoa Kinh tế xây dựng kế hoạch khai thác hiệu quả Trung tâm đào tạo thực hành: Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty môi giới...Ngành Tài chính Ngân hàng và Quản trị kinh doanh có kế hoạch và lịch trình khai thác hiệu quả Trung tâm này.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.3: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### **1. Mô tả**

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống eOffice, CMC, các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác [H9.09.04.01]. Hiện nay, Trường có 1046 bộ máy vi tính để bàn, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 716 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và điều hành là 330 bộ [H9.09.04.02]. Nhà trường trang bị máy tính xách tay cho đội ngũ cán bộ quản lý, trưởng bộ môn trong đó có trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh và 04 giảng viên ngành Quản trị kinh doanh có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H9.09.04.03]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và học tập của giảng viên và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ giảng viên ngành Quản trị kinh doanh được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H9.09.04.04].

Nhà trường đã và đang áp dụng Công nghệ thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học [H9.09.04.05].

Các hoạt động của Nhà trường, được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm CH, CMC, e-Office, được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của trường, hệ thống phần cứng và phần mềm được Nhà trường luôn được duy trì thường xuyên bằng việc thay thế, cập mới [H9.09.04.06].

Việc đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và

nghiên cứu, theo dõi phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin [H9.09.04.07]. Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được đầu tư và nâng cấp hàng năm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình đăng ký học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học có 68,6% người học cho rằng hệ thống công nghệ thông tin của trường đáp ứng khá tốt (mức độ đáp ứng trên 70%) việc đăng ký học [H9.09.04.08]

## **2. Điểm mạnh**

Nhìn chung, chất lượng hệ thống thông tin của nhà trường khá tốt, được đầu tư hiện đại, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của cán bộ và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh được tin học hóa, sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.

## **3. Điểm tồn tại**

Về phía giảng viên ngành Quản trị kinh doanh: còn một số giảng viên chưa chủ động trong việc khai thác nguồn lực công nghệ thông tin từ Trung tâm công nghệ thông tin của Trường.

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm, phần mềm CMC được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu của quản lý mới của Nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2014 - 2015, Nhà trường thực hiện phân luồng đăng ký học trực tuyến hợp lý theo khóa để giảm sự cố nghẽn mạng; tiếp tục yêu cầu nhà cung cấp phần mềm hoàn thiện phần mềm quản lý nhà trường.

Khoa có kế hoạch đề xuất Nhà trường yêu cầu Trung tâm công nghệ thông tin của Nhà trường tạo tài khoản cho mỗi giảng viên để có thể tự do cập nhật nguồn tài liệu.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.4: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.**

### **1. Mô tả**

Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường đã đưa ra

các quy định và tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan (có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật) [H9.09.05.01].

Nhà trường cũng ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn theo Nghị định của Thủ tướng chính phủ như quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác sinh viên tự quản; quy định công tác học sinh, sinh viên và học viên nội trú, ngoại trú...[H9.09.05.02]. Bên cạnh đó, Trường có tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp, triển khai công tác an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học và các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp [H9.09.05.03]. Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ [H9.09.05.04]; điều động sinh viên tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ [H9.09.05.05].

Nhà trường đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện. Nhà trường có kí túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định [H9.09.05.06]. Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động TDDT và văn hóa, văn nghệ... của người học. Bên cạnh đó, để phục vụ nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ và TDDT, Trường có 6 sân bóng chuyên, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 35.000 m<sup>2</sup>, 1 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học.

Cơ sở 2 của Trường tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tổng diện tích là: 142.972,4m<sup>2</sup>, hiện sử dụng làm nhà làm việc, giảng đường, nhà thí nghiệm, hội trường, nhà lưu trú của cán bộ giảng dạy khoa Nông Lâm Ngư và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng- An ninh Vinh, kí túc xá sinh viên.. [H9.09.05.07].

Về môi trường, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh, tạo không gian thoáng mát cho người học. Bên cạnh đó, nhà trường ký hợp đồng với Công ty vệ sinh



môi trường đảm bảo vệ sinh các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học. Nhà trường thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường đảm bảo vệ sinh cho giảng viên nói chung và giảng viên ngành Quản trị kinh doanh nói riêng. Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường [H9.09.05.08].

Trường có phòng Y tế riêng với diện tích mặt bằng là 505 m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng 360 m<sup>2</sup>, đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh nói riêng có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại phòng Y tế [H9.09.05.09]. Trạm Y tế thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.09.05.10].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được Ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm [H9.09.05.11]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng qui định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh Phòng Bảo vệ, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu, Đội Thanh niên xung kích. Đến đầu năm 2018, nhằm nâng cao hiệu quả, chuyên nghiệp hóa công tác an ninh trường học, Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty vệ sĩ để bảo đảm an toàn cho con người và tài sản Trường Đại học Vinh. Giảng viên, người học hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường. [H9.9.05.12].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

Trường có bộ phận Bảo vệ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

Trường có phòng Y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho giảng viên và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh.

### **3. Điểm tồn tại**

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai chưa lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Kí túc xá sinh viên của Nhà trường hiện chỉ đáp ứng được 10% số sinh viên học tập trung của Nhà trường trong đó có sinh viên ngành Quản trị kinh doanh.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng qui mô đào tạo và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và người học.

Nhà trường có kế hoạch xác định và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.5: Đạt (mức 5/7)**

#### **Kết luận:**

Nhìn chung, Nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa Kinh tế luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị, thư viện và các nguồn học liệu, phòng thực hành và các trang thiết bị thực hành, hệ thống công nghệ thông tin...Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường và Khoa luôn phù hợp và được cập nhật thường xuyên, bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn...nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và Khoa nói riêng.

### **Tự đánh giá Tiêu chuẩn 9: Đạt (mức 5/7)**

## **Tiêu chuẩn 10**

### **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG**

#### **Mở đầu**

Hiện nay, Nhà trường và ban chủ nhiệm khoa kinh tế rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan

**Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.**

#### **1. Mô tả**

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lí, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở cụ thể hóa chương trình khung của Bộ GD-ĐT. Trường đã huy động hầu hết các nhà khoa học, cán bộ quản lí đào tạo và các GV có kinh nghiệm tham gia xây dựng chương trình đào tạo theo qui trình, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình [H10.10.01.01].

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã triển khai xây dựng và áp dụng CTĐT ngành QTKD theo tiếp cận CDIO. Nhà trường đã ban hành Quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo theo định hướng tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và năng lực cho từng trình độ đào tạo cũng như đáp ứng được yêu cầu của người học về kiến thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Trường và nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó [H10.10.01.02]. Cũng từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã triển khai xây dựng và áp dụng CTĐT chất lượng cao ngành QTKD [H10.10.01.03]. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng CTĐT đã được nhà trường tổ chức thực hiện, giao Phòng Đào tạo làm đầu mối quản lý [H10.10.01.04]. Chương trình đào tạo ngành QTKD đã nhận được ý kiến phản hồi của

30 nhà tuyển dụng, 10 chuyên gia giáo dục tại các trường đại học khối kinh tế trên cả nước. Ý kiến của các bên liên quan là căn cứ quan trọng trong việc xây dựng chuẩn đầu ra, khung CTĐT đối với ngành đào tạo QTKD [H10.10.01.05].

Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTĐT được thực hiện định kỳ có tham khảo ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu SV. Trong giai đoạn 2013 - 2017, CTĐT ngành Quản trị kinh doanh đã được điều chỉnh 3 lần (năm 2013, 2016, 2017). Lần điều chỉnh năm 2013 theo hướng nâng cao tỷ lệ thực hành, thí nghiệm, thực tập rèn nghề cho sinh viên bằng việc đưa 2 học phần Kỹ năng làm học phần thay thế tốt nghiệp được thực hiện từ khóa đào tạo 52. Lần điều chỉnh năm 2016 theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần bằng việc xây dựng các học phần chung giữa các ngành được thực hiện từ khóa đào tạo 57. Lần điều chỉnh năm 2017 theo hướng đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội bằng việc xây dựng Khung chương trình đào tạo tiếp cận CDIO được thực hiện từ khóa đào tạo 58 [H10.10.01.06].

Hàng năm, thông qua việc tổ chức thực tập thực tế cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, các phản hồi của sinh viên trong quá trình thực hành, thực tập rèn nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTĐT là các tư liệu quý để nhà trường chỉ đạo các khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTĐT [H10.10.01.07].

Đối với sinh viên đang học, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đang học tập tại khoa về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTĐT định kỳ. Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến người học nói riêng, các bên liên quan đến quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết sinh viên (trên 90%) được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của giảng viên. Hầu hết sinh viên hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [H10.10.01.08].

Bên cạnh đó, hàng năm Khoa tổ chức hội nghị học tốt cho sinh viên và mời các chuyên gia từ các doanh nghiệp báo cáo chuyên đề. Từ các hội nghị này Khoa đã nhận được nhiều ý kiến về yêu cầu thực tiễn trong công tác tuyển dụng sinh viên sau tốt nghiệp [H10.10.01.09].

Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh và làm căn cứ phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.01.10].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm.

Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

Việc xây dựng mạng lưới doanh nghiệp liên kết và có các văn bản ký kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong công tác đào tạo chưa được thực hiện.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018-2019, Khoa tiến hành xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp liên kết để có hợp tác chặt chẽ hơn trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT. Lập các bản ghi nhớ với các doanh nghiệp về việc phản hồi đối với chất lượng đào tạo của chương trình.

Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.

Định kỳ theo kế hoạch sẽ tiến hành đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 10.1: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 10.2: *Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.***

### **1. Mô tả**

Chương trình dạy học trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu

thực tiễn của xã hội. CTĐT được thiết lập căn cứ vào Chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh, trường Đại học Vinh và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường [H10.10.02.01]. Từ năm 2012, việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành Quản trị kinh doanh được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến theo từng khóa học, cụ thể vào các năm 2014, 2015, 2016, 2017 để phù hợp với nhu cầu thực tiễn. CTĐT của khóa học 53 (tuyển sinh năm 2013) áp dụng theo QĐ 2224/QĐ-ĐHV năm 2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh; khóa học 54, 55 áp dụng theo quyết định 3242/QĐ-ĐHV năm 2014; khóa học 56 áp dụng theo quyết định 3357/QĐ-ĐHV năm 2015; khóa học 57 áp dụng theo quyết định 1002/QĐ-ĐHV năm 2016; khóa học 58 áp dụng theo quyết định 747/QĐ-ĐHV năm 2017. Kể từ năm 2018, học phần thực tập tốt nghiệp của CTĐT ngành QTKD (khóa 55, 56, 57) được điều chỉnh, cải tiến tổ chức kết hợp hai hình thức là thực tập tại các cơ sở và học kỹ năng mềm [H10.10.02.02].

Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Khoa Kinh tế kết hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng, phòng Đào tạo tiến hành đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra trong việc biên soạn đề cương các học phần, bài giảng và giáo trình nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT của các khóa. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của giảng viên về chất lượng CTĐT để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.03].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Hội đồng khoa học và đào tạo khoa Kinh tế thành lập nhóm chuyên gia về điều chỉnh CTĐT. Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTĐT của trường Đại học Vinh, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, nhóm chuyên gia đề xuất cải tiến chương trình đào tạo, sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo khoa Kinh tế đã thảo luận và thống nhất [H10.10.02.04]. Các nội dung cải tiến trong CTĐT dự thảo được gửi đến giảng viên, các nghiên cứu viên, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi Hội đồng khoa học thẩm định [H10.10.02.05]. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của

Hội đồng khoa học của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản đề trường Đại học Vinh thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTĐT ngành QTKD áp dụng cho từng khóa học.

Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, Nhà trường và Khoa thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, CTDH; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, khoa Kinh tế và Bộ môn QTKD đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTĐT, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.02.06].

Ngoài ra, trong các buổi Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm trao đổi chuyên môn, học thuật của khoa Kinh tế, các ý kiến của các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được ngành QTKD quan tâm đưa vào thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Việc điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT có sự đối chiếu, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài [H10.10.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số học phần vẫn còn nặng về kiến thức lý thuyết, thiếu thực hành;

Một số môn học chưa biên soạn giáo trình kịp thời để đáp ứng nhu cầu của người học. Hệ thống giáo trình, học liệu tham khảo sử dụng chủ yếu của các trường đại học trong nước;

Nhà trường và Khoa chưa ban hành quy định cụ thể về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy. Việc cải tiến CTĐT được căn cứ theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường và đề xuất của hội đồng khoa học Khoa.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Khoa sẽ chỉ đạo các Bộ môn và đề xuất với Nhà trường xuất bản các giáo trình phục vụ nhu cầu của người học từ năm học 2018 - 2019;

Hàng năm, Khoa lập danh mục học liệu, đề nghị Nhà trường mua thêm các giáo trình của một số trường đại học, xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học;

Định kỳ, khoa Kinh tế tiến hành rà soát, điều chỉnh việc phân bổ hợp lý thời lượng lý thuyết/Thực hành ở các học phần trong CTĐT.

Từ năm 2019, khoa đề nghị Nhà trường ban hành văn bản về quy trình thống nhất trong thiết kế và phát triển chương trình dạy học, tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá về quy trình này.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 10.2: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 10.3: *Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

### **1. Mô tả**

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện rất rõ trong các kế hoạch của năm học như kế hoạch dự giờ thăm lớp, kế hoạch giám sát kiểm tra... mà Khoa, và giảng viên phải thực hiện.

Hàng năm, Nhà trường đều đề ra kế hoạch rà soát đề cương chi tiết môn học và thanh tra bài giảng của giảng viên [H10.10.03.01]. Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Đào tạo và các Khoa đào tạo trong trường tổ chức các hội thảo, seminar trao đổi về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Công tác chính trị Học sinh sinh viên của Nhà trường đều phối hợp cùng Khoa Kinh tế tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được sinh viên đánh giá cao. [H10.10.03.02].

Mỗi học kỳ, Khoa Kinh tế thường tổ chức các cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa, Trưởng Bộ môn, Quản lý học sinh sinh viên, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của sinh viên cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá. Bộ môn Quản trị kinh doanh đã tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới và thường xuyên dự giờ các học phần khác nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H10.10.03.03].



Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 70%. Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay đổi, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần và hồ sơ học phần) chiếm tỷ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có quy định về trọng số điểm. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Một số học phần được tổ chức thi đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ theo hình thức Test online. Về quy trình chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp: (1) Trợ lý đào tạo của Khoa thu báo cáo thực tập tốt nghiệp của sinh viên, đồng thời yêu cầu nộp nhận xét của đơn vị thực tập về sinh viên thực tập; (2) Khoa và Bộ môn phân công cán bộ chấm thi 1 là giáo viên hướng dẫn và 1 cán bộ nữa là giáo viên chấm thi 2; (3) Cán bộ chấm rà soát và tổng hợp điểm của các báo cáo thực tập; (4) Bộ phận văn phòng vào điểm và công bố điểm cho sinh viên; (5) Phòng thanh tra và các bộ phận liên quan sẽ rà soát và kiểm tra xác suất việc cho điểm cũng như quá trình vào điểm của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên [H10.10.03.04].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: trước khi kết thúc học kỳ, TT ĐBCL gửi đến Khoa danh sách và lịch các học phần cần ngân hàng đề thi mới và rà soát ngân hàng đề thi cũ (các môn tự luận), trong thời gian quy định, các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi đã rà soát cho Trưởng Bộ môn, sau đó, TT ĐBCL tổ chức thi cho SV. Nội dung ngân hàng đề thi được giảng viên rà soát và đánh giá thường

xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa các kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Lịch thi đã được thông báo cho giảng viên ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu, vì vậy, theo lịch đó, giảng viên dạy bắt buộc phải nộp điểm chuyên cần, giữa kỳ cho bộ phận văn phòng vào điểm.

Từ khóa đào tạo 58, thực hiện chủ trương xây dựng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO của nhà trường, Khoa Kinh tế đã thực hiện các đề tài khoa học về đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của các học phần thuộc ngành Quản trị kinh doanh. Hiện nay, đã có 13 học phần thuộc khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh hoàn thành toàn bộ; việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra đánh giá bám sát mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra cần đạt được.

Năm 2018 tiến hành thực hiện việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu cần đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra đánh giá bám sát mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra cần đạt được cho 23 học phần còn lại của khung chương trình dự kiến sẽ nghiệm thu vào tháng 12/2018.

Việc xây dựng cách thức kiểm tra đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra. Các học phần đều được quy định về phân nhiệm (PLO) chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, và xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và chương trình đào tạo.

Cụ thể học phần Marketing căn bản đã xây dựng đề cương chi tiết có kèm theo các hình thức đánh giá, xây dựng bản đặc tả ma trận bám sát các mục tiêu học phần. Chuẩn đầu ra chương trình ngành Quản trị kinh doanh phân nhiệm cho học phần Marketing căn bản được thể hiện trong ma trận đề thi học phần. Cách thức đánh giá bám sát theo các mục tiêu của thang đo Bloom được phân nhiệm trong học phần. Đối với kiểm tra đánh giá giữa kỳ thực hiện việc đánh giá theo trắc nghiệm khách quan mới 3 mức của thang đo Bloom (Biết(Nhớ); Hiểu; Vận dụng), đánh giá cuối kỳ thực hiện cả 5 mức của thang đo Bloom( Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo). Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát chuẩn đầu ra của học phần [H10.10.03.05].

## **2. Điểm mạnh**

Quá trình dạy học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản, chất lượng ngày càng cao. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Đại học Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

Khoa Kinh tế chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; Bộ môn Quản trị kinh doanh đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Việc thực hiện rà soát/đánh giá, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra đã được thực hiện ở một số học phần chung và cơ sở ngành như Nhập môn ngành kinh tế, lịch sử các học thuyết kinh tế, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Kinh tế quốc tế, Lập dự án đầu tư, Marketing căn bản; các học phần còn lại của khối ngành Quản trị kinh doanh đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Đã sử dụng phần mềm chuyên dụng trong việc xử lý các câu hỏi kiểm tra/thi cũng như rà soát việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu .

## **3. Điểm tồn tại**

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến từ người học, đồng nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học.

Việc rà soát việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu mới chỉ thực hiện ở hệ sau đại học đối với luận văn thạc sỹ chứ chưa được thực hiện ở tất cả các học phần của hệ đại học.

Chưa thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Khoa và Bộ môn sẽ đề xuất với Nhà trường thực hiện việc rà soát trích dẫn tài liệu trong các bài thi, tiểu luận của sinh viên từ học kỳ II năm học (2018 - 2019).

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến từ người học, đồng nghiệp sẽ được xây dựng kế hoạch thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học bắt đầu từ năm học (2019 - 2020).

Xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra vào năm học (2019 - 2020).

### 5. Tự đánh giá tiêu chí 10.3: Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.**

#### 1. Mô tả

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa, của Trường. Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành nhiều. Số lượng và các loại nghiên cứu của giảng viên trong 5 năm học vừa qua [H10.10.04.01] thống kê cụ thể như sau:

**Bảng 10.1. Các công trình khoa học đã công bố của Khoa Kinh tế từ 2013 - 2018**

Năm học	Đề tài các cấp		Bài báo		Sách	
	Cấp trường	Cấp Bộ	Trong nước	Nước ngoài	Giáo trình	Tham khảo
2013-2014	3	-	66	3	2	1
2014-2015	6	-	77	1	3	-
2015-2016	6	1	100	4	-	2
2016-2017	13	1	47	2	3	-
2017-2018	4	1	58	9	-	-

Nguồn: Khoa Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động giảng dạy tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm ví dụ minh họa cho sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu. [H10.10.04.02].

**Bảng 10.2 Một số đề tài được ứng dụng  
trong hoạt động giảng dạy, học tập**

TT	Tên đề tài	Năm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về du lịch biển tại Thị xã Cửa Lò Nghệ An	2013	Quản lý nhà nước về kinh tế
2	Nâng cao vai trò quản lý Nhà nước đối với hoạt động tự tạo việc làm của lao động nông thôn Nghệ An	2014	Quản lý Nhân lực
3	Nghiên cứu Marketing lãnh thổ với việc thu hút đầu tư phát triển ở tỉnh Nghệ An	2015	Marketing căn bản
4	Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần quản trị chất lượng cho sinh viên ngành QTKD khoa kinh tế Đại học Vinh	2016	Quản trị chất lượng
5	Xây dựng chương trình đào tạo ngành QTKD theo cách tiếp cận CDIO	2016	Xây dựng khung chương trình đào tạo theo CDIO
6	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần marketing căn bản tiếp cận CDIO	2017	Marketing căn bản theo chuẩn đầu ra CDIO

*Nguồn: Khoa Kinh tế - Trường Đại học Vinh*

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học) [H10.10.04.03].

Hàng năm, nhà trường thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên [H10.10.04.04] để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký. Nội dung các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo như: khả năng khởi nghiệp, Marketing bán hàng, quản lý doanh nghiệp, lập dự án cho doanh nghiệp, để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở

các tiểu ban do Hội đồng khoa học và đào tạo khoa đề xuất. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong hội nghị NCKH SV. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH SV, nhà trường xuất bản kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải tại các tiểu ban. Công tác NCKH của SV tiếp tục phát triển, số lượng đề tài tăng nhanh, chất lượng các đề tài tốt và tương đối đồng đều, số sinh viên tham gia ngày càng nhiều. Các đề tài của khoa Kinh tế trong năm năm gần đây đều đạt giải Nhất, Nhì trong hội nghị NCKH SV toàn trường. Có đề tài đạt giải trong cuộc thi Khởi nghiệp do Tỉnh Đoàn Nghệ An tổ chức [H10.10.04.05].

Trong hội nghị Khoa học công nghệ đã khẳng định tính tích cực của hoạt động NCKH đối với GV và SV cũng như sự đóng góp của nó vào việc dạy và học làm động lực để thúc đẩy hơn nữa chất lượng và hiệu quả NCKH. Kết quả khảo sát người học và giảng viên vào tháng 3/2018 cho thấy rằng NCKH đã tạo động lực cho sinh viên nâng cao chất lượng học tập và có ích cho công việc của người học khi tốt nghiệp.

## **2. Điểm mạnh**

GV, SV tham gia tích cực trong NCKH và vận dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học, có sự hỗ trợ tích cực từ phía nhà trường.

Đội ngũ giảng viên tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và kết quả của nhiều đề tài đã gắn kết với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp giảng viên có nhiều ví dụ vận dụng vào bài giảng để sinh viên dễ hiểu và nắm bắt kiến thức.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài. Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh còn ít.

Chính vì vậy, sự đóng góp của NCKH cho hoạt động dạy và học còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm tiếp theo, khoa sẽ hình thành các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo, gắn nghiên cứu khoa học vào thực tiễn và hình thành các nhóm tư vấn phát triển doanh nghiệp trong khu vực.

Khuyến khích và tạo động lực để giảng viên tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có chất lượng, bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISI, SCI và Scopus. Khuyến khích giảng viên tham gia các hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh trong và ngoài nước.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 10.4: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 10.5: *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

### **1. Mô tả**

Nhìn chung các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho ngành Quản trị kinh doanh đã được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú có ý nghĩa thiết thực; định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu người học, phù hợp với thực tiễn của xã hội.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho sinh viên được tương tác thuận lợi với các chủ thể trong và ngoài trường, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho người học là Trung tâm DV, HTSV & QHDN, Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo [H10.10.05.01]. Bên cạnh việc đẩy mạnh, tăng cường và đa dạng hóa việc tổ chức các chương trình, hoạt động hỗ trợ sinh viên nêu trên, Nhà trường cũng tiến hành đánh giá về những kết quả, ưu điểm, tồn tại, hạn chế [H10.10.05.02]. Trên cơ sở đó đã tiến hành điều chỉnh và tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ cho người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung, đáp ứng yêu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với các ngành đào tạo chất lượng cao, trong đó có ngành Quản trị kinh doanh. Các chương trình hỗ trợ sinh viên ngày càng đa dạng và phong phú [H10.10.05.03].

Định kỳ, vào cuối học kỳ của năm học, Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Công tác chính trị HSSV và Khoa kinh tế đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đang học tập tại khoa về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [H10.10.05.04]. Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh. Nhà trường đã xây dựng quy trình lấy ý kiến người học theo hình thức phiếu bằng giấy và hình thức trực tuyến. Nhìn chung, sinh viên có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất, các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích phục vụ cho việc học, nghiên cứu [H10.10.05.05]. Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường, khoa Kinh tế và Bộ môn QTKD đã đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến nâng cao

chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu người học [H10.10.05.06]

Bên cạnh đó, định kỳ hàng năm, Bộ môn quản trị kinh doanh, khoa Kinh tế và nhà trường đều tổ chức hội nghị dân chủ sinh viên đến từng lớp, tổ chức chương trình đối thoại giữa Hiệu trưởng với người học nói chung, sinh viên từng ngành đào tạo nói riêng nhằm quan tâm, lắng nghe và có giải quyết những ý kiến chính đáng của sinh viên, từ đó, tiếp thu và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp trong công tác quản lý nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.05.07]

Về phía thư viện, từ năm học 2012 - 2013, Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào đã phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc Thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. Kết quả thăm dò lấy ý kiến cho thấy, giảng viên và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của Thư viện [H10.10.05.08]. Tính đến tháng 8/2016, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào có khoảng 1.230 sách dành cho ngành Quản trị kinh doanh, 129 loại báo và tạp chí, 455 luận án và luận văn và 121 giáo trình ngành Quản trị kinh doanh. Hàng năm, thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ giảng viên và sinh viên [H10.10.05.09].

Về công nghệ thông tin đã được Nhà trường chú trọng trong mọi hoạt động. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin [H10.10.05.10].

Về phía Khoa, Ban chủ nhiệm khoa đã cùng bộ môn quản trị kinh doanh phân công giáo viên chủ nhiệm quản lý lớp, hàng tháng giáo viên chủ nhiệm tham dự các phiên họp của lớp để nắm bắt tình hình để có thể hỗ trợ tốt nhất đến người học. Bên cạnh đó, Khoa đã bố trí một cố vấn học tập phụ trách ngành Quản trị kinh doanh. Để phát huy vai trò của Cố vấn học tập, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở cố vấn học tập duy trì đều đặn lịch làm việc với sinh viên 2 lần/1 tuần [H10.10.05.11].



## **2. Điểm mạnh**

- Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của trường Đại học Vinh;

- Các kênh phản hồi thông tin đa dạng;

- Đã có nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực dành cho sinh viên;

## **3. Điểm tồn tại**

- Các phản hồi của người học về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được cải tiến kịp thời do phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 -2019 khoa và Nhà trường:

- Rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học;

- Về tư liệu: Nhà trường đầu tư mua thêm sách chuyên ngành Quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận CDIO.

- Khoa xây dựng kế hoạch kết nối mạng lưới doanh nghiệp phù hợp với ngành QTKD.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 10.5: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.**

### **1. Mô tả**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình dạy học, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của người học ngành QTKD được thực hiện mang tính hệ thống. Phòng công tác CT HSSV là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển chương trình dạy học và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.01]. Trường Đại học Vinh đã xây dựng quy trình, ban hành quy định về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trên cơ sở đó lập kế hoạch

khảo sát và hướng dẫn các bộ phận trong việc triển khai khảo sát. Nhà trường thực hiện việc khảo sát trực tuyến (dựa trên sự tích hợp ở phần mềm quản lý đào tạo CMC) thông qua gửi đường link cho các bên liên quan. Ngoài ra việc khảo sát được thực hiện bằng việc gửi phiếu điều tra (bản cứng) cho các đối tượng liên quan [H10.10.06.02]. Trên cơ sở kế hoạch khảo sát, Nhà trường thông báo tới các đơn vị liên quan và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H10.10.06.03]. Năm 2016, Khoa cũng đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong việc phát triển chương trình đào tạo ngành QTKD theo hướng tiếp cận CDIO. Bằng phương pháp phát phiếu điều tra gửi đến 50 đối tượng bao gồm sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà khoa học và nhà tuyển dụng, thông tin thu thập là cơ sở để ngành QTKD cải tiến và phát triển chuẩn đầu ra, CTĐT [H10.10.06.04].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức thực tập thực tế cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Bộ môn lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động thực tập và tổ chức kiểm tra thực tế của sinh viên tại các cơ sở. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.06.05].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến định kỳ. Hàng năm, phòng CT CTHSSV tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập [H10.10.06.06]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, các đơn vị đầu mối (phòng CT CTHSSV, khoa Kinh tế) gửi kết quả khảo sát cho Bộ môn, cho giảng viên giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học [H10.10.06.07]. Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, ngành QTKD phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển chương trình dạy học [H10.10.06.08].

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống;

Cơ chế phản hồi được đánh giá, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển chương trình dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội.

### **3. Điểm tồn tại**

Kết quả phản hồi từ các bên liên quan chưa thực sự khách quan.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Kể từ năm học 2018-2019, Khoa sẽ phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng các biện pháp nhằm tăng cường tính khách quan, liên tục của thông tin thu thập từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Hàng năm, Khoa sẽ tổ chức Hội nghị trao đổi với nhà tuyển dụng, nhà khoa học, giảng viên và cựu sinh viên nhằm thu thập thông tin phản hồi, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình dạy học.

### **5. Tự đánh giá tiêu chí 10.6: Đạt (mức 4/7)**

#### **Kết luận**

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành QTKD đã được Nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa Kinh tế thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào Chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh, trường Đại học Vinh và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, chuyên gia giáo dục tại các trường đại học khối kinh tế là căn cứ để Nhà trường tiến hành điều chỉnh lại CTĐT; thường xuyên ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo chuẩn đầu ra. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của sinh viên đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

### **Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: Đạt (mức 4.3/7)**

## **Tiêu chuẩn 11**

### **KẾT QUẢ ĐẦU RA**

#### **Mở đầu**

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định một cách rõ ràng, thể hiện được sự cam kết với người học, xã hội và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. CĐR của ngành QTKD được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động và được đánh giá bởi các bên liên quan. Ngành QTKD có bộ phận giám sát việc đạt chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học. Sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục, chương trình dạy học, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Hệ thống đảm bảo chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng được đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

***Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### **1. Mô tả**

Phòng Công tác CT HSSV và đội ngũ Quản lý sinh viên chịu trách nhiệm quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của người học. Hàng năm tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành QTKD được xác lập và giám sát chặt chẽ [H11.11.01].

Nhà trường và Khoa Kinh tế luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo và trợ lý QLSV, có sự phối hợp giữa Khoa và các đơn vị chuyên trách để thực hiện việc giám sát. Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trưởng bộ môn vào đầu các kỳ học để nắm được tình hình học tập của sinh viên [H11.11.01.02].

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên thôi học được quản lý trên phần mềm quản lý đào tạo CMC [H11.11.01.03]. Cơ sở dữ liệu tập trung về quản lý đào tạo của phần mềm giúp Nhà trường và Khoa thực hiện thống kê, xác lập, phân tích và kiểm soát tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học theo từng khóa học, từng năm học.

**Bảng 11.1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2013 - 2018**  
**ngành Quản trị kinh doanh**

TT	Khóa (niên khóa)	SL SV Nhập học	SL SV Tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Trong đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp			
					Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6
1	K51 (2010- 2014)	189	164	86,77%	0	76,72%	5,29%	4,76%
2	K52 (2011- 2015)	197	167	84,77%	0	69,04%	11,17%	4,57%
3	K53 (2012- 2016)	154	134	87,01%	0	77,27%	9,74%	0
4	K54 (2013- 2017)	224	163	72,77%	0	67,41%	5,36%	0
5	K55 (2014- 2018)	171	103	60,23%	0,58%	59,65%	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>935</b>	<b>731</b>	<b>78,18%</b>	<b>0,58%</b>	<b>70,02%</b>	<b>7,89%</b>	<b>4,67%</b>

*Nguồn: Phòng đào tạo - Đại học Vinh*

Bảng 11.1 cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp toàn khóa của ngành QTKD tính đến hết thời gian học tối đa (6 năm) đạt khoảng 78,2% (các khóa 54, 55 mới bước sang năm thứ 5, thứ 6). Trong giai đoạn 2013 - 2018, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) các khóa đạt bình quân khoảng 70,6% [H11.11.01.04].

**Bảng 11.2. Tỷ lệ thôi học ngành Quản trị kinh doanh**

TT	Năm tuyển sinh (khóa đào tạo)	SL SV Nhập học	SL SV Thôi học	Tỷ lệ thôi học (%)	Trong đó, tỷ lệ thôi học				
					Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Sau năm thứ 4
1	2013 (Khóa 54)	224	39	<b>17.41%</b>	2.2%	6.7%	5.4%	0.9%	2.2%
2	2014 (Khóa 55)	171	31	<b>18.13%</b>	5.3%	7.6%	4.7%	0.6%	
3	2015 (Khóa 56)	201	41	<b>20.40%</b>	9.0%	10.9%	0.5%		
4	2016 (Khóa 57)	105	5	<b>4.76%</b>	1.0%	3.8%			
5	2017 (Khóa 58)	159	14	<b>8.81%</b>	8.2%	0.6%			
	<b>Cộng</b>	<b>860</b>	<b>130</b>	<b>15.12%</b>					

*Nguồn: Phòng CT CT HSSV - Đại học Vinh*

Tỷ lệ thôi học ngành QTKD giai đoạn 2013 - 2018 bình quân khoảng 15,1%. Khoa cũng đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp để có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên cũng như ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực [H11.11.01.05]. Nguyên nhân bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu...

Hiện nay, Khoa chưa đưa vào kế hoạch đào tạo những phân tích về tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học, dự đoán về xu thế tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học của sinh viên ngành QTKD để có những giải pháp ứng xử với những biến động về tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học. Cũng như chưa thực hiện việc đối sánh của chương trình năm trước với năm sau, đối sánh với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Quản lý sinh viên của Khoa là đầu mối thông tin về tình trạng sinh viên, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Quản lý sinh viên thực hiện báo cáo tình trạng của người học cho Khoa và Nhà trường hàng tháng, vì vậy đảm bảo chính xác số liệu, trạng thái người học [H11.11.01.06].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa đều có bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ thôi học/tốt nghiệp của sinh viên, các văn bản thực hiện và các công cụ giám sát được chú trọng.

Sinh viên tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên trong quá trình đào tạo.

## **3. Điểm tồn tại**

Nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp hàng năm chưa được phân tích triệt để.

Ngành QTKD chưa có những đối sánh với chương trình đào tạo năm nay và năm trước, các ngành khác trong Trường và các trường đại học trong nước khác về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học cũng như chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2019, Nhà trường ban hành Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn cho người học sau khi thôi học;

Từ năm 2019, đưa vào kế hoạch đào tạo những phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học, kết quả học tập và rèn luyện của người học.

Từ năm 2019 thực hiện đối sánh với chương trình đào tạo các năm, các ngành khác trong trường và ngành QTKD của các trường đại học trong nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và kế hoạch cải tiến trong các năm tiếp theo;

Tăng cường giám sát của bộ phận chuyên trách và các công cụ giám sát, cập nhật phần mềm hệ thống quản lý của Nhà trường.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 11.1: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

**1. Mô tả**

Ngành Quản trị kinh doanh đào tạo theo hệ thống tín chỉ vì vậy thời gian học tập trung bình của người học học là 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.02.01]. Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của sinh viên chính quy toàn trường cũng như ngành QTKD nói riêng [H11.11.02.02]. Bộ phận giáo vụ của Khoa phối hợp cùng với phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trong việc thống kê, quản lý sinh viên tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Khoa đã thực hiện việc xác lập và giám sát thời gian tốt nghiệp của người học.

Hằng năm, Nhà trường đều có những phân tích đánh giá thông qua các hội nghị tổng kết để rà soát, hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn và có những kế hoạch cải tiến khắc phục hỗ trợ người học kịp thời [H11.11.02.04]. Mỗi học kỳ Khoa và Nhà trường đã kịp thời cảnh báo, gửi email thông báo tới những sinh viên bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để sinh viên nắm thông tin và hoàn thành chương trình học đúng thời hạn [H11.11.02.05].

**Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh giai đoạn 2013 - 2018**

TT	Khóa (niên khóa)	SL SV Nhập học	SL SV Tốt nghiệp	TG TN trung bình (năm)	Trong đó, SLSV tốt nghiệp			
					Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6
1	Khóa 51 (2010- 2014)	189	164	<b>4,171</b>	0	145	10	9
2	Khóa 52 (2011- 2015)	197	167	<b>4,240</b>	0	136	22	9
3	Khóa 53 (2012- 2016)	154	134	<b>4,112</b>	0	119	15	0
4	Khóa 54 (2013- 2017)	224	163	<b>4,074</b>	0	151	12	0
5	Khóa 55 (2014- 2018)	171	103	<b>3,990</b>	1	102	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>935</b>	<b>731</b>	<b>4,129</b>	<b>1</b>	<b>653</b>	<b>59</b>	<b>18</b>

Nguồn: Phòng đào tạo - Đại học Vinh

Trong đó, thời gian tốt nghiệp trung bình được tính theo công thức:

$$\text{Thời gian tốt nghiệp trung bình} = \frac{\sum (\text{SL sinh viên tốt nghiệp năm thứ } i \times \text{số năm đào tạo})}{\text{Tổng số sinh viên tốt nghiệp toàn khóa}}$$

Theo số liệu bảng 11.3, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành QTKD trường Đại học Vinh có xu hướng tăng lên qua các năm đào tạo. Khoa và Nhà trường cũng đã phân tích các nguyên nhân để kiểm soát và thực hiện các biện pháp nhằm giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn.

## **2. Điểm mạnh**

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập và giám sát. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học được triển khai đồng bộ, kịp thời. Có các hoạt động tổng kết, đánh giá hỗ trợ người học giúp sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp;

Khoa chưa thực sự kiểm soát được thời gian tốt nghiệp trung bình, chưa phân tích triệt để nguyên nhân để cải tiến thời gian tốt nghiệp trung bình.

Ngành Quản trị Kinh doanh chưa thực hiện những đối sánh của chính CTĐT qua các năm và với các CTĐT trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018-2019, Nhà trường giao cho phòng CTCT-HSSV Ban hành Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp;

Từ năm 2019, Khoa thực hiện các biện pháp để cải tiến thời gian tốt nghiệp trung bình của người học;

Năm học 2018-2019 giao TT QHND&HTSV thực hiện các đối sánh trong nước về tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp và báo cáo định kỳ. Khoa Kinh tế thực hiện phân tích nguyên nhân, đối sánh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 11.2: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 11.3: *Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Mô tả**

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, Trường Đại học Vinh đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Trường Đại học Vinh với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ sinh viên



tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, cũng như việc ứng dụng phần mềm trong việc khảo sát và quản lý kết quả khảo sát [H11.11.03.02]. Việc khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp, đơn vị đã được triển khai để từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội [H11.11.03.03].

**Bảng 11.4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh**

Năm tốt nghiệp	Số lượng SV được Khảo sát	Số lượng SVTN có việc làm	Tỷ lệ (%)	Khu vực làm việc			
				Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh	Tự tạo việc làm
2015	161	121	75,1%	28,8%	60,2%	1,7%	9,3%
2016	160	116	72,5%	40,7%	43,4%	6,2%	9,7%

*Nguồn: Trung tâm QHDN&HTSV - trường Đại học Vinh*

Kết quả khảo sát có thể thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD trường Đại học Vinh có việc làm là khá cao, chủ yếu làm việc trong khu vực Nhà nước và tư nhân. Trong đó sinh viên có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo với tỷ lệ bình quân 68,2%, Đa phần sinh viên được khảo sát đều hài lòng về công việc và thu nhập (86,7%) [H11.11.03.04].

Hàng năm, Trường cùng với các doanh nghiệp tổ chức các hội chợ việc làm [H11.11.03.04], tổ chức các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập tại doanh nghiệp/đơn vị liên kết [H11.11.03.05], phối hợp thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm [H11.11.03.06].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học.

Phần lớn sinh viên sau khi tốt nghiệp được làm đúng ngành nghề, làm tốt công việc được giao và hài lòng về mức thu nhập.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc khảo sát nhu cầu của thị trường và khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp đang ở diện hẹp; công tác tư vấn việc làm cho người học đang còn hạn chế.

Nhà trường và Khoa chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ người học người tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong cả nước.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2018-2019, Khoa tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp ở diện rộng và khảo sát vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp;

Từ năm 2019, Khoa và Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học;

Từ năm 2019, Thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong nước.

### **5. Tự đánh giá tiêu chí 11.3: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### **1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh có bộ phận chuyên trách quản lý khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế tham mưu cho Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển KHCN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [H11.11.04.01], [H11.11.04.02].

Hoạt động NCKH của sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và khoa Kinh tế [H11.11.04.03]. Ngành Quản trị kinh doanh có đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học có học hàm, học vị với chuyên môn vững vàng, tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu khoa học [H11.11.04.04].

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh được Khoa và Nhà trường quan tâm chú trọng, tỉ lệ sinh viên nghiên cứu khoa học cao thể hiện ở bảng sau đây:

**Bảng 11.5. Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH và Hoạt động khởi nghiệp**

Chỉ tiêu	Năm học				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
Số lượng (người)	4	5	8	5	10
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	4,2%	3,2%	5,0%	3,8%	6,6%

*Nguồn: Khoa Kinh tế - Đại học Vinh*

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành QTKD bao gồm các bài báo khoa học, các đề tài NCKH được nghiệm thu và các dự án khởi nghiệp. Hàng năm, Khoa giao cho các bộ môn triển khai công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên, tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH cấp khoa, lựa chọn những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường, các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành QTKD được Nhà trường đánh giá cao và có giải thưởng [H11.11.04.05].

**Bảng 11.6. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên**

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2012	2013	2014	2015	2016
		2013	2014	2015	2016	2017
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	1	2	2
2	Số bài báo, công trình được công bố	0	0	0	2	2

*Nguồn: Khoa Kinh tế - Đại học Vinh*

## 2. Điểm mạnh

Hoạt động sinh viên NCKH, hoạt động khởi nghiệp được Khoa quan tâm chú trọng nên tỷ lệ sinh viên nghiên cứu khoa học tương đối cao.

Khoa và ngành QTKD đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

## 3. Điểm tồn tại

Khoa và ngành QTKD chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên với các ngành khác trong trường và các trường đại học trong nước;

Nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2019, Khoa và phòng KH&HTQT thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên giữa các ngành học và với các trường đại học trong nước;

Năm 2019 trở đi, Tăng kinh phí dành cho NCKH của sinh viên, nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học cho người học, phát triển các hoạt động Khởi nghiệp.

#### **5. Tự đánh giá tiêu chí 11.4: Đạt (mức 4/7)**

**Tiêu chí 11.5: *Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

##### **1. Mô tả**

Nhiều năm qua Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về điều kiện cơ sở, vật chất và các hoạt động của Nhà trường [H11.11.05.01]. Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các công cụ điều tra tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan cả khảo sát trực tuyến và phát phiếu điều tra. Nhà trường và Khoa đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và các hoạt động cải tiến chất lượng khác từ đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh và nâng cao chất lượng chương trình dạy học [H11.11.05.02].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và sinh viên, đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn thể sinh viên, góp phần khai thông thông tin, giúp khoa và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường [H11.11.05.03].

Trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động để từ đó định hướng, giới thiệu việc làm cho sinh viên; điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động [H11.11.05.04].

Năm 2017, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của các bên liên quan về dịch vụ giáo dục, sản phẩm đào tạo để điều chỉnh và cải tiến chất lượng hoạt động dạy học [H11.11.05.05].

Hiện nay, ngành QTKD chưa có những dự đoán tỷ lệ mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT, chưa phân tích xu hướng tăng/giảm mức độ hài lòng và chưa thực hiện việc đối sánh với các CTĐT khác trong trường và với các trường đại học trong nước và quốc tế về mức độ hài lòng của các bên liên quan.

##### **2. Điểm mạnh**

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ

hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

### **3. Điểm tồn tại**

Thông tin phản hồi ý kiến của các bên liên quan chưa đảm bảo tính khách quan;  
Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng;  
Chưa thực hiện việc và phân tích đối sánh với các trường đại học trong nước để cải tiến chất lượng.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2018-2019, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trên diện rộng;  
Năm 2019, Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình dạy học, chất lượng dịch vụ giáo dục, kết quả đào tạo của ngành QTKD.

Từ năm 2019, Khoa và Nhà trường thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các trường đại học trong nước.

### **5. Tự đánh giá tiêu chí 11.5: Đạt (mức 4/7)**

#### **Kết luận:**

Chất lượng đầu ra của người học được đảm bảo, Trường Đại học Vinh và ngành Quản trị kinh doanh đã giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Mặt khác nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của sinh viên có chất lượng, sinh viên ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

### **Tự đánh giá Tiêu chuẩn 11: Đạt (mức 4.0/7)**

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Ngành Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế, Đại học Vinh đã triển khai Tự đánh giá chương trình đào tạo. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên trong trường nói chung và khoa Kinh tế nói riêng. Với mục đích của nhà trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực về ngành đào tạo Quản trị kinh doanh, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm lớn của quốc gia về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và toàn xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường và Khoa Kinh tế phụ trách ngành Quản trị kinh doanh đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, HS, SV của Nhà trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn quy định

Khoa Kinh tế đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành Quản trị kinh doanh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ.

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ

sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức chuyên nghiệp và khối kiến thức chuyên ngành) Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân Quản trị kinh doanh, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành QTKD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành QTKD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Khoa Kinh tế có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên hiện đang được trẻ hóa, giảng viên được tuyển mới phần lớn có trình độ thạc sĩ trở lên nên tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên trên tổng số giảng viên đạt gần 100%.

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Khoa Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh đã đưa ra những phương pháp giảng dạy đúng đắn, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết sinh viên và rèn các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của sinh viên. Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế cần tạo các môi trường giúp sinh viên có thể đi tìm hiểu các doanh nghiệp, có cái nhìn thực tế về các công ty, doanh nghiệp hoạt động; những cuộc hội nghị, hội thảo về cải tiến chương trình đào tạo cho sinh viên và cách dạy học cho giảng viên nhiều hơn.

Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Đội ngũ giảng viên của Khoa đạt

yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ sư phạm, có tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm công tác. Nhà trường có nhiều cách thức đánh giá năng lực giảng viên ở nhiều cấp độ khác nhau đồng thời có các chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích giảng viên giảng dạy và NCKH. Hệ thống đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ hợp lý có tác động tốt đến tinh thần và sự tích cực trong công việc của cán bộ, giảng viên.

Khoa Kinh tế đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành Quản trị kinh doanh có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa Kinh tế.

Chất lượng đầu ra của người học được đảm bảo, Trường ĐH Vinh và ngành Quản trị kinh doanh đã giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Mặt khác nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của sinh viên có chất lượng, sinh viên ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá bên cạnh những thành tựu đạt được, Trường Đại học Vinh và Khoa Kinh tế nói riêng tự nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục, Nhà trường và Khoa phụ trách sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng ngành Quản trị kinh doanh, xứng đáng là một ngành đào tạo có vị thế trong sự phát triển của Nhà trường và xã hội.



## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**  
 Tên chương trình đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

<b>Tiêu chuẩn, tiêu chí</b>	<b>Thang đánh giá</b>							<b>Tổng hợp theo tiêu chuẩn</b>		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>										
Tiêu chí 1.1				4				4.00	3	100%
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>										
Tiêu chí 2.1				4				4.00	3	100%
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>										
Tiêu chí 3.1					5			5.00	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>										
Tiêu chí 4.1					5			4.70	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>										
Tiêu chí 5.1						6		5.50	5	100%
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3						6				
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						

<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>										
Tiêu chí 6.1				4				4.00	7	100%
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>										
Tiêu chí 7.1				4				4.00	5	100%
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>										
Tiêu chí 8.1					5			4.40	5	100%
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>										
Tiêu chí 9.1					5			5.00	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					

<b><i>Tiêu chuẩn 10</i></b>										
Tiêu chí 10.1				4				4.4	6	100%
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b>										
Tiêu chí 11.1				4				4.00	5	100%
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>49.00</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>

Nghệ An, ngày tháng năm 2018  
**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS. Đinh Xuân Khoa**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT

#### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/8/2017

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
  - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: TDV
  - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0238 3855 452 (số máy lẻ 238)Số fax: 038 3855 269
7. E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961
11. Loại hình cơ sở giáo dục:  
Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế
  - Tiếng Anh: Economic Department
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
  - Tiếng Anh: Business Administration Management
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Kinh tế
15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh
- Tiếng Anh: Business Administration Program

16. Mã CTĐT: 7.34.01.01

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

18. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Tầng 2 Nhà A0 Trường Đại học Vinh số 182 Lê Duẩn Thành Phố Vinh

19. Số điện thoại liên hệ: 02383.855.452; Số fax: 02388.552.269

20. E-mail: khoakinhte@vinhuni.edu.vn; Website: www/http/khoakinhtevinhuni

21. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 2003

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

24. *Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:*

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trải qua hơn 15 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Kinh tế đã đào tạo hàng ngàn cử nhân, hàng trăm Thạc sĩ kinh tế khẳng định được vị thế của mình đối với sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Hiện nay, Khoa có 60 cán bộ, trong đó có 57 giảng viên với 1 PGS.TS, 19 TS, 37 ThS (có 23 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước). Năm 2003 đến nay, Khoa Kinh tế đã có 12 khoá học chính quy khối ngành Kinh tế với trên 4.500 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Khoa Kinh tế hiện đang đào tạo 5 mã ngành đại học (Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Kinh tế nông nghiệp) và hai chuyên ngành sau đại học (Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế) với 3.359 sinh viên chính quy, 1.315 sinh viên hệ không chính quy và 350 học viên cao học và 03 nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo và cấp chứng chỉ: Kế toán tổng hợp, Kế toán máy, Kế toán trưởng, Quản trị doanh nghiệp, Marketing bán hàng, Đầu tư chứng khoán, Nghiệp vụ ngân hàng,... cho hơn 3.000 học viên.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Sau 15 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng nhiều. Nhiều đồng chí hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trên địa bàn.

### ***Chức năng, nhiệm vụ***

#### *- Chức năng:*

Khoa Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước.

#### *- Nhiệm vụ:*

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

+ Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp.

+ Đào tạo trình độ Thạc sĩ Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế.

+ Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

+ Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về Kinh tế và Quản lý kinh tế.

+ Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.

+ Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

### ***Hoạt động đào tạo***

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Khoa luôn xác định hoạt động đào tạo là hoạt động cơ bản và có ý nghĩa sống còn. Hoạt động đào tạo của Khoa được biểu hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

#### *- Hệ đại học chính quy:*

Đây được xem là hệ đào tạo xương sống của Khoa. Từ khi thành lập Khoa (2003) đến nay, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo hệ cử nhân kinh tế với các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Kinh tế. Khoa đã xây dựng khung

chương trình, chương trình và đề cương chi tiết các học phần cho tất cả 05 mã ngành đào tạo Đại học. Tất cả các chương trình này được xây dựng mang tính khoa học và cập nhật. Từ năm học 2007- 2008, cùng với toàn Trường, các ngành đào tạo chính quy của Khoa đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khoa cũng đã công bố được chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đại học chính quy do Khoa quản lý và đang xây dựng chương trình đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Kinh tế nông nghiệp theo hướng tiếp cận CDIO. Từ năm 2017 Khoa Kinh tế được phép đào tạo sinh viên hệ chất lượng cao đối với ngành Quản trị kinh doanh. Hoạt động đào tạo hệ đại học chính quy của Khoa luôn được thực hiện đúng quy chế, đúng kế hoạch. Các hoạt động dạy, học, thi và đánh giá được tổ chức một cách cơ bản, khoa học, công bằng và khách quan.

*- Hệ đào tạo Sau đại học:*

Đây là một mảng đào tạo đang ngày càng phát triển do nhu cầu nâng cao trình độ của xã hội và uy tín, thương hiệu của nhà trường. Hiện tại khoa đang đào tạo chuyên ngành Thạc sĩ Kinh tế chính trị, thạc sĩ Quản lý kinh tế. Để nâng cao chất lượng và đảm bảo uy tín đào tạo, Khoa chú trọng đến việc quản lý học viên cả về thời gian và chất lượng học tập nghiên cứu. Việc kiểm tra, đánh giá, luôn chặt chẽ từ khâu dạy, ra đề thi, coi thi và chấm bài. Các chuyên ngành đã phát triển khá mạnh mẽ các hướng nghiên cứu gắn với yêu cầu phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

Ban chủ nhiệm, các Bộ môn và đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học của Khoa xác định, đây là bậc đào tạo cán bộ có chất lượng cao cho đất nước. Khung chương trình, chương trình chi tiết các ngành Cao học do Khoa quản lý, đào tạo đều được biên soạn công phu, nghiêm túc, khoa học và cập nhật. Từ năm học 2013 - 2014 đến nay, đồng thời với việc đổi mới khung và nội dung chương trình, các cán bộ đào tạo sau đại học của khoa đã biên soạn chương trình chi tiết của 20 chuyên đề đào tạo cao học thạc sĩ theo học chế tín chỉ.

Kể từ đợt tuyển sinh năm 2012, ngoài tuyển sinh 05 mã ngành Đại học chính quy, 03 mã ngành đào tạo vừa làm vừa học và 01 mã ngành từ xa, Khoa Kinh tế chính thức đào tạo Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị từ năm 2012 và thạc sĩ Quản lý kinh tế (từ năm 2016). Đến nay, Khoa đã và đang đào tạo 05 khóa Thạc sĩ Kinh tế chính trị, trong đó có 04 khóa đã tốt nghiệp. Số lượng học viên cao học tăng

nhanh qua các năm cho thấy nhu cầu học cao học kinh tế ở Nghệ An nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ đang rất lớn.

Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Kinh tế còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

- Trải qua 4 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Kinh tế đã được khen thưởng:

- + Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc hàng năm;
- + Tập thể lao động giỏi;
- + 02 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- + 05 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + 04 Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- + 02 Giấy khen Tỉnh Đoàn cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác

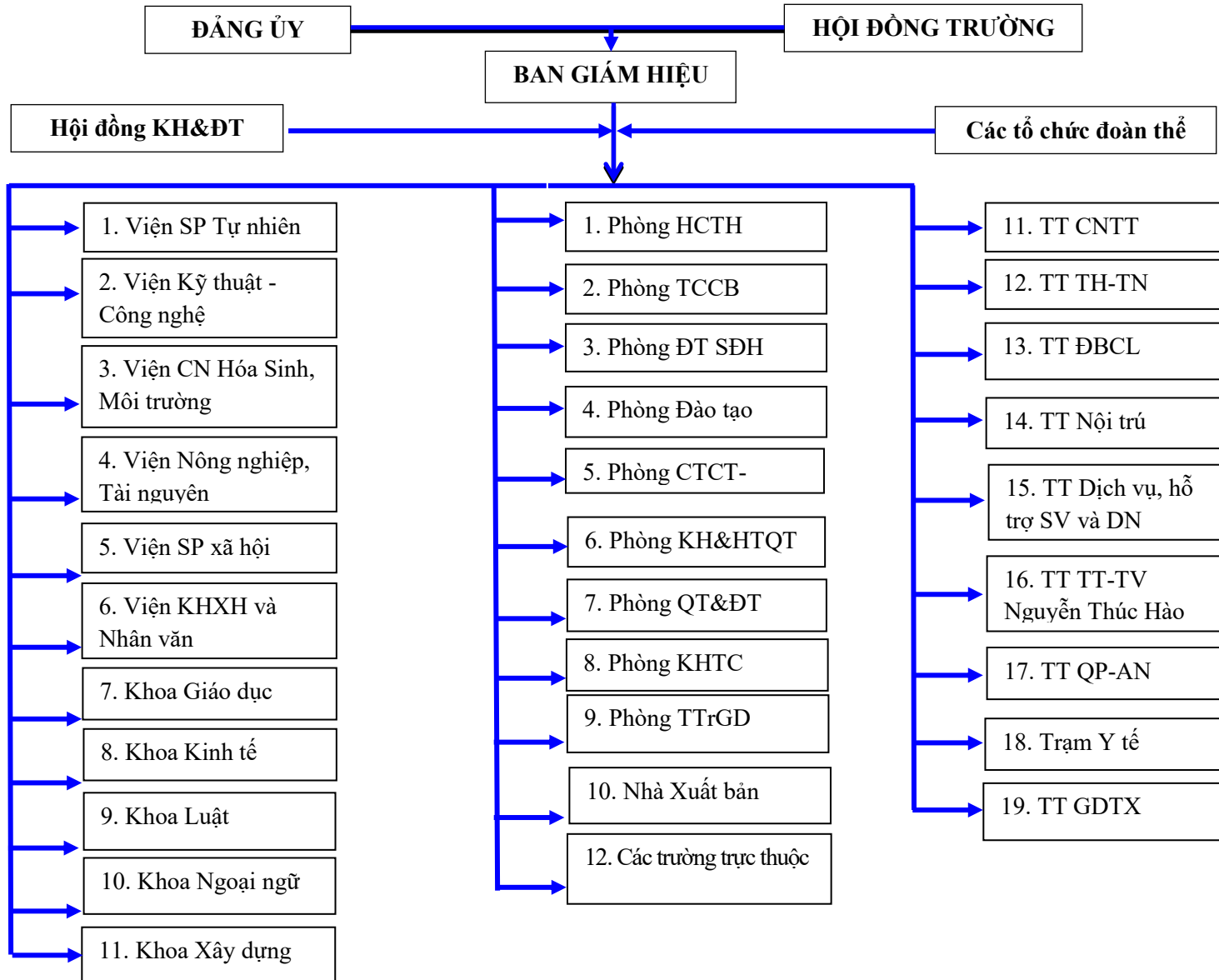
Đoàn và phong trào thanh niên.

*25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).*

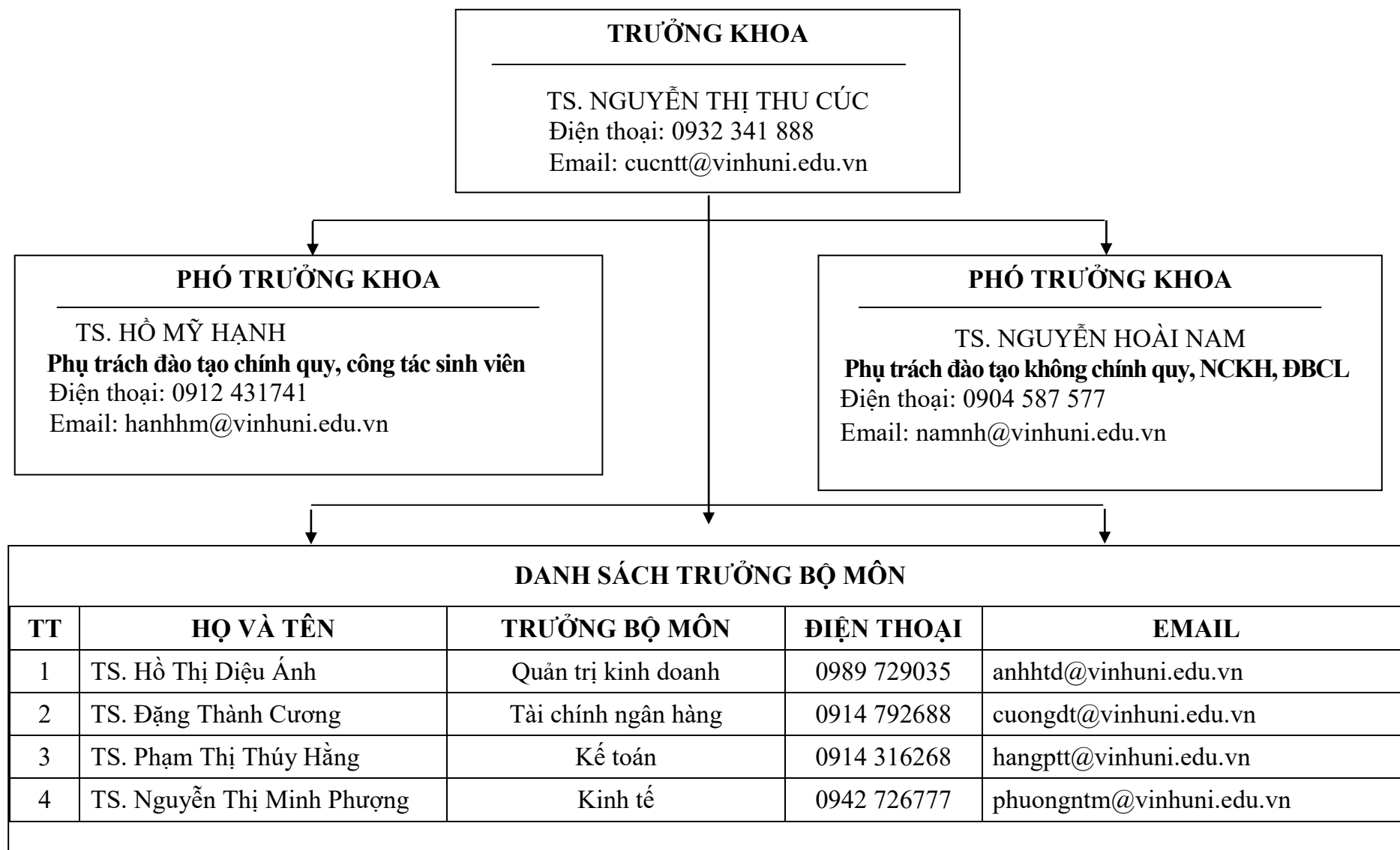




## SƠ ĐỒ CƠ CẤU NHÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



## SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA KINH TẾ



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT  
(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	<b>Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh</b>					
1	Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy	Đình Xuân Khoa	1960	GS.TS	0383855529	khoadx@vinhuni.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Thái Văn Thành	1969	GS.TS	0383856835	thanhtv@vinhuni.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng	1977	PGS.TS	0383733888	bangnh@vinhuni.edu.vn
4	Chủ tịch HĐ Trường	Nguyễn Hoa Du	1968	PGS.TS	0912574484	dunh@vinhuni.edu.vn
5	Chủ tịch Công đoàn	Phạm Thị Bình	1971	TS	0983551387	binhpt@vinhuni.edu.vn
	<b>Khoa Kinh tế</b>					
<b>I.</b>	<b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>					
1	Trưởng khoa	Nguyễn Thị Thu Cúc	1978	TS	0912341888	cucntt@vinhuni.edu.vn
2	Phó Trưởng khoa	Hồ Mỹ Hạnh	1977	TS	1092431741	hanhnm@vinhuni.edu.vn
3	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Hoài Nam	1981	TS	0904587577	namnh@vinhuni.edu.vn
<b>II.</b>	<b>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>					
1	Đảng bộ BP	Nguyễn Thị Thu Cúc	1978	TS, Bí thư	0912341888	cucntt@vinhuni.edu.vn
2	Công đoàn	Thái Thị Kim Oanh	1979	TS, Chủ tịch	0917774489	oanhttk@vinhuni.edu.vn
3	Liên chi đoàn	Nguyễn Thị Bích Thủy	1986	ThS, Bí thư	0977123627	thuyntb@vinhuni.edu.vn
4	Liên chi hội sinh viên	Nguyễn Thị Thanh Hiền	1998	Sinh viên, LCH trưởng	0966643444	thanhvien.2706@gmail.com
<b>III.</b>	<b>Các trợ lý hành chính</b>					

1	Trợ lý đào tạo chuyên trách	Nguyễn Năng Hùng	1990	CN	0941586688	hungnn@vinhuni.edu.vn
2	Trợ lý QLSV	Trần Thị Thúy Nga	1991	CN	0947626562	ngattt@vinhuni.edu.vn
3	Văn phòng khoa	Lê Thị Hồng Phương	1976	ThS	0915562586	phuonglth@vinhuni.edu.vn
<b>IV.</b>	<b>Các bộ môn</b>					
1	BM Quản trị kinh doanh	Hồ Thị Diệu Ánh	1979	TS, TBM	0948983777	anhhtd@vinhuni.edu.vn
2	BM Kế toán	Phạm Thị Thúy Hằng	1983	TS, TBM	0914316268	hangptt@vinhuni.edu.vn
3	BM Tài chính ngân hàng	Đặng Thành Cương	1980	TS, TBM	0914792688	cuongdt@vinhuni.edu.vn
4	BM Kinh tế	Nguyễn Thị Minh Phượng	1978	TS, TBM	0942726777	phuongntm@vinhuni.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 5

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 1

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 2

Số lượng ngành đào tạo đại học: 5

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

29. Tổng số các ngành đào tạo : 5

**IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo****V. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và chuyên viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
<b>I</b>	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>1</sup></b>	<b>10</b>	<b>48</b>	<b>58</b>
1	Cán bộ trong biên chế	10	45	55
2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	3	3
<b>II</b>	<b>Các cán bộ khác</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )	0	2	2
	<b>Tổng số</b>	<b>10</b>	<b>50</b>	<b>60</b>

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV hợp đồng dưới 01 năm	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1	0	0	0	0
3	TSKH	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	19	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	37	32	3	0	2	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>57</b>	<b>52</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 55 người

<sup>1</sup>Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 95% (=55/58)

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV hợp đồng dưới 01 năm	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi	-	-	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	-
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	1	1	0	0	0	0	3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	19	19	0	0	0	0	38
5	Thạc sĩ	1,0	37	32	3	0	2	0	35,4
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>		<b>57</b>	<b>52</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>76,4</b>

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1,8	1	0	0	0	0	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	34,5	3	16	0	17	2	0	0
5	Thạc sĩ	35	63,7	5	30	4	31	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>55</b>	<b>100</b>	<b>9</b>	<b>46</b>	<b>4</b>	<b>48</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1</b>

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 34 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn

vị thực hiện CTĐT: 36,3%;

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%;

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu;

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	18,1	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	58,2	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	18,1	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5,6	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

## VI. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2013-2014	462	359	77.7%	224	15.0	16,5	9
2014-2015	439	344	78.4%	171	15.0	16,25	6
2015-2016	320	272	85.0%	201	16.0	17,5	8
2016-2017	255	232	91.0%	105	15.0	17,25	3
2017-2018	315	310	98.4%	159	15.5	16,75	1
2018-2019	418	411	98.6%	166	14.0	16,50	1



36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

<b>Các tiêu chí</b>	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	224	171	201	105	159
Hệ không chính quy	51	60	60	57	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

	<b>Năm học</b>				
	<b>2013</b> -	<b>2014</b> -	<b>2015</b> -	<b>2016</b> -	<b>2017</b> -
	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>
Số lượng (người)	9	6	8	3	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	6.5%	2.6%	4.5%	1.5%	0.9%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>
	-	-	-	-	-
	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	4.928	4.928	4.928	4.928	6.008
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	160	256	272	252	269
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	10	16	12	10	10
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	5.3 m <sup>2</sup>	5.3 m <sup>2</sup>	5.3 m <sup>2</sup>	5.3 m <sup>2</sup>	5.3 m <sup>2</sup>

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2012	2013	2014	2015	2016
	-	-	-	-	-
	2013	2014	2015	2016	2017
Số lượng (người)	4	5	8	5	10
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	4.2	3.2	5	3.8	6.6

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013	2014	2015	2016	2017
	-	-	-	-	-
	2014	2015	2016	2017	2018
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	164	167	134	163	103
Hệ không chính quy		51	60	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013	2014	2015	2016	2017
	-	-	-	-	-
	2014	2015	2016	2017	2018
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	164	167	134	163	103
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	86.8%	84.8%	87.01%	72.8%	60.2%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013	2014	2015	2016	2017
	- 2014	- 2015	- 2016	- 2017	- 2018
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	74%	73,5%
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	-	-	-	-	-
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	-	-	-	-	68,2%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	-	-	-	-	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	-	-	-	-	31,8%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	-	-	-	-	6,5tr
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013	2014	2015	2016	2017
	-	-	-	-	-
	2014	2015	2016	2017	2018
đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-	-	-	-	86,7%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-	-	-	-	34%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	-	-	-

**Ghi chú:**

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

**VII. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
			-	-	-	-	-	
			2014	2015	2016	2017	2018	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	-	-	-	-	-	-
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	-	-	1	1	1	3,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	6	6	13	4	16
4	Tổng							19

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 19

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,35

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
1	2013 - 2014	-	-	-
2	2014 - 2015	-	-	-
3	2015 - 2015	-	-	-
4	2016 - 2017	-	-	-
5	2017 - 2018	-	-	-

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	7	36	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	7	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	-	7	43	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Sách chuyên khảo	2,0	-	-	1	-	-	2,0
2	Sách giáo trình	1,5	2	3	-	3	-	12
3	Sách tham khảo	1,0	1	-	2	-	-	3,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-	-
5	Tổng							17

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 17

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,31

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	15	1	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	1	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	4	15	2	-

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1.5	3	1	4	2	9	28,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1.0	61	74	93	42	28	298
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0.5	5	3	7	5	30	25
	Tổng							351,5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 351,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6,4

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	5	37	2
Từ 6 đến 10 bài báo	-	15	-
Từ 11 đến 15 bài báo	-	2	-
Trên 15 bài báo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	5	54	2

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	-	6	-	7	15
2	Hội thảo trong nước	0,5	-	3	18	3	-	12
3	Hội thảo cấp trường	0,25	3	2	3	1	28	6,5
4	Tổng							33,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 33,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,61

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	8	16	28
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	1	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	8	16	28

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2013-2014	-
2014-2015	-
2015-2015	-
2016-2017	-
2017-2018	-

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	14	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	-	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số người học tham gia	-	-	14	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	-	1	2	2	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	-	-	2	2	1

**VIII. Cơ sở vật chất, thư viện**

- Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 389,924.4 m<sup>2</sup>
- Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 150 m<sup>2</sup>
- Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>): 88,851.6 m<sup>2</sup>
  - Nơi làm việc: 3,266 m<sup>2</sup> Nơi học: 50,585.6 m<sup>2</sup> Nơi vui chơi giải trí: 35,000 m<sup>2</sup>
- Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)
  - Tổng diện tích phòng học: 50,585.6 m<sup>2</sup>
  - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m<sup>2</sup>/1 sv



5. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1,793 đầu sách

6. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1,116 bộ cho toàn bộ sinh viên chính quy của trường

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,057 máy tính/ 1 người học chính quy

## **IX. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 58 cán bộ

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 95% (=55/58)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 36,3%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 628;

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 11,4;

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 66,3%;

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 93%;

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 7%;

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 68,2%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 31,8%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6,5 triệu/tháng.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 86,7%;

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 34%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,35

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,31

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6,4

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,61

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,057 máy tính/1 người học chính quy

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m<sup>2</sup>/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5,33 m<sup>2</sup> / người

## Phụ lục 2: Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1185/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 13 tháng 10 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
các ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật xây dựng, Ngôn ngữ Anh**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 118/KH-BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV, ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật xây dựng và Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: HCTH, ĐBCL.



GS.TS. Đinh Xuân Khoa




### DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

(Kèm theo Quyết định số: 1185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2	Ông Ngô Đình Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	Phó Chủ tịch
4	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Thư kí
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	Ông Trần Đình Quang	Phó Giám đốc phụ trách TT ĐBCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
9	Ông Phạm Công Lý	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
11	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
13	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Thư viện	Thành viên
14	Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên
15	Bà Hồ Thị Diệu Ánh	Trưởng Bộ môn, khoa Kinh tế	Thành viên
16	Bà Thái Thị Kim Oanh	Giảng viên, khoa Kinh tế	Thành viên
17	Ông Cao Xuân Kỳ	Sinh viên K56B2 QTKD, khoa Kinh tế	Thành viên

Danh sách này gồm có 17 người. 



**DANH SÁCH**

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
ngành Quản trị kinh doanh**

*(Kèm theo Quyết định số: 1185/QĐ-DHV ngày 23 tháng 10 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Trưởng ban
2.	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
3.	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
4.	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
5.	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
6.	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7.	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
8.	Ông Lê Công Đức	Phó Giám đốc phụ trách TT DV, HTSV&QHDN	Thành viên
9.	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
10.	Bà Đinh Thị Hải Bình	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
11.	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
12.	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
13.	Ông Phan Hùng Thư	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
14.	Ông Lê Khắc Phong	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
15.	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	Thành viên
16.	Bà Chu Thị Ngọc Diệp	Chuyên viên TT TH-TN	Thành viên
17.	Bà Hoàng Thị Nga	Chuyên viên Thư viện	Thành viên
18.	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
19.	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên
20.	Bà Hồ Mỹ Hạnh	Phó Trưởng khoa, khoa Kinh tế	Thành viên
21.	Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Trưởng khoa, khoa Kinh tế	Thành viên
22.	Bà Hồ Thị Diệu Ánh	Trưởng Bộ môn, khoa Kinh tế	Thành viên
23.	Bà Thái Thị Kim Oanh	Giảng viên, khoa Kinh tế	Thành viên
24.	Bà Trần Thị Thúy Nga	Trợ lý QLSV, khoa Kinh tế	Thành viên
25.	Bà Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Giảng viên, khoa Kinh tế	Thành viên

*Danh sách này gồm có 25 người.*

## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ngành Quản trị kinh doanh)

Kèm theo Quyết định số: 1155/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017  
(của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)



TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>NHÓM 1:</b> <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Bản mô tả chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
1	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
3	Bà Thái Thị Kim Oanh	Giảng viên khoa Kinh tế	
4	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	
5	Ông Phan Hùng Thư	Chuyên viên phòng Đào tạo	
<b>NHÓM 2:</b> <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			(6 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	
3	Ông Lê Khắc Phong	Chuyên viên phòng Đào tạo	
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Giảng viên khoa Kinh tế	
5	Bà Đinh Thị Hải Bình	Chuyên viên TT ĐBCL	
<b>NHÓM 3:</b> <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Đánh giá kết quả học tập của người học. <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			(10 tiêu chí)
1	Bà Hồ Thị Diệu Ánh	Trưởng Bộ môn, khoa Kinh tế	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
3	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	
4	Ông Lê Công Đức	Phó Giám đốc phụ trách TT DV, HTSV&QHDN	
5	Bà Trần Thị Thúy Nga	Trợ lý QLSV khoa Kinh tế	
<b>NHÓM 4:</b> <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Đội ngũ nhân viên.			(12 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Trưởng nhóm
2	Bà Hồ Mỹ Hạnh	Phó Trưởng khoa Kinh tế	
3	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
4	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	

<b>NHÓM 5:</b> <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	
3	Bà Chu Thị Ngọc Diệp	Chuyên viên TT TH-TN	
4	Bà Hoàng Thị Nga	Chuyên viên Thư viện	
5	Bà Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Giảng viên khoa Kinh tế	
<b>NHÓM 6:</b> <b>Tiêu chuẩn 10:</b> Nâng cao chất lượng. <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Kết quả đầu ra.			(11 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	
3	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	
4	Bà Hồ Mỹ Hạnh	Phó Trưởng khoa Kinh tế	
5	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên TT ĐBCL	
<b>NHÓM 7:</b> - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Trưởng khoa Kinh tế	
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
4	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và để đăng kí kiểm định chất lượng.

**2. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kì kiểm định chất lượng (01/9/2012-31/8/2017).

**3. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

**4. Hội đồng tự đánh giá**

*4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá*

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Quản trị kinh doanh* được thành lập theo Quyết định số 1185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, Hội đồng gồm có 17 thành viên (*có danh sách kèm theo*).

*4.2. Ban thư kí giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách* gồm 25 người (*có danh sách kèm theo*).

*4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)*

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm 1	29/10/2017 - 25/2/2018	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	29/10/2017 - 25/2/2018	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 3	29/10/2017 - 25/2/2018	

4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4	29/10/2017 - 25/2/2018	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	29/10/2017 - 25/2/2018	
6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 6	29/10/2017 - 25/2/2018	
7	Báo cáo tự đánh giá, Danh mục MC	Nhóm 7	26/02/2018 – 29/4/2018	

### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 và 2	- Phân tích tiêu chí (1-6); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (1-6); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Kinh tế, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
2	Tiêu chuẩn 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (7-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (7-12); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Kinh tế, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
3	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (13-34); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Kinh tế, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV& QHDN; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
4	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
5	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
6	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Kinh tế, phòng Đào tạo, TT ĐBCL; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	



## 6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, doanh nghiệp... có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

## 7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

## 8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 1 - 2</b> 23/10 - 05/11/2017	<ol style="list-style-type: none"><li>Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (khoa Kinh tế) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li><li>Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none"><li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li><li>Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li><li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li><li>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li></ul></li></ol>
<b>Tuần 3 - 4</b> (06 - 19/11/2017)	<ol style="list-style-type: none"><li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li><li>Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:<ul style="list-style-type: none"><li>Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li><li>Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li><li>Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.</li></ul></li></ol>
<b>Tuần 5 - 8</b> (20/11 - 24/12/2017)	<ol style="list-style-type: none"><li>Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li><li>Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li><li>Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li><li>Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</li><li>Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</li></ol>
<b>Tuần 9 - 15</b> (25/12 - 11/02/2018)	<ol style="list-style-type: none"><li>Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li><li>Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li></ol>

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 16</b> (26/02 - 04/3/2018)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> <li>• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>• Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>• Thư kí Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
<b>Tuần 17-18</b> (05/3 - 18/3/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>
<b>Tuần 19-21</b> (19/3 - 08/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>
<b>Tuần 22-23</b> (09/4 - 22/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.</li> </ol>
<b>Tuần 24</b> (23/4 - 29/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.</li> </ol>

**Nơi nhận:**

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: HCTH, ĐBCL



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
 PGS.TS. Ngô Đình Phương